

Ngày 30 tháng 03 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCX HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH-TECH MATERIALS**

Mã chứng khoán: **MSR**

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6256 3862 Fax: (028) 3827 4115

Website: www.masangroup.com/masanresources

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Nguyên Hải

Địa chỉ: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): (028) 6256 3862 Fax: (028) 3827 4115

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“**Công Ty**”) công bố Báo cáo thường niên năm 2020 của Công Ty.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/03/2021 tại đường dẫn <https://masangroup.com/masanresources/investor-center/annual-reports>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin



PHẠM NGUYỄN HẢI

MASAN HIGH-TECH MATERIALS

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại : +84 28 6256 3862
Fax: + 84 28 3827 4115

Văn phòng đại diện
Tầng 15, tòa tháp Quốc tế Hòa Bình,
106 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 24 3718 2490
Fax: +84 24 3718 2491

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN & PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2020

MASAN HIGH-TECH MATERIALS

MASAN
HIGH-TECH MATERIALS



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
& *Phát triển bền vững* **2020**

M A S A N
HIGH-TECH MATERIALS



GO GLOBAL





Goslar - Đức



Thái Nguyên - Việt Nam



Sarnia - Canada



江鶴世泰科鶴品有限公司
Jiangwu H.C. Starck Tungsten Products Co., Ltd.
世泰科江鶴特種鶴(贛州)有限公司
H.C. Starck Jiangwu Tungsten Products Co., Ltd. Cám Châu - Trung Quốc

MỤC LỤC

THÔNG TIN CHUNG

Thông điệp từ Ban Giám đốc	8
Kết quả nổi bật	10
Giải thưởng tiêu biểu	12
Tầm nhìn và sứ mệnh	14
Hồ sơ Công ty	16
Tài sản chính của Công ty	18
Sản phẩm của Công ty	23
Thông tin cổ đông	34

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Cơ cấu tổ chức	38
Sơ đồ tổ chức	50
Cơ cấu quản lý	52

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Phát triển bền vững tại MHT	70
Mục tiêu phát triển của Công ty	70
Mục tiêu phát triển xã hội	71
Thực hiện chiến lược vươn ra toàn cầu	71

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Báo cáo định hướng kinh doanh	74
Kết quả kinh doanh	78
Báo cáo đánh giá của Ban Giám đốc	81
Báo cáo đánh giá của Hội đồng Quản trị	84
Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát	87
Báo cáo quản trị Công ty	90
Quản trị rủi ro	100

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

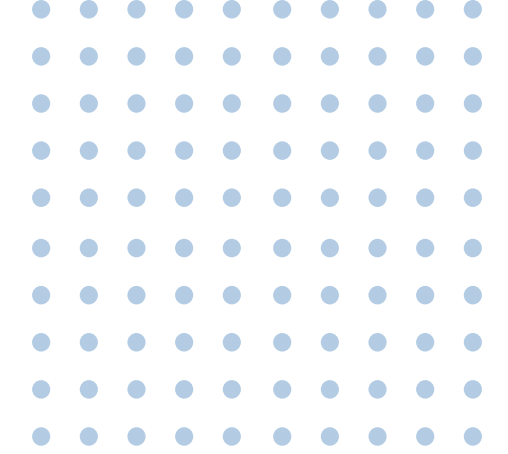
Chiến lược phát triển bền vững	118
Khung phát triển bền vững	119
Cải thiện cấu trúc quản trị phát triển bền vững	122
Ban Quản lý Năng lượng	124
Đổi mới sáng tạo để phát triển bền vững	126
Khai thác khoáng sản bền vững	134
Sản xuất bền vững	140
Quản lý Chuỗi Cung ứng bền vững	160
Phát triển bền vững nguồn nhân lực	166
Phát triển bền vững về sức khỏe và an toàn lao động	178
Phát triển bền vững về môi trường	198
Phát triển bền vững cùng cộng đồng	218

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính tổng quan	236
Thông báo của Ban Quản trị	239
Báo cáo kiểm toán độc lập	240
Bảng cân đối kế toán	241
Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	245
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	247
Thuyết minh báo cáo tài chính	250

PHỤ LỤC

Khuyến cáo đối với các nhận định về tương lai	298
Các từ viết tắt/Định nghĩa	299



THÔNG TIN CHUNG



- Thông điệp từ Tổng Giám đốc
- Kết quả nổi bật năm 2020
- Giải thưởng và ghi nhận tiêu biểu năm 2020
- Tầm nhìn và sứ mệnh
- Hồ sơ Công ty
- Tài sản chính của Công ty
- Sản phẩm của Công ty
- Thông tin cổ đông

THÔNG điệp từ Tổng Giám đốc

Kính thưa các Quý Cổ đông

Thưa toàn thể Quý vị,

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu đến Quý vị cuốn Báo cáo Thường niên và Phát triển bền vững năm 2020 của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials với những thông tin mới nhất về sự tăng trưởng và phát triển của Công ty.

Năm 2020 - một năm đầy khó khăn, thách thức đã đi qua! Đầu năm 2020, chúng tôi đã khá lạc quan khi thấy những dấu hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh khi nhận được rất nhiều đơn hàng của khách hàng. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu, niềm lạc quan ấy nhanh chóng tan biến và năm qua thực sự đã trở thành một năm đầy thách thức. Tuy vậy, Công ty vẫn vững vàng hoạt động và chúng tôi là một trong những công ty linh hoạt đáp ứng nhu cầu của khách hàng, ứng phó nhạy bén với tình trạng các cảng biển, nhà máy hay thậm chí là cả một quốc gia phải đóng cửa thị trường tài chính vì Covid-19, và cuối cùng đặc biệt quan trọng đó là quản trị dòng tiền hiệu quả. Bất chấp những thách thức ngắn hạn này, chúng tôi luôn bám sát mục tiêu cốt lõi, đó là xây dựng một nền tảng vật liệu chiến lược, quan trọng hàng đầu thế giới. Vì vậy, chúng tôi vẫn tiếp tục định hướng phát triển này thông qua hoàn tất giao dịch mua lại Công ty H.C. Starck Tungsten Powders. Bởi lẽ nếu chúng tôi bỏ qua cơ hội này thì sẽ có người khác mua lại và vị thế cạnh tranh của Công ty sẽ suy yếu trong dài hạn thay vì được nâng cao.

Đến nay, những gì chúng tôi có được là một nền tảng tuyệt vời cho phép Masan High-Tech Materials có thể hợp nhất theo chiều dọc với các dòng sản phẩm hiện có của hai công ty con là Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và Công ty TNHH Vonfram Masan, đồng thời mở rộng cơ cấu danh mục sản phẩm, mạng lưới khách hàng và phạm vi địa lý. Việc mở rộng này sẽ còn tiếp tục khi chúng tôi hợp nhất các nền tảng kinh doanh.

Kết quả tích cực sau quyết định mua lại H.C. Starck Tungsten Powders là vào tháng 9 năm 2020, Công ty Mitsubishi Materials

Corporation đã đầu tư vào Masan High-Tech Materials bằng việc mua cổ phần của Công ty với giá cao hơn giá thị trường.

Vươn ra toàn cầu

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020, chúng tôi đề xuất đổi tên Công ty từ Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (MSR) thành Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (MHT) để phản ánh tầm nhìn, khát vọng vươn xa toàn cầu và đã được đại đa số cổ đông của Công ty thông qua. Qua nội dung cuốn Báo cáo Thường niên và Phát triển bền vững năm 2020, Quý vị sẽ thấy tên và logo mới của Công ty được sử dụng tại tất cả các cơ sở kinh doanh mới trên toàn cầu.

Sau khi mua lại H.C. Starck Tungsten Powders, chúng tôi đã tổ chức hội thảo kéo dài một tuần với Ban Điều hành chung của các công ty thành viên để đánh giá và thảo luận về việc hợp nhất các hoạt động kinh doanh riêng lẻ và các kế hoạch chiến lược, chiến thuật và cơ hội mở ra. Hội thảo đã thống nhất bầu ra Ban Điều hành chung, tiếp tục cập nhật tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Công ty để phản ánh khát vọng toàn cầu lớn hơn nữa. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi mới của Công ty được trình bày chi tiết tại trang 14 và 15. Hội thảo cũng là dịp để Ban Điều hành cùng nhau xác định các cơ hội tích lũy giá trị ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và các cơ hội giảm thiểu rủi ro sẽ được thực hiện trong hai năm tới.

Mặc dù đại dịch toàn cầu có thể khiến tốc độ phát triển của Công ty chậm lại trong ngắn hạn, nhưng năm 2021, chúng tôi đã nhìn thấy những lợi ích của việc hợp nhất này với việc sản lượng bán hàng tăng lên, có nhiều khách hàng mới, hiệu quả sử dụng cao hơn và chi phí sản xuất thấp hơn. Một tương lai rất sáng lạn đang mở ra ở phía trước.

Hiệu quả tài chính

Năm 2020, doanh thu thuần của Công ty đạt 7.291 tỷ đồng tăng 55% so với cùng kỳ năm 2019 nhờ việc hợp nhất mảng kinh doanh của H.C. Starck Tungsten Powders (từ tháng 6 năm 2020), bù lại một phần cho giá thực bán thấp

hơn bởi ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 toàn cầu đối với thị trường các sản phẩm của Công ty. Doanh thu sản phẩm Đồng đã tăng so với năm trước nhờ việc Công ty được cấp phép xuất khẩu Tinh quặng Đồng sản xuất trong năm 2018 và 2019 mặc dù giá bán không như kỳ vọng do ảnh hưởng của đại dịch tại thời điểm vận chuyển và bán hàng. Thời gian vận chuyển và bán hàng phần lớn phụ thuộc vào giấy phép xuất khẩu nên Công ty khó có thể chủ động về mặt thời gian. Tổng số 82.000 tấn Tinh quặng Đồng đã được vận chuyển theo đúng hạn mức trong giấy phép xuất khẩu đã cấp cho Công ty. Doanh thu sản phẩm Florit giảm là do sản lượng sản xuất giảm, dẫn đến doanh số và giá bán giảm.

Năm 2020 là một năm bao trùm bởi đại dịch Covid-19 với ảnh hưởng sâu rộng đến nhu cầu và sản xuất trên toàn cầu. Trong suốt năm 2020, do tình trạng đóng cửa của các cảng biển, nhà máy và quốc gia trên thế giới, doanh thu và giá của các sản phẩm của Công ty đều bị ảnh hưởng đáng kể. Các ngành sản xuất ô tô, hàng không vũ trụ, khoan khai thác dầu khí, cơ sở hạ tầng, kỹ thuật tổng hợp đều bị ảnh hưởng đáng kể do phải đóng cửa kéo dài do các công ty muốn bảo vệ an toàn cho người lao động và người dân. Khách hàng có nhu cầu hạn chế hoặc định kỳ không có nhu cầu vì họ điều chỉnh chuỗi cung ứng của mình xuống mức thấp hơn đáng kể. Một số khách hàng tìm cách hoạt động ngược chu kỳ và tiếp tục sản xuất ở mức trước đại dịch Covid-19 khi họ có thể hoạt động nhằm cố gắng tự hồi phục lại. Những khách hàng chủ chốt theo chiến lược này chắc chắn cũng giúp Công ty tránh khỏi những tác động tiêu cực nhất của sự kim hãm sản xuất.

Tại MHT, chúng tôi tìm cách cân bằng giữa việc đảm bảo Công ty tồn tại trong cuộc khủng hoảng toàn cầu, đồng thời khẳng định vị thế là người dẫn đầu trong quá trình phục hồi, từ đó tiếp tục đầu tư vào hàng tồn kho khi được sản xuất hoặc thu mua với giá có lợi về mặt thương mại. Chúng tôi tin rằng chiến lược này sẽ đem lại ích cho Công ty khi bước vào giai đoạn phục hồi toàn cầu.

Sản xuất ổn định với mức chi thấp nhất

MHT duy trì lượng cấp liệu đầu vào Nhà máy chế biến Núi Pháo ở mức 3,87 triệu tấn, tăng 2,3% so với năm 2019 và chỉ thấp hơn một chút so với mức kỷ lục đạt được năm 2018 là 3,89 triệu tấn. Tổng thời gian hoạt động của nhà máy đạt 95,4%, tăng 1,3% so với năm 2019. Đây là kết quả mang tầm thế giới nên tất cả chúng ta hoàn toàn có thể tự hào về thành tích này. Đây là minh chứng rõ ràng mà người lao động tự hào về công việc và các chuẩn mực thực hành bảo trì tiên tiến mà chúng tôi đã áp dụng. Chúng tôi sẽ từng bước áp dụng các chuẩn mực thực hành bảo trì tiên tiến này tại Việt Nam sang các cơ sở sản xuất toàn cầu khác trong tương lai.

Về sản xuất, sản lượng Đồng đã tăng 13% so với những năm trước trong khi sản lượng theo hàm lượng Vonfram tương đương tăng 68% nhờ sự hợp nhất nền tảng kinh doanh của H.C. Starck Tungsten Powders.

Về chi phí, việc tập trung và thúc đẩy sản xuất với chi phí thấp nhất được tiếp tục thực hiện vào năm 2020 đã giúp Công ty cắt giảm 16,5 triệu đô la Mỹ chi phí hoạt động so với năm 2019. Đáng chú ý là chi phí sản xuất mỗi tấn quặng tại Nhà máy Núi Pháo giảm được 14,7% so với cùng kỳ năm trước. Đây là kết quả tuyệt vời mà Công ty đạt được cho dù gặp nhiều khó khăn trong năm qua.

Tiếp tục phát triển định hướng nhất quán đối với môi trường sinh thái

Đây là năm đầu tiên chúng tôi tích hợp Báo cáo Thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững thành một báo cáo chung. Việc này nhằm thể hiện quan điểm của chúng tôi rằng hiệu quả tài chính và phát triển bền vững của doanh nghiệp luôn song hành với nhau, do vậy cần được thể hiện cùng nhau.

Chúng tôi không ngừng cải thiện hiệu quả hoạt động về mọi biện pháp phát triển bền vững, an toàn lao động, môi trường, cộng đồng và nguồn nhân lực. Báo cáo của chúng tôi đề cập chi tiết về những nỗ lực và hành trình cải tiến liên tục về hiệu quả hoạt động trong mọi khía cạnh phát triển bền vững và tôi mong muốn Quý vị dành thời gian đọc cuốn Báo cáo này.

Một trong những ý nghĩa quan trọng về phát triển bền vững là việc Công ty mua lại H.C. Starck Tungsten Powders, trong đó 40% thành phẩm Vonfram được sản xuất từ các vật liệu Vonfram tái chế. Chúng tôi kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng tỷ lệ tái chế này trong những năm tới.

Hướng tới tương lai

Hướng tới năm 2021 và những năm tiếp, chúng tôi thấy một tương lai sáng lạn hơn. Mặc dù chúng tôi vẫn đang phục hồi sau những ảnh hưởng của Covid-19 trên toàn cầu, nhưng chúng tôi đang nhận thấy những dấu hiệu tích cực từ phía khách hàng với số lượng các đơn hàng ngày càng tăng và chắc chắn giá các sản phẩm và vật liệu từ Vonfram, Đồng và Bitmut sẽ cao hơn. Chúng tôi cũng có thêm nhiều đơn đặt hàng của các khách hàng mới và có khả năng đáp ứng nhanh chóng nhu cầu ngày càng tăng nhờ cung cấp dịch vụ độc đáo và mô hình kinh doanh tích hợp. Với sự đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng và các dự án đổi mới sáng tạo của các nước trên thế giới, tăng chi tiêu cho năng lượng tái tạo, xe điện, công nghệ pin nhiên liệu, sự trở lại của nhu cầu sản xuất ô tô và kỹ thuật chung, triển vọng về nhu cầu đối với các sản phẩm của Công ty rất khả quan.

Một lần nữa, tôi xin cảm ơn các đối tác, khách hàng và các cổ đông của Công ty đã tin tưởng và đồng hành với Masan High -Tech Materials trong suốt thời gian qua.

Trân trọng cảm ơn!



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc



KẾT QUẢ NỔI BẬT NĂM 2020



Sản lượng khai thác

3.868.995 tấn



Thời gian vận hành thực tế của Nhà máy

95,4% (mục tiêu 93,75%)



Doanh thu thuần

7.291 tỷ đồng



Nộp Ngân sách Nhà nước

1.478 tỷ đồng



Sáp nhập thành công nền tảng kinh doanh Vonfram toàn cầu và ChemiLytics của H.C. Starck GmbH



Ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với Mitsubishi Materials Nhật Bản thông qua khoản đầu tư

90 triệu USD của MMC mua lại 10% cổ phần của MHT



Hỗ trợ phát triển cộng đồng

2,36 tỷ đồng (48 dự án phát triển cộng đồng, 1.100 hộ gia đình)



Tuân thủ đầy đủ luật bảo vệ môi trường và không có sự cố nào về môi trường



Doanh nghiệp Bền vững Việt Nam 3 năm liên tiếp



0.88

Tổng tần suất tai nạn thống kê (TRIFR)

GIẢI THƯỞNG VÀ GHI NHẬN TIÊU BIỂU NĂM 2020

Năm 2020, Masan High-Tech Materials liên tục góp mặt trong những bảng xếp hạng danh giá của các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế. Masan High-Tech Materials không ngừng đặt dấu chân vững chãi và mạnh mẽ trên hành trình vươn ra toàn cầu, tiếp tục khẳng định vị trí dẫn đầu của Công ty trong lĩnh vực chế biến khoáng sản và vật liệu công nghệ cao, đồng thời ghi dấu ấn trên bản đồ khai khoáng thế giới. Masan High-Tech Materials tự hào nhận được những giải thưởng và bằng khen ghi nhận thành tích và sự phát triển của Công ty trong năm qua:



Ông Võ Tiến Dũng, Giám đốc Đối ngoại, Cộng đồng, Môi trường đại diện Công ty MHT nhận bằng khen từ Ban tổ chức



Đại diện Công ty MHT nhận bằng khen từ Ban Tổ chức

BẰNG KHEN CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA LAO ĐỘNG GIỎI VÀ XÂY DỰNG TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN VỮNG MẠNH

Bình chọn và trao tặng bởi Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

BẰNG KHEN CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO “TOÀN DÂN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY TỈNH THÁI NGUYÊN”

Trao tặng bởi Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên

BẰNG KHEN CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG CÁC PHONG TRÀO THI ĐUA YẾU NƯỚC TỈNH THÁI NGUYÊN

Trao tặng bởi UBND tỉnh Thái Nguyên Đại Từ

CHỨNG NHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH-TECH MATERIALS TRONG TOP 50 DOANH NGHIỆP XUẤT SẮC NHẤT VIỆT NAM

Bình chọn và trao tặng bởi Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam.

CHỨNG NHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH-TECH MATERIALS TRONG BẢNG XẾP HẠNG 100 CÔNG TY ĐẠI CHÚNG LỚN NHẤT VIỆT NAM

Chứng nhận bởi Forbes Vietnam

BẰNG KHEN CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH TRONG CÔNG TÁC THU NỘP, QUẢN LÝ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

Trao tặng bởi Cục thuế tỉnh Thái Nguyên

BẰNG KHEN CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN

Trao tặng bởi Bộ Công Thương

GIẤY KHEN CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA YẾU NƯỚC VÀ CÔNG TÁC HỘI CHỮ THẬP ĐỎ HUYỆN ĐẠI TỪ GIAI ĐOẠN 2015-2020

Trao tặng bởi UBND huyện Đại Từ

BẰNG KHEN CHO CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA YẾU NƯỚC GIAI ĐOẠN 2015-2020

Trao tặng bởi Liên đoàn Lao động tỉnh Thái Nguyên

CHỨNG NHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH-TECH MATERIALS TRONG TOP 50 DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG XUẤT SẮC NHẤT VIỆT NAM

Bình chọn và trao tặng bởi Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam

CHỨNG NHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH-TECH MATERIALS TRONG TOP 500 DOANH NGHIỆP LỚN NHẤT VIỆT NAM

Bình chọn và trao tặng bởi Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam

BẰNG KHEN CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO ĐÃ CÓ THÀNH TÍCH XUẤT SẮC TRONG HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 2016-2020

Trao tặng bởi Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên

CHỨNG NHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH-TECH MATERIALS TRONG BẢNG XẾP HẠNG TOP 50 DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VIỆT NAM

Bình chọn và trao tặng bởi Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam – Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VBCSD-VCCI)



TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH



MỤC ĐÍCH

Trong năm tài chính 2020, Masan High-Tech Materials đã thực hiện những bước tiến đầu tiên trong chiến lược của Công ty và nhận được sự chấp thuận của đại đa số cổ đông trong việc đổi tên Công ty. Ban Giám đốc đã điều chỉnh tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Công ty để các bên liên quan hiểu rõ về kim chỉ nam trong hoạt động của Công ty, định vị và khát vọng của Công ty cũng như đường lối để hiện thực hóa khát vọng đó.

TẦM NHÌN

Trở thành nhà cung cấp tích hợp hàng đầu thế giới về vật liệu tiên tiến công nghệ cao, có tính quyết định đối với sự đổi mới sáng tạo toàn cầu.

SỨ MỆNH

Chúng tôi là đối tác được chọn của các ngành công nghiệp công nghệ cao. Sản phẩm của chúng tôi là thành phần then chốt trong việc định hình và phát triển tương lai của thế giới. Thông qua ứng dụng của các sản phẩm của Công ty, chúng tôi sẽ kiến tạo những giải pháp tuyệt vời để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và năng suất nhằm mang lại kết quả vượt trội cho tất cả các đối tác và các bên liên quan của Công ty.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TÔN TRỌNG

Chúng tôi tin rằng việc quan tâm đến con người, môi trường và cộng đồng sẽ mang lại mối quan hệ đôi bên cùng có lợi.

ĐỔI MỚI

Chúng tôi luôn cố gắng làm mọi việc với kết quả xuất sắc nhất.

KẾT QUẢ

Chúng tôi đam mê mang lại kết quả vượt ngoài mong đợi.

HỒ SƠ CÔNG TY

Tên Công ty

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài

Masan High-Tech Materials Corporation

Tên viết tắt

Masan High-Tech Materials

Trụ sở chính

Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại +84 28 6256 3862

Fax +84 28 3827 4115

Website www.masanhightechmaterials.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số. 0309966889 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010, sửa đổi lần thứ 18 ngày 14 tháng 12 năm 2020.

Vốn điều lệ 10.991.554.200.000 tỷ

Mã chứng khoán trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - HNX: MSR



LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Công ty được thành lập ngày 27 tháng 4 năm 2010 với mục tiêu thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản và tài nguyên của Tập đoàn Masan. Dưới đây là các dấu mốc hoạt động kinh doanh ấn tượng của Công ty:



Moong khai thác lộ thiên NPMC tại Việt Nam

- Thúc đẩy phát triển Dự án Núi Pháo.
- Tháng 12, Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản Quốc gia công nhận kết quả chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên cho Dự án Núi Pháo.
- Tháng 8, Công ty nhận Giấy chứng nhận Đầu tư số 41122000131 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty đạt kỷ lục về sản lượng đối với tất cả 4 dòng sản phẩm. NHTCM trình hồ sơ và được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao vào ngày 24 tháng 4.

Nhà máy NHTCM đạt được công suất thiết kế và vận hành thử nghiệm thành công. Các sáng kiến cam kết tăng cường hơn nữa trong sản xuất và tăng hiệu quả hoạt động.

Tháng 9, Công ty đăng ký giao dịch thành công cổ phiếu do Công ty phát hành trên sàn UPCOM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tháng 9, Công ty đăng cai tổ chức Hội nghị Thường niên lần thứ 28 của Hiệp hội Công nghiệp Vonfram Quốc tế (ITIA) với sự tham dự của hơn 120 đại biểu quốc tế.



Khu vực Trạm nghiền NPMC tại Việt Nam

Việc nâng cấp chu trình tuyển trọng lực vonfram giúp tăng tỷ lệ thu hồi vonfram lên 67% và vẫn còn khả năng cải thiện thông qua các biện pháp tối ưu hoá

Giá của tất cả các sản phẩm đều tăng đáng kể cùng với nâng cao hiệu suất sản xuất đã giúp Công ty đạt được kết quả kỷ lục trên tất cả các mặt từ sản xuất, doanh thu đến lợi nhuận ròng.

Công ty được công nhận là thương hiệu toàn cầu, nhờ các sản phẩm chất lượng cao và đáng tin cậy nên số lượng đơn đặt hàng của các khách hàng mới đối với sản phẩm của Công ty tiếp tục vượt mức cung.

Bắt đầu mua nguyên liệu thô vonfram từ bên thứ ba để phục vụ sản xuất của nhà máy NHTCM.

Ký hợp đồng mua lại nền tảng kinh doanh vonfram của H.C. Starck Group GmbH – nhà sản xuất bột kim loại vonfram và vonfram các-bua công nghệ cao hàng đầu thế giới.

Tháng 12 năm 2019, MTC nhận Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc điều chỉnh nội dung Giấy chứng nhận đầu tư, theo đó công suất của ST là 1.067 tấn/năm, công suất của APT là 8.278 tấn/năm, công suất của BTO/YTO là 5.000 tấn/năm tùy thuộc vào kế hoạch sản xuất và phẩm cấp.

Tháng 12 năm 2019, MTC được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận "Doanh nghiệp Công nghệ cao".



Văn phòng Hà Nội

2011

2013

2015

2017

2019

2012

2014

2016

2018

2020

Tháng 2, Dự án Núi Pháo được Bộ Công Thương chính thức phê duyệt thiết kế mỏ cơ sở.



Kỹ sư Mỏ Núi Pháo đang làm việc với bản đồ thiết kế Mỏ

Dự án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại các sản phẩm Ôxít Vonfram và Tinh quặng Đồng từ ngày 01 tháng 3, Florit cấp axit từ ngày 01 tháng 6, và Tinh quặng Bismut từ ngày 01 tháng 9.

Thành lập Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo – H.C.Starck ("NHTCM"), một liên doanh với H.C.Starck GmbH của Đức để xây dựng và vận hành Nhà máy tinh luyện vonfram tiên tiến tại Việt Nam.

Tổ chức thành công Đại hội cổ đông lần thứ nhất sau khi đăng ký cổ phiếu của Công ty ngày 22 tháng 4; được đánh giá là mã chứng khoán tiềm năng trên sàn UPCOM của Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Sản xuất thương mại sản phẩm Bismut xi măng vào ngày 1 tháng 7.

Triển khai các sáng kiến và đầu tư đổi mới quy trình và công nghệ, tiết kiệm chi phí, thay đổi quy trình nghiệp vụ, và xây dựng các mối liên kết và hợp tác với NHTCM đã đạt sản lượng và doanh thu vượt bậc đối với sản phẩm hóa chất vonfram giá trị gia tăng;

Tháng 12, Tập đoàn Masan, thông qua việc sở hữu các công ty con, thành công thực hiện chào mua cổ phiếu của Công ty, qua đó cho phép tập đoàn Mount Kellott và tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty lên 93.7%, trả tiền cho vòng tiếp theo của vốn chiến lược và tăng trưởng.



Nhà máy chế biến khoáng sản NPMC tại Việt Nam

Năm 2018, mua lại 49% phần vốn góp của H.C.Starck GmbH tại NHTCM với tổng số tiền là 29,1 triệu USD. Sau khi mua lại, NHTCM được đổi tên thành Công ty TNHH Vonfram Masan (MTC).

Tăng cường việc mua sắm nguyên liệu thô của bên thứ 3 lên trên 300% để tối đa hóa sử dụng tại nhà máy MTC cũng như đáp ứng các nhu cầu ngày càng tăng của các sản phẩm hóa chất vonfram.

Công ty đạt được kết quả kỷ lục trên tất cả các mặt từ sản xuất, doanh thu đến lợi nhuận ròng.

Tháng 6 năm 2020, thông qua MTC, Công ty đã hoàn thành việc mua lại nền tảng kinh doanh vonfram của H.C.Starck Group GmbH.

Cũng trong tháng 6 năm 2020, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty phê duyệt việc đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (MHT). Việc đổi tên chính thức có hiệu lực từ ngày 06/08/2020 sau khi Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 17.

Tháng 12 năm 2020, hoàn thành chào bán cổ phần riêng lẻ cho Mitsubishi Materials Corporation (MMC), đưa MMC trở thành cổ đông chiếm 10% tổng số cổ phần đang lưu hành của Công ty.

TÀI SẢN CHÍNH CỦA MHT

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (NPMC)

Mỏ Núi Pháo là một mỏ đa kim nằm tại ba xã (Hùng Sơn, Hà Thượng và Tân Linh) của huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, được vận hành bởi Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPMC”) – là công ty con do Masan High-Tech Materials sở hữu 100%. Nhà máy cách Hà Nội khoảng 80 km và có thể tiếp cận bằng đường cao tốc. Hệ thống đường bộ và đường sắt kết nối mỏ với các cảng gần nhất của Hải Phòng và Quảng Ninh, từ đó các sản phẩm có thể được vận chuyển đến với các khách hàng quốc tế. Tại thời điểm năm 2014, trữ lượng đã được xác nhận của mỏ Núi Pháo là khoảng 66 triệu tấn, với vòng đời mở ước tính là 20 năm.

Các khu vực chính của Dự án:

- Moong khai thác lộ thiên,
- Khu chứa đất đá thải,
- Nhà máy chế biến hiện đại, gồm các khu vực: nghiền thô, nghiền tinh, cô đặc, tuyển nổi và tuyển trọng lực,
- Nhà máy chế biến sâu Vonfram chế biến tinh quặng Vonfram và các vật liệu có chứa Vonfram thành các sản phẩm như ST, APT, BTO, và YTO có giá trị gia tăng cao hơn,
- Khu chứa quặng đuôi (TSF) có nước và các ngăn quản lý quặng đuôi;
- Vùng đệm, các khu tái định cư, đường nội mỏ, và các khu dịch vụ khai thác.

Sản phẩm của mỏ Núi Pháo được vận chuyển tới các thị trường trên toàn thế giới (bao gồm các mạng lưới khách hàng dài hạn) từ cảng Quảng Ninh (Thành phố Hạ Long, cách mỏ Núi Pháo 197 km về phía Đông Nam). Cảng này cũng là nơi nhập các thiết bị và vật liệu cần thiết để vận hành mỏ.

NPMC vận hành một quy trình sản xuất hiện đại bậc nhất đối với nhóm sản phẩm đặc trưng của Công ty. Việc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển tiếp tục mang lại các cải tiến về mặt quy trình, thiết bị và hóa chất. Quy trình sản xuất được hỗ trợ bởi các phần mềm quản lý khai thác và chế biến tiên tiến để tối ưu hóa tỷ lệ thu hồi và giảm thiểu lãng phí tài nguyên.



Khu vực Trạm nghiền NPMC tại Việt Nam

Công ty TNHH Vonfram Masan (MTC)

Công ty TNHH Vonfram Masan – MTC, tiền thân là Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo – H.C. Starck, được thành lập năm 2014 là một liên doanh với H.C. Starck GmbH (Đức), một công ty sản xuất kim loại công nghệ hàng đầu thế giới, đồng thời cũng là một trong những công ty lớn nhất trong ngành vonfram toàn cầu. Mục đích của Công ty là kết nối hoạt động kinh doanh của NPMC với thị trường vonfram toàn cầu và tạo điều kiện cho hoạt động chế biến sâu nguồn tài nguyên chiến lược của Việt Nam thành các sản phẩm hóa chất vonfram có giá trị cao hơn nhằm phát huy giá trị nguồn tài nguyên này. Tháng 8/2018, NPMC đã mua lại 49% phần vốn góp của H.C. Starck GmbH tại Công ty liên doanh Núi Pháo – H.C. Starck. Liên doanh Núi Pháo – H.C. Starck sau đó đổi tên thành Công ty TNHH Vonfram Masan (MTC). Tháng 9/2019, MHT đã có thông báo về việc mua lại nền tảng kinh doanh Vonfram toàn cầu của Tập đoàn H.C. Starck (“HCS”). HCS là nhà sản xuất các sản phẩm vonfram cận sâu hàng đầu thế giới như bột kim loại vonfram và vonfram các-bua. HCS có một mạng lưới các cơ sở sản xuất tại Châu Âu, Bắc Mỹ và Trung Quốc, phục vụ mọi khách hàng trên toàn thế giới.

Bốn sản phẩm chính của nhà máy được dùng trong sản xuất Vonfram và Vonfram Cacbua bao gồm: APT (Ammonium Paratungstate - muối Amoni vonfram); BTO (Blue Tungsten Oxide – Oxit Vonfram xanh); YTO (Yellow Tungsten Oxide – Oxit Vonfram vàng); và ST (Sodium Tungstate – Muối Natri vonfram).

MTC sản xuất các sản phẩm vonfram có độ tinh khiết cao và sức cạnh tranh trên toàn cầu đồng thời được vận hành tại Việt Nam. Điều này khiến MTC trở thành một trong số ít nhà cung cấp vonfram ngoài Trung Quốc trực tiếp sản xuất ra sản phẩm tại nguồn. Nhà máy sản xuất của MTC có những lợi thế về cơ sở sản xuất hiện đại có khả năng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao đáp ứng yêu cầu cụ thể của khách hàng;

- Chi phí chuyển đổi thấp và được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế;
- Uy tín tốt trên thị trường nhờ sự hỗ trợ về công nghệ và kỹ thuật từ H.C. Starck với gần 100 năm kinh nghiệm hoạt động và là nhà cung cấp sản phẩm kim loại công nghệ cao ưu việt hàng đầu thế giới;
- Chuyển giao công nghệ từ H.C. Starck (Đức);
- Cơ hội để tiếp tục phát triển các nguồn phế liệu vonfram trong nước thành các sản phẩm công nghệ cao đặc thù.

Những lợi thế trên giúp đẩy nhanh tiến trình công nhận vị thế của một doanh nghiệp Việt Nam trên bản đồ cung ứng vonfram toàn cầu cũng như góp phần thúc đẩy doanh số bán hàng.



Kỹ sư tuyển khoáng làm việc tại Nhà máy tinh luyện Vonfram MTC tại Việt Nam

H.C. Starck Tungsten Powders (Đức)

H.C. Starck Tungsten Powders là Công ty thành viên của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials và là một trong những nhà cung cấp các sản phẩm vonfram hàng đầu thế giới với các nhà máy sản xuất bột vonfram tại Đức, Trung Quốc và Canada. Với 100 năm kinh nghiệm, công ty phát triển, sản xuất và phân phối các loại bột vonfram và vonfram hợp chất hiệu năng cao. H.C. Starck Tungsten Powders cung cấp toàn bộ các sản phẩm cùng với chuỗi giá trị bột vonfram - chế biến cả nguyên liệu thô sơ cấp và thứ cấp để sản xuất ra các hóa chất, bột kim loại và cacbua vonfram chất lượng cao theo nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Các sản phẩm này đều đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng và tính năng.

Đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao về nghiên cứu, phát triển và công nghệ ứng dụng luôn cống hiến hết mình để đưa ra các giải pháp cho tương lai. Các giải pháp thiết kế riêng với các đặc tính vật liệu vượt trội được phát triển với sự hợp tác chặt chẽ với khách hàng.

Phát triển bền vững là một phần quan trọng trong chiến lược hoạt động của Công ty. Một lượng lớn nguyên liệu đã sử dụng được thu lại thông qua tái chế. An ninh chuỗi cung ứng là một vấn đề quan trọng của thế giới hiện nay. Starck Tungsten Powders có sẵn nguồn nguyên liệu thô sơ cấp và thứ cấp, do vậy Công ty không phụ thuộc vào các nguồn cung tại Trung Quốc.

H.C. Starck Tungsten Powders khẳng định vị thế vượt trội nhờ chất lượng tuyệt vời và chuyên môn sâu được tích lũy qua nhiều năm chuyên sản xuất Vonfram. Sản phẩm trung gian Amoni Paratungstate (APT) là sản phẩm đầu tiên được sản xuất từ nguyên liệu Vonfram, sau đó được chế biến thành Kim loại Vonfram (W), Cacbua Vonfram (WC) và Cacbua Vonfram đúc (CTC). Công ty cũng sản xuất Tantan và Cacbua Niobi. Với hệ thống và quy trình sản xuất hiện đại cùng đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm chuyên môn giúp đảm bảo chất lượng vật liệu luôn đạt tiêu chuẩn cao. Hệ thống quản lý chất lượng được chứng nhận và việc phân tích liên tục đặc tính sản phẩm giúp đảm bảo tính năng các sản phẩm của Công ty đáp ứng đúng mọi nhu cầu của khách hàng. Do vậy, khách hàng có thể hoàn toàn tin tưởng vào các sản phẩm có chất lượng vượt trội và ổn định, giúp họ có thể sản xuất được những công cụ chất lượng cao đồng thời giảm chi phí sản xuất.



Kỹ sư tuyến khoáng làm việc tại Nhà máy tinh luyện Vonfram MTC tại Việt Nam

ChemiLytics

ChemiLytics là công ty thuộc Masan High-Tech Materials Group, sở hữu một trong những phòng thí nghiệm lớn nhất về quy mô công nghiệp ở Đức, chuyên phân tích nguyên tố vô cơ và đặc tính của bột kim loại. Với 70 nhân sự có trình độ cao đang làm việc theo nhóm hoạt động 7 ngày một tuần, ChemiLytics cung cấp dịch vụ phân tích cho tất cả các phân khúc thị trường từ các ngành công nghiệp sản xuất truyền thống cho đến các ngành công nghiệp mới đang trên đà phát triển như sản xuất phụ gia, ứng dụng hàng không vũ trụ hoặc công nghệ di động điện tử. Các mẫu được phân tích điển hình bao gồm quặng Vonfram, quặng Tantal và Niobi, tất cả các loại phế liệu và bột chịu lửa, Si₃N₄, tiền chất của pin, v.v.

ChemiLytics cộng tác với khách hàng cho phép tùy chỉnh trong cung cấp dịch vụ từ gửi các mẫu truyền thống đến phát triển các giải pháp tùy chỉnh riêng có thể cho phép cung cấp phân tích mẫu kiểm soát hoạt động trực tuyến cho đến phát triển các ứng dụng công nghệ và phân tích cụ thể cho khách hàng dựa trên danh mục dịch vụ độc đáo của ChemiLytics, đặc biệt trong ngành điện tử (phân tích WC16).





SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

Các sản phẩm Vonfram, Florit, Đồng và Bismut do Núi Pháo sản xuất là những kim loại chiến lược của Việt Nam, rất quan trọng đối với nhiều ngành công nghiệp trên thế giới hiện nay.

Vonfram (W)

Vonfram là một kim loại rất cứng, có điểm nóng chảy cao nhất trong tất cả các kim loại, có mật độ gần gấp đôi Chi, và độ cứng gần bằng Kim cương khi ở dạng cacbua vonfram.

Các sản phẩm hóa chất trung gian vonfram sản xuất tại nhà máy Masan Tungsten Chemicals tại Thái Nguyên được sử dụng trong nhiều ứng dụng khác nhau. Khách hàng có thể tiếp tục chế biến sâu các sản phẩm vonfram của Công ty thành cacbua vonfram và bột kim loại vonfram để sản xuất ra nhiều sản phẩm cao cấp như dụng cụ cắt và thép cán. MHT cũng có thể tự sản xuất các loại bột vonfram và cacbua vonfram chuyên dụng cao này thông qua H.C. Starck.

Các đặc tính độc đáo của Vonfram phù hợp với nhu cầu của nhiều ngành công nghiệp nặng then chốt như chế tạo, dầu khí, xây dựng, năng lượng, ô tô và hàng không. Vonfram cũng là thành phần thiết yếu trong ngành công nghiệp thép, được dùng để sản xuất inox, thép hợp kim đến siêu hợp kim.

H.C. Starck Tungsten Powders đặc biệt nổi tiếng là nhà sản xuất vonfram lâu đời với chất lượng sản phẩm tuyệt vời và năng lực chuyên môn cao. Sản phẩm trung gian amoni paratungstate (APT) đầu tiên được sản xuất từ nguyên liệu thô, sau đó được chế biến thành vonfram kim loại (W), vonfram cacbua (WC) và cacbit vonfram đúc (CTC). Công ty cũng sản xuất cacbua tantal và niobi. Hệ thống và quy trình sản xuất hiện đại cùng đội ngũ chuyên gia dày dặn kinh nghiệm trong các lĩnh vực cần chuyên môn sâu, giúp luôn đảm bảo sản phẩm chất lượng cao và ổn định. Công tác quản lý chất lượng của HCS được chứng nhận và không ngừng phân tích đặc tính của sản phẩm, giúp đảm bảo hiệu suất của sản phẩm đáp ứng chính xác nhu cầu của khách hàng. Do đó, khách hàng có thể tin tưởng được cung ứng sản phẩm với chất lượng cao nhất và ổn định nhất, cho phép họ sản xuất các công cụ chất lượng cao đồng thời giảm thiểu các chi phí vận hành khác.



Florit (CaF₂)

Florit là một khoáng chất công nghiệp, giải phóng ra nguyên tố flo. Florit có hai công dụng chính là dùng để sản xuất Axit Hydrofluoric (HF), một chất dùng làm khối cấu trúc cho các hóa chất Flo, và sản xuất Nhôm Florua (AlF₃), một phụ gia quan trọng trong sản xuất Nhôm bằng điện phân. Ngoài ra, florit được sử dụng trong nhiều sản phẩm thép, nhôm, gốm-thủy tinh và chất nitrogen trifluoride (NF₃). Các sản phẩm như máy điều hòa gia đình và trên ô tô, các sản phẩm nhựa Teflon, thuốc chống suy nhược, que hàn, kính và gốm sứ đều có chứa florit.

Đồng (Cu)

Đồng là kim loại mềm, dẻo nên được ứng dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp do có khả năng dẫn nhiệt và dẫn điện rất tốt. Đồng cũng là kim loại tương đối trơ và chống ăn mòn và có đặc tính kháng khuẩn.

Ứng dụng thông dụng nhất của đồng là dùng để sản xuất cáp điện và dây dẫn. Ngành xây dựng là ngành tiêu thụ phần lớn sản phẩm đồng thông qua các hệ thống điện cũng như hệ thống cấp nước. Nhờ khả năng chống ăn mòn và giá trị thẩm mỹ cao nên người ta thường dùng đồng cho lợp mái, mái vòm, mái vút và cửa ra vào. Đồng có tính chất là một vi chất dinh dưỡng, nên được dùng làm chất diệt nấm trong bảo vệ thực vật và mùa màng cũng như làm giàu đất. Đồng thau - kim loại được sử dụng trong nhiều ứng dụng công nghiệp được làm bằng cách trộn đồng với kẽm.

Bismut (Bi)

Bismut là một kim loại cơ bản đối với người tiêu dùng và các ứng dụng công nghiệp.

Với người tiêu dùng, Bismut được dùng trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và dược phẩm thông qua sản phẩm chống bức xạ và các thuốc điều trị chứng buồn nôn, khó tiêu và bệnh viêm loét. Do không có độc tính, bismut cũng được sử dụng để sản xuất mỹ phẩm. Trong công nghiệp, bismut được sử dụng như chất tạo màu không độc trong sản xuất một số loại sơn và các linh kiện. Kim loại này cũng được dùng như một chất xúc tác giúp kiểm soát khí thải của phương tiện giao thông, cũng như sản xuất các thiết bị kẹp giữ chắc chắn cho máy móc hạng nặng như tua bin.

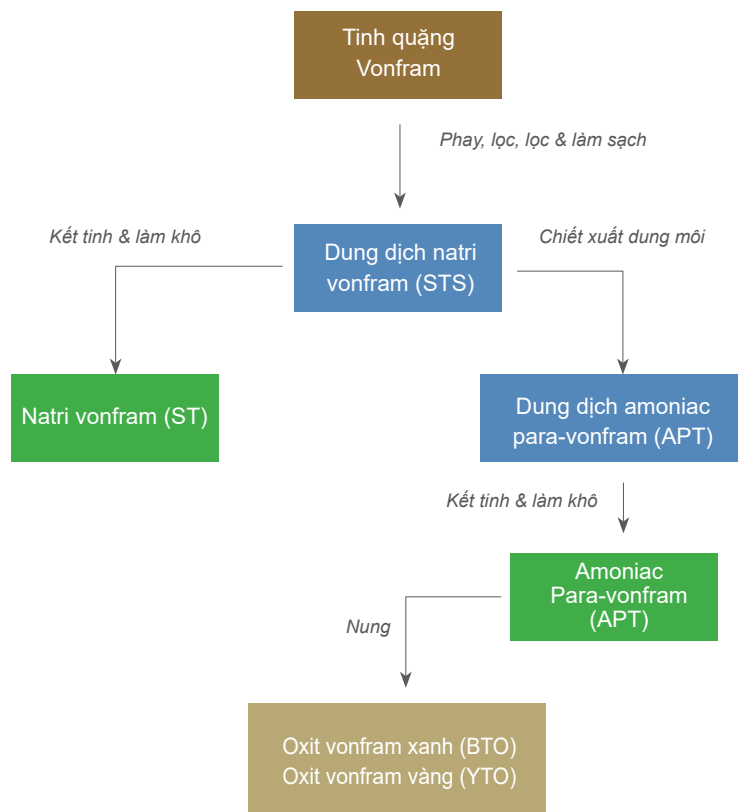
ỨNG DỤNG

Sản xuất Vonfram

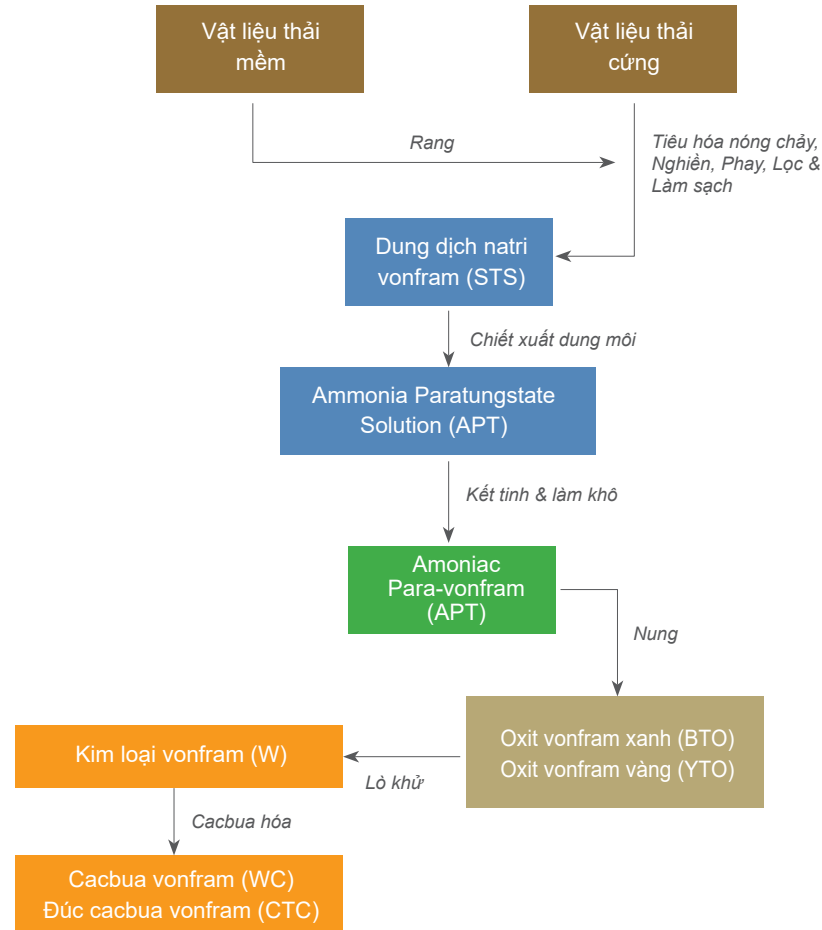
Dưới đây là mô tả vắn tắt về chu trình sản xuất hóa chất vonfram hiện tại của Masan High-Tech Materials. Nhà máy MTC được thiết kế để chế biến toàn bộ khối lượng tinh quặng vonfram của NPMC và tinh quặng vonfram mua của bên thứ ba cũng như những vật liệu chứa vonfram thành muối Ammonium Paratungstate (APT) hàm lượng cao thông qua tuyển bằng hóa chất, với các công đoạn tinh luyện lý - hóa và cuối cùng, công đoạn kết tinh. Sau đó, sản phẩm APT được đóng gói để đem bán hoặc đem nung để sản xuất vonfram oxit để đem bán, trong đó có Ôxit Vonfram xanh (BTO) và Ôxit Vonfram vàng (YTO).

Các quy trình sản xuất vonfram của HCS bao gồm tái chế vonfram có trong các phế liệu mềm và cứng cũng như làm giảm oxit vonfram thành kim loại vonfram, và cacbua hóa thành cacbua vonfram (đúc).

Quy trình Sản xuất Vonfram tại MTC



Quy trình Sản xuất Vonfram tại HCS



Rang/Xay/Lọc:

Dùng máy nghiền bi để nghiền và trộn đều vonfram, tạo thành quặng vonfram - là vật liệu đầu vào để chuẩn bị cho công đoạn ngâm chiết bằng dung môi.

Tan chảy/Hòa tan Muối:

Phế liệu cứng được hòa tan trong dung dịch natri hydroxit nóng chảy khi để ở ngoài không khí.

Natri vonfram nóng chảy được đúc vào chén nung và làm nguội trước khi được nghiền nát và hòa tan trong nước để tạo thành dung dịch natri vonfram.

Chiết bằng dung môi:

Một quy trình khép kín, liên tục chuyển đổi dung dịch natri tungstat thành dung dịch amononia tungstat, thông qua việc sử dụng hợp chất hữu cơ và thùng lắng.

Ngâm chiết:

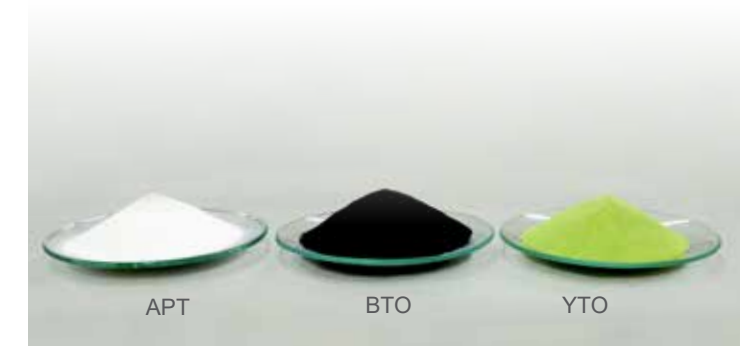
Nhiệt độ và áp suất của bùn được tăng lên để chuyển đổi canxi tungstat (tinh quặng vonfram) thành natri tungstat.

Tinh luyện:

Quy trình kỹ thuật liên tục để loại bỏ tạp chất còn lại.

Kết tinh APT:

Một quy trình theo từng mẻ giúp làm bay hơi lượng nước và amoniac dư thừa khỏi dung dịch để tạo thuận lợi cho kết tủa ammonium paratungstate (APT). Máy sấy được sử dụng để đảm bảo độ ẩm thấp và sản phẩm cuối cùng có thể dễ dàng cầm nắm được.



Sản phẩm của MTC

Nung thành BTO / YTO:

Một quy trình bán tự động chuyển đổi bột APT thành bột oxit vonfram.

Thông thường sản xuất hai loại oxit điển hình là: Vonfram Trioxit tinh chế thể màu xanh (BTO) và Vonfram Trioxit tinh chế thể màu vàng (YTO). Bên cạnh đó, vẫn có khả năng tùy biến một số đặc điểm để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của khách hàng.

Trộn và đóng gói:

Một quy trình đóng gói bột APT / BTO / YTO khô thành dạng đóng gói hàng rời, để sẵn sàng vận chuyển giao hàng.

Ứng dụng của Vonfram

Vonfram là một kim loại hiếm. Ứng dụng của Vonfram trong ngành công nghiệp nặng đã được chứng minh rõ ràng trong nhiều nghiên cứu do đặc tính vật lý vượt trội như nhiệt độ nóng chảy và độ cứng cao. Ngoài ra, vonfram cũng với các hợp nhất đang ngày càng có vai trò quan trọng đối với ngành điện tử và công nghệ hiển thị cũng như trong một số ứng dụng độc tôn nhất định.

Bên cạnh ứng dụng làm dây tóc trong bóng đèn nóng sáng, vonfram ngày càng được sử dụng làm vật liệu lựa chọn trong thiết kế súng phát xạ trường, sử dụng trong kính hiển vi điện tử, vi mạch (IC), và nhờ vào mật độ phân tử cao, được sử dụng làm vật liệu chắn cho các nguồn bức xạ năng lượng cao. Vonfram cũng được sử dụng trong công nghệ nano điện tử để chế tạo dây nano², do tỷ lệ giữa diện tích bề mặt và thể tích cao nên dự kiến vonfram sẽ được ứng dụng trong đầu dò độ pH (chỉ số đo độ hoạt động của các ion hydro (H⁺)) và cảm biến khí gas.

Do có những đặc tính đặc biệt nên vonfram là kim loại không thể thiếu trong nhiều ngành công nghiệp chủ chốt.



Ngành chế tạo máy và chế tạo công cụ

Thật khó để tưởng tượng được ngành chế tạo máy sẽ như thế nào nếu không có các công cụ hiệu năng cao. Độ chính xác và tuổi thọ của công cụ không ngừng tăng lên cho phép người dùng tối ưu hóa công việc. H.C. Starck Tungsten Powders cung cấp các loại bột cacbua vonfram có độ tinh khiết cao và ứng dụng cụ thể.



Ngành dầu khí

H.C. Starck Tungsten Powders phát triển và sản xuất các loại bột vonfram đặc biệt dùng trong khai thác dầu khí. Kim loại công nghệ này không chỉ sử dụng trong các đầu máy khoan hiệu suất cao, mà còn được sử dụng trong lượng nổ lôm được khoét quanh đá cũng như cho phép dầu khí chảy ra ngoài.



Kỹ thuật y tế

Ngành kỹ thuật y khoa sử dụng vonfram để giúp thiết bị hoạt động hiệu quả và êm ái hơn. Các bộ phận chính xác làm bằng kim loại vonfram được sử dụng trong chẩn đoán và điều trị bằng tia X hiện đại. Ví dụ: để che chắn và tập trung tia X cứng hoặc bức xạ gamma.



Hàng không vũ trụ

Trong ngành hàng không, nhờ có khối lượng riêng và độ bền cao, vonfram hoặc hợp kim vonfram được sử dụng trong các đối trọng, bộ phận chống rung cho cánh tà hoặc lá cánh quạt cân bằng.



Ngành hóa chất

Trong công nghiệp hóa chất, vonfram được sử dụng cho nhiều ứng dụng, đặc biệt là chất xúc tác như chất xúc tác oxy hóa.



Ngành công nghiệp điện

Với khả năng chịu nhiệt cao của vật liệu vonfram-đồng cùng với tính dẫn nhiệt và dẫn điện rất tốt, nên những vật liệu này được sử dụng cho ứng dụng trong các công tắc khóa hiệu suất cao, bộ tản nhiệt trong ngành điện hoặc điện cực chống ăn mòn.

Vonfram cho một Môi trường sạch hơn

Vonfram là nguyên tố hóa học nặng nhất, có hoạt tính sinh học. Độc tính của vonfram khá thấp, nhất là khi so sánh với các kim loại khác, tuy nhiên, đây vẫn là đề tài đang được nghiên cứu. Với nỗ lực vì một môi trường sạch hơn, chì đã được xác định là một trong những kim loại cần phải sớm thay thế. Theo Danh mục Ưu tiên 100 Chất Nguy hại nhất của Chính phủ Hoa Kỳ¹, thì chì được xếp đứng thứ hai. Ngoài ra, Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ cũng liệt kê chì là hóa chất độc hại và quy định giới hạn ngưỡng về nồng độ chì trong không khí, đất, nước và cây trồng.

Do chì và vonfram có đặc tính tương tự về mật độ phân tử, nên vonfram được đề xuất là chất thay thế ưu việt cho chì trong một số ứng dụng. Tuy nhiên, do vonfram có chi phí

lớn và mức độ gia công vonfram lại khó hơn, nên đã gây ra những cản trở lớn cho việc đưa đề xuất trên vào thực tiễn, dù mức độ tái chế của vonfram lớn hơn so với chì.

Hợp chất polyme vonfram được xem như là một giải pháp trung dung các vấn đề trên^{2,3}. Chính thành phần các loại nhựa và bột vonfram, được trộn với nhau để tạo ra vonfram dẻo nhiệt, có tỷ trọng vật liệu cuối cùng trùng khớp với chì². Vật liệu này rất dễ uốn, không có thành phần độc hại, chịu được mài mòn do điều kiện thời tiết. Ngoài đặc tính dễ tạo hình, vonfram dẻo nhiệt còn không gây ảnh hưởng có hại trong quá trình xử lý/chế biến, có thể tái chế mà không có bất cứ tác động xấu nào tới môi trường, điều đó giúp hỗn hợp này trở thành phương án thay thế khả thi

cho chì. Không chỉ thay thế cho chì, polime vonfram cũng được đề xuất thay thế cho urani nghèo trong một số ứng dụng. Lý do chính cho đề xuất này nằm ở sự tương đồng về mật độ phân tử của urani nghèo và composit vonfram, nhưng composit vonfram không ảnh hưởng tới sức khoẻ.

Nhu cầu vonfram được coi là sẽ phục hồi vào năm 2025 khi cung và cầu tiến gần tới mức cân bằng. Điều này, cùng với nhu cầu cấp thiết cho giải pháp thay thế chì, cũng được dự báo là tăng chi phí của composit vonfram, biến nó thành cơ hội đầu tư hấp dẫn.



Sản phẩm thân thiện với môi trường

1. <https://www.atsdr.cdc.gov/SPL/index.html>
 2. <https://www.tungstenheavypowder.com/lead-replacement-sustainability/>
 3. <http://tdmginc.com/portfolio-item/tungsten-polymer>
 4. <http://www.tungsten-polymer-radiation-shielding.com/tungsten-polymer-industry-radiation-shielding.html>

Ứng dụng của Florit

Florit là tên thương mại của canxi florua, có công thức hóa học là CaF_2 . Ở dạng tinh khiết, hợp chất này có chứa 51,1% canxi (Ca) và 48,9% flo (F). Tuy nhiên, trong tự nhiên thường có lẫn một lượng nhỏ tạp chất như silicon, nhôm (Al) và magiê (Mg). Florit được tìm thấy trong nhiều môi trường địa chất khác nhau, nhưng phổ biến nhất là khi xảy ra sự lấp đầy mạch đá mà chịu tác động bởi hoạt động nhiệt dịch [1]. Các mạch này thường chứa các quặng kim loại như sunfua thiếc, bạc, kẽm, đồng và các kim loại khác.

Florit thương phẩm được phân cấp theo chất lượng thành phẩm. Các cấp florit phụ thuộc vào hàm lượng fluorit và lượng tạp chất đi kèm (như canxi, thạch anh, sunfua, asen và chì), cụ thể như sau:

Cấp axit - chứa ít nhất 97% fluorit và 3% còn lại là các tạp chất khác.

Cấp ceramic (gốm) - chứa 85 - 96% florit và 4 - 15 % còn lại là các tạp chất khác.

Cấp luyện kim - chứa 60 - 84 % florit và 16 - 40 % còn lại là các tạp chất khác.

Cấp florit sẽ xác định công dụng cuối của sản phẩm. Theo như [1], florit cấp axit chiếm gần 2/3 tổng số florit và chủ yếu được dùng trong sản xuất axit flohydric (HF), khoảng 1/3 florit còn lại là cấp luyện kim và thường dùng để làm chất tạo xỉ trong quá trình luyện thép và sản xuất nhôm. Một lượng nhỏ florit là cấp ceramic, được dùng trong sản xuất kính chuyên dụng, gốm sứ và đồ kim loại tráng men.



Florit ứng dụng trong kính hiển vi

Axit flohydric là axit có tính ăn mòn cao, có thể hòa tan thủy tinh và nhiều vật liệu khác, chủ yếu là các hợp chất oxit. Do tính chất ăn mòn cao, nên axit flohydric được dùng trong nhiều ngành công nghiệp như hóa chất, khai thác khoáng sản, tinh luyện, sản xuất kính, sản xuất chip silicon và vệ sinh công nghiệp. Khoảng 60 % lượng sản phẩm axit flohydric trên thế giới được dùng trong nhiều ứng dụng có fluorochemicals khác nhau như môi chất làm lạnh, lớp phủ chống dính, chất đẩy propellant và chất gây mê, nhưng ngược lại một lượng nhỏ axit flohydric được dùng trong ankin hóa dầu mỏ [2], và là dung dịch tẩy thực kim loại trong ngành công nghiệp điện tử. Ngoài ra, axit flohydric cũng được sử dụng để vệ sinh bán dẫn silic, tẩy thực thủy tinh và trong sản xuất kính mờ mài bóng [2].

[1] T. Bide, G. Gunn, T. Brown, D. Rayner, "Florit, ", Khảo sát Địa chất Anh Quốc, (2011), có sẵn trên trang web: www.MineralsUK.com.

[2] Axit Flohydric, có sẵn trên trang web: https://en.wikipedia.org/wiki/Hydrofluoric_acid

Ứng dụng của Bismut

Bismut là một sản phẩm đa dạng có nhiều ứng dụng khác nhau. Phần lớn sản lượng Bismut được tiêu thụ bởi các nhà sản xuất hóa chất và dược phẩm, cũng như khách hàng sử dụng hợp kim kim loại bismut.

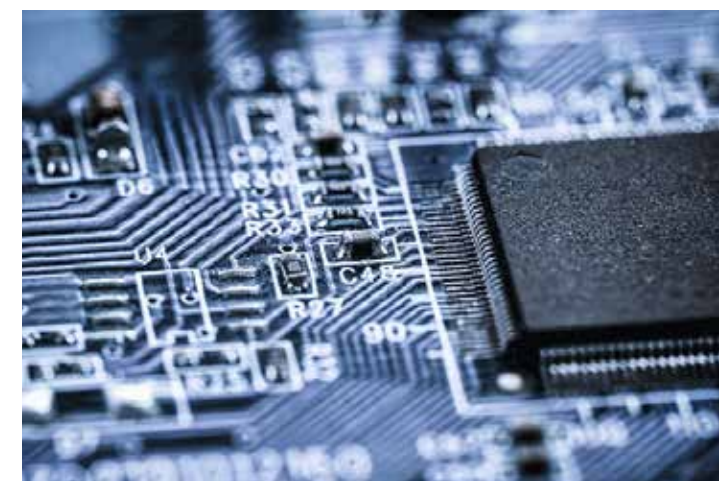
Với đặc tính kháng khuẩn tốt, Bismut được sử dụng rộng rãi trong các ứng dụng y tế. Nó được dùng để điều trị các bệnh như viêm dạ dày, viêm loét dạ dày tá tràng hay thậm chí là ung thư dạ dày. Nhiều thuốc chữa đau dạ dày tại quầy thuốc cũng chứa bismut như là một hoạt chất. Một số hợp chất thuốc có chứa bismut được dùng để điều trị bỏng, rối loạn đường ruột, và ung thư dạ dày ở người và động vật. Trước đây, nó cũng từng được dùng trong điều trị bệnh giang mai.

Việc sử dụng Bismut trong mỹ phẩm đã có từ thời Ai Cập cổ đại và đến nay càng ngày càng tăng lên. Nó được dùng làm chất tạo màu trong phấn mắt, gôm xịt tóc và sơn móng tay. Màu sắc óng ánh của Bismut là đặc tính lý tưởng cho ngành mỹ phẩm. Các chất tạo màu của Bismut cũng được dùng trong sản xuất phấn trang điểm và gốm sứ.

Bismut cho một Môi trường sạch hơn

Với việc thế giới đang ngày càng tập trung vào giảm lượng tiêu thụ chi, thì các hợp kim bismut được cho là sự thay thế hiệu quả. Nhiều hợp kim của bismut có điểm nóng chảy thấp nên ngày càng được ứng dụng nhiều trong điện tử. Do có độc tính thấp nên Bismut là kim loại lý tưởng cho các thiết bị chế biến thực phẩm và ống nước bằng đồng. Trong ngành y tế, nó là kim loại phòng tránh tia X có hiệu quả cao.

Tại một số nước, Bismut được quy định trong luật là kim loại thay cho đạn chì dùng trong săn bắn và lưới đánh cá.



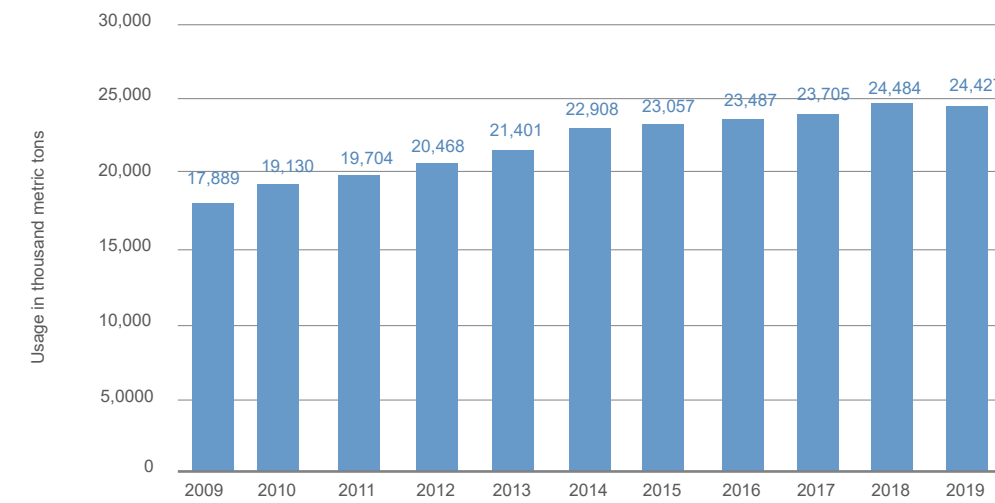
Ứng dụng của Đồng

Là một kim loại mềm, dễ uốn và dễ uốn, có độ dẫn nhiệt và dẫn điện rất cao nên đồng đang được sử dụng trong rất nhiều ngành công nghiệp khác nhau. Chi tiết công dụng của đồng được thể hiện trong bảng dưới đây:

Đặc tính	Ngành công nghiệp/loại ứng dụng
Mỹ học	Kiến trúc, điêu khắc, trang sức, đồng hồ, dao kéo
Chất diệt khuẩn	Tay nắm cửa, động cơ đốt trong của tàu biển, xử lý cây trồng
Kháng vi sinh	Kỹ thuật tổng hợp, thủy lực và hàng hải, gia công kim loại, hàng không vũ trụ, phát điện, đóng tàu, dàn khoan dầu khí ngoài khơi
Chống ăn mòn	Ống và phụ kiện hệ thống ống nước, tấm lợp, kỹ thuật tổng hợp và hàng hải, đóng tàu; kỹ thuật hóa học, các quy trình công nghiệp bao gồm tẩy gỉ bằng axit, khắc axit và chưng cất; hệ thống ống nước bên trong, kiến trúc, khử muối, dệt may, sản xuất giấy
Gia công, chế tạo	Tất cả các ngành trên và ngành in
Độ dẫn điện (EC)	Sản xuất điện, truyền tải và phân phối, thông tin liên lạc, hàn điện trở, điện tử
Thân thiện với môi trường	Cần thiết cho sức khỏe của con người, động vật và cây trồng
Diệt nấm	Nông nghiệp, thuốc bảo quản thực phẩm và gỗ
Đặc tính Nhiệt độ thấp	Hóa học các chất đông lạnh, xử lý khí lỏng, chất siêu dẫn
Độ bền cơ học/độ dẻo	Kỹ thuật tổng hợp, kỹ thuật hàng hải, quốc phòng, hàng không vũ trụ
Không từ tính	Thiết bị đo đạc, thiết bị khảo sát địa chất, tàu quét mìn, dàn khoan ngoài khơi
Không phát tia lửa điện	Khai thác mỏ và các công cụ an toàn khác, phân phối khí oxy công nghiệp
Tính đàn hồi	Lò xo và tiếp điểm điện, chốt an toàn, ống xếp công cụ, bao bì điện tử
Độ dẫn nhiệt	Thiết bị trao đổi nhiệt và điều hòa không khí / thiết bị làm lạnh, tản nhiệt ô tô, động cơ đốt trong, khai thác mỏ

Mức sử dụng kim loại đồng trên toàn cầu vào năm 2019 được ghi nhận chỉ ở mức hơn 24 triệu tấn. Xu hướng sử dụng đồng nhìn chung đang tăng lên khi đây là một trong những tài nguyên hữu hạn, chi tiết trong biểu đồ dưới đây:

Mức sử dụng đồng tính luyện toàn cầu từ 2009-2019
(Đơn vị tính: 1.000 tấn)



Nếu xét ứng dụng theo lĩnh vực công nghiệp, đồng chủ yếu được sử dụng trong việc xây dựng công trình, chế tạo các sản phẩm điện và điện tử, các thiết bị giao thông vận tải, chiếm hơn 80% thị trường vào năm 2020:





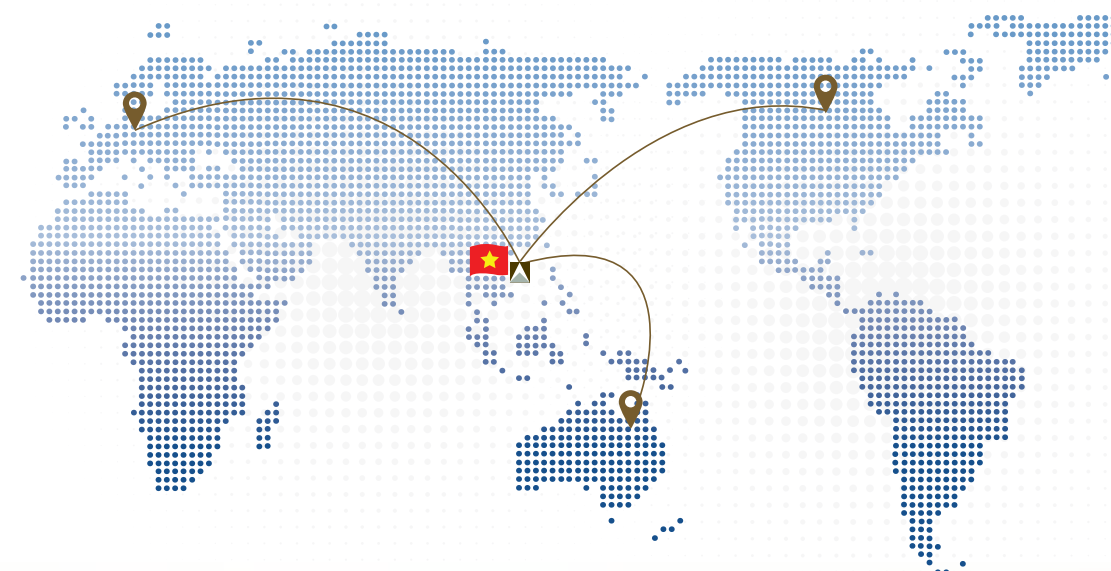
THỊ TRƯỜNG

Vươn tầm Quốc tế

Núi Pháo là mỏ đầu tiên của Việt Nam vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế. Bản thân điều này đã là một kỳ tích không nhỏ, tuy nhiên Masan High-Tech Materials không có ý định dừng lại ở đó. Chúng tôi đặt mục tiêu định vị ở vị trí dẫn đầu và cung cấp vonfram cho phần còn lại của thế giới.

Ngành công nghiệp khai khoáng có tính chu kỳ và một trong những thách thức lớn nhất của ngành là nguồn cung có thể đáp ứng nhu cầu ngày hôm nay, nhưng rất có thể tại một thời điểm nào đó trong tương lai sẽ rơi vào tình trạng thiếu hụt. Chúng tôi hoàn toàn nhận thức được điều này. Việt Nam chiếm khoảng 40% nguồn cung vonfram trên toàn thế giới, cùng với việc mua lại và sáp nhập H.C. Starck với hơn 100 năm phát triển công nghệ tái chế vonfram, chúng tôi tin tưởng rằng trong tương lai MHT sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng tại thị trường này.

Thị trường cho các sản phẩm của chúng tôi, tuy có sụt giảm trong năm 2020 (theo tình hình chung của nền kinh tế toàn cầu), nhưng đã mang lại cho chúng tôi cơ hội để thể hiện khả năng phục hồi và khả năng sản xuất các vật liệu vonfram chất lượng cao một cách ổn định. Chất lượng sản phẩm của chúng tôi được công nhận trên toàn cầu và mặc dù chúng tôi hiện đang là nhà cung ứng hàng đầu cho nhiều nhà tiêu dùng quốc tế có quy mô lớn, chúng tôi cũng có thể tìm thị trường mới trên khắp thế giới. Sản phẩm chất lượng cao, đáng tin cậy và khả năng thích ứng nhanh với nghịch cảnh đã khiến cho thương hiệu Masan High-Tech Materials được công nhận trên toàn cầu.



EMEA

- 54.4% Hóa chất Vonfram
- 38% Vonfram bột
- 43% Vonfram Cacbua
- 25% Florit

APAC

- 0.3% Hóa chất Vonfram
- 52.3% Vonfram bột
- 44% Vonfram Cacbua
- 28% Florit
- 100% Bismuth

NAFTA

- 45.3% Hóa chất Vonfram
- 9.7% Vonfram bột
- 12% Vonfram Cacbua
- 100% Đồng
- 47% Florit

Quy mô Thị trường

Với việc mua lại nền tảng kinh doanh Vonfram của H.C. Starck, MHT trở thành nhà sản xuất các sản phẩm Vonfram cận sâu hàng đầu thế giới như Bột kim loại Vonfram và Vonfram cacbua (carbide), phục vụ khách hàng trên toàn thế giới với các tổ hợp sản xuất tại Đức, Canada và Trung Quốc.

Với đội ngũ chuyên gia kỹ thuật chuyên sâu và chuyên nghiệp trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển (R&D), kỹ thuật ứng dụng, cùng với công nghệ sản xuất tự động hiện đại để đảm bảo cung cấp cho khách hàng các sản phẩm có chất lượng vượt trội và ổn định.

MHT cũng sở hữu tài sản trí tuệ áp dụng trong sản xuất các sản phẩm tiên tiến như hợp chất Vonfram có cấu trúc siêu mịn. Ngoài ra, MHT còn vận hành một nền tảng công nghệ thu hồi Vonfram chất lượng cao qua quá trình tái chế phức tạp nhưng vẫn thân thiện với môi trường, nhờ các bí kíp công nghệ mà Công ty sở hữu. Sự hợp nhất này là bước đi chiến lược trong quá trình thực hiện tầm nhìn của MHT, là trở thành nhà chế tạo vật liệu công nghệ cao dựa trên nền tảng chuỗi giá trị tích hợp xuyên suốt ở tầm cỡ thế giới. Nguồn cung APT sơ cấp ổn định với giá thành thấp kết hợp với năng lực tái chế Vonfram tại các cơ sở sản xuất của Công ty ở châu Âu sẽ mang lại cho MHT năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Điều này sẽ giúp MHT tạo ra dòng tiền ổn định qua các chu kỳ thị trường, đồng thời mở rộng quy mô thị trường đầu ra lên gấp 3,5 lần, từ 1,3 tỷ USD lên 4,6 tỷ USD.

MHT sẽ trở thành nhà cung cấp các sản phẩm Vonfram hàng đầu cho nhiều ngành công nghiệp quan trọng như cơ khí chế tạo máy và công cụ, khai mỏ, động cơ cơ giới và năng lượng, hàng không và công nghiệp hóa chất. Việc trở thành nhà sản xuất các sản phẩm Vonfram chế biến cận sâu sẽ làm gia tăng đáng kể giá trị công ty, do các sản phẩm Vonfram công nghệ cao có giá bán cao hơn 30-50% so với các sản phẩm APT hiện tại.

Điều này đã tạo ra một Công ty vật liệu công nghiệp công nghệ cao của Việt Nam với quy mô toàn cầu hàng đầu. Quan trọng hơn nữa, vị thế cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường Vonfram toàn cầu sẽ có được nền tảng nghiên cứu phát triển và sản xuất hàng đầu thế giới. Đây là cơ hội để đào tạo và phát triển các chuyên gia kỹ thuật trong ngành vật liệu công nghệ cao của Việt Nam, như một phần trong quá trình toàn cầu hóa nền tảng kinh doanh của MHT.

Chúng tôi là biểu tượng của tinh thần “Vietnam can do”, và đang ở thế phát triển mạnh mẽ để không chỉ gia tăng đáng kể giá trị cho các cổ đông Công ty, mà quan trọng hơn là nâng cao giá trị kinh tế xã hội khi trở thành đại diện của Việt Nam trên trường quốc tế.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Cơ cấu cổ đông	31/12/2020			
		Số cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị (mệnh giá) (đồng)	% cổ phần
1	Cổ đông trong nước	3.239	983.133.809	9.831.338.090.000	89.44
	Cổ đông tổ chức	9	950.518.797	9.505.187.970.000	86.48
	Cổ đông cá nhân	3.230	32.615.012	326.150.120.000	2.96
2	Cổ đông nước ngoài	37	116.021.611	1.160.216.110.000	10.56
	Cổ đông tổ chức	1	109.915.542	1.099.155.420.000	10.00
	Cổ đông cá nhân	36	6.106.069	61.060.690.000	0.56
	Tổng	3.276	1.099.155.420	10.991.554.200.000	100

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2020 do VSD cung cấp.

Danh sách các cổ đông nắm giữ ít nhất 5% vốn điều lệ của Công ty

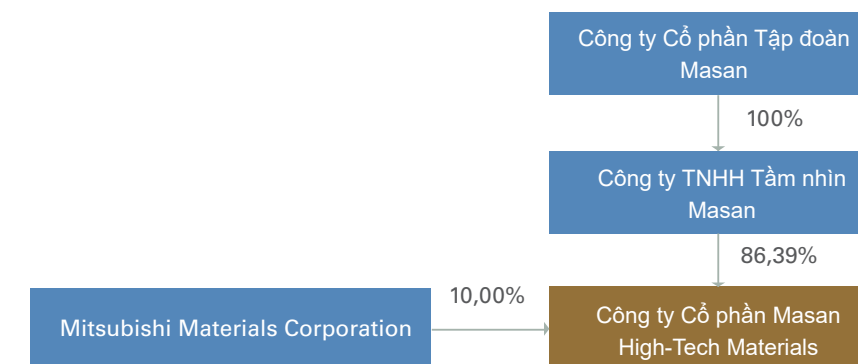
Danh sách các cổ đông nắm giữ ít nhất 5% vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Giá trị (mệnh giá) (đồng)	% cổ phần
1	Cổ đông trong nước			
	Công ty TNHH Tầm nhìn Masan	949.597.153	94.959.715.300.000	86,39%
2	Cổ đông nước ngoài			
	Mitsubishi Materials Corporation	109.915.542	1.099.155.420.000	10,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty do VSD cung cấp.

Các cổ đông chính – Các nhà đầu tư

Cấu trúc sở hữu của Masan High-Tech Materials tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:



Cổ đông tổ chức

Cổ đông trong nước

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

(Cổ đông kiểm soát thông qua Công ty con sở hữu toàn phần, qua Công ty TNHH Tầm nhìn Masan).

Masan Group là một tập đoàn đa ngành gồm nhiều mảng kinh doanh. Xuyên suốt lịch sử của mình, Tập đoàn tập trung vào các ngành hàng tiêu dùng có quy mô thị trường lớn. Mỗi công ty thành viên là một mảnh ghép quan trọng trong hệ sinh thái tiêu dùng tích hợp của Tập đoàn Masan bao gồm:

VinCommerce - nền tảng bán lẻ hiện đại có độ phủ lớn nhất Việt Nam với hơn 132 siêu thị VinMart và 2.900 siêu thị mini VinMart+ tại 50 tỉnh thành, đồng thời sở hữu hệ thống 14 nông trường sản xuất nông nghiệp công nghệ cao VinEco cung cấp các sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế;

Masan Consumer Holdings - một trong những công ty hàng tiêu dùng nhanh trong nước lớn nhất Việt Nam, sản xuất và phân phối nhiều loại sản phẩm thực phẩm và đồ uống, bao gồm nước tương, nước mắm, nước chấm, tương ớt, mì ăn liền, cháo ăn liền, cà phê hòa tan, ngũ cốc ăn liền, đồ uống đóng chai và bia;

Masan MEATLife - doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam về chuỗi giá trị thịt có thương hiệu, tập trung vào việc cải thiện năng suất trong ngành đạm động vật của Việt Nam với mục tiêu cuối cùng là mang đến cho người tiêu dùng các sản phẩm thịt có nguồn gốc rõ ràng, chất lượng và giá cả hợp lý;

Techcombank - một trong những ngân hàng thương mại cổ phần lớn nhất Việt Nam xét trên thu nhập hoạt động, quy mô tổng tài sản, tín dụng, huy động, số lượng khách hàng và hệ thống mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch với chiến lược đặt người tiêu dùng làm trọng tâm thông qua hệ sinh thái các sản phẩm; và

Masan High-Tech Materials - nhà cung cấp hàng đầu thế giới các khoáng sản quan trọng như Vonfram, Florit và Bismut cho các ngành công nghiệp trọng yếu như ô tô, hàng không, sản xuất hóa chất, xây dựng, điện tử, năng lượng, kỹ thuật, khai thác mỏ và chế tạo công cụ.

Cổ đông nước ngoài

Đối tác Mitsubishi Materials Corporation

Mitsubishi Materials Corporation nắm giữ 109.915.542 cổ phần phổ thông (tương đương với 10,00% tổng số cổ phần đang lưu thông). Mitsubishi Materials Group (MMC) là một nhà sản xuất vật liệu tích hợp, cung cấp các vật liệu cơ bản như đồng và xi măng, các bộ phận cơ khí, vật liệu và linh kiện điện tử được sử dụng trong ô tô, thiết bị gia dụng và các công cụ chế tạo khác. Bên cạnh đó, MMC còn tham gia vào lĩnh vực tái chế và năng lượng. Đây là một trong những công ty cốt lõi của Tập đoàn Mitsubishi Nhật Bản.



CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ



- Cơ cấu tổ chức
- Sơ đồ tổ chức
- Cơ cấu quản lý

CƠ CẤU TỔ CHỨC

CÔNG TY MẸ

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (MHT)

Tên Công ty
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Tên viết tắt
Masan High-Tech Materials

Trụ sở chính
Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số điện thoại +84 28 6256 3862

Fax +84 28 3827 4115

Website www.masanhightechmaterials.com

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Số. 0309966889 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010, sửa đổi lần thứ 18 ngày 14 tháng 12 năm 2020.

Vốn điều lệ 10.991.554.200.000 đồng

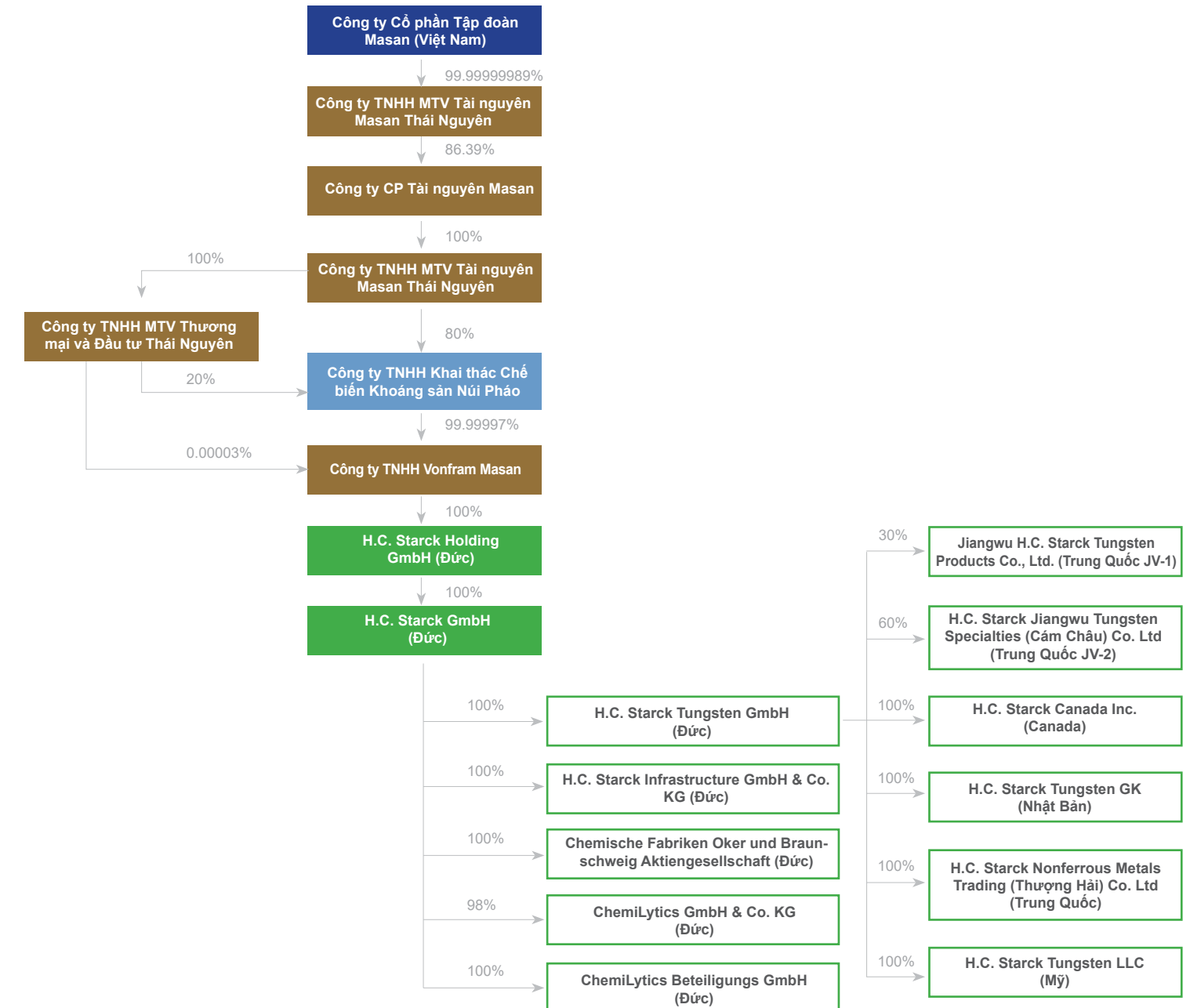
Vốn góp chủ sở hữu 10.991.554.200.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chính

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường); và
- Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính).

Cơ cấu tổ chức:

Cơ cấu tổ chức của MHT được thể hiện trong sơ đồ dưới đây:



Các công ty con hợp nhất**CÔNG TY TNHH MTV TÀI NGUYÊN MASAN THÁI NGUYÊN (MRTN)**

Tên Công ty	Công ty TNHH MTV Tài nguyên Masan Thái Nguyên
Địa chỉ	Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	+84 28 6256 3862
Fax	+84 28 3827 4115
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0309960069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 8 ngày 14 tháng 12 năm 2020
Vốn điều lệ đăng ký	12.156.476.389.152 đồng
Vốn góp chủ sở hữu	12.156.476.389.152 đồng
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	100% vốn điều lệ

Ngành nghề kinh doanh chính

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường); và
- Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ THÁI NGUYÊN (TNTI)

Tên Công ty	Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên
Địa chỉ	Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	+84 28 6256 3862
Fax	+84 28 3827 4115
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0310352925 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 10 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 7 ngày 14 tháng 12 năm 2020
Vốn điều lệ đăng ký	2.158.702.686.000 đồng
Vốn góp chủ sở hữu	2.158.702.686.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	100% of charter capital

Ngành nghề kinh doanh chính

- Tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường);
- Khai thác các khoáng sản quý hiếm (không hoạt động tại trụ sở chính);
- Khai thác kim loại màu (không hoạt động tại trụ sở chính);
- Xúc tiến thương mại; và
- Các hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính, chưa được phân vào đâu (cụ thể: hoạt động tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).

TNTI được thành lập vào ngày 15 tháng 10 năm 2010 dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên để thực hiện hoạt động tư vấn (ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán), quảng cáo, nghiên cứu thị trường và xúc tiến thương mại. TNTI nằm trong nhóm các công ty được thành lập để phát triển Dự án Núi Pháo bao gồm MRTN, NPMC và TNTI.

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO (NPMC)

Tên Công ty	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Địa chỉ	Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại	+84 24 37182490
Fax	+84 24 37182491
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 4600864513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 5 tháng 7 năm 2010, sửa đổi bổ sung lần thứ 12 ngày 10 tháng 12 năm 2020
Vốn điều lệ đăng ký	10.792.915.155.000 đồng
Vốn góp chủ sở hữu	10.792.915.155.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	100% vốn điều lệ

Ngành nghề kinh doanh chính

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm (khai thác, chế biến vonfram, florit, bismut, đồng và vàng);
- Khai thác quặng chứa kim loại màu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất, tài nguyên nước và thăm dò khoáng sản);
- Các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động khai thác mỏ và quặng khác (ngoài các mục nêu trên);
- Chế biến quặng kim loại quý hiếm;
- Kinh doanh kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng);
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác; và
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

CÔNG TY TNHH VONFRAM MASAN (MTC)

Tên Công ty	Công ty TNHH Vonfram Masan
Địa chỉ	Xóm 2, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại	+84 24 73075588
Fax	+84 24 37182491
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 4601163743 do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 15 tháng 1 năm 2014, sửa đổi bổ sung lần thứ 9 ngày 10 tháng 12 năm 2020
Vốn điều lệ đăng ký	3.289.086.725.777 đồng
Vốn góp chủ sở hữu	3.289.086.725.777 đồng
Tỷ lệ góp vốn của Công ty	100% vốn điều lệ

Ngành nghề kinh doanh chính

Tinh luyện kim loại màu và kim loại quý hiếm (chế biến vonfram để xuất khẩu hoặc bán trong nước).

H.C. STARCK HOLDING (GERMANY) GmbH**Số đăng ký:** HRB 200744**Văn phòng đăng kí:** Im Schleeke 78-91, 38642 Goslar, Đức**Ngày và nơi thành lập:** Ngày 23 tháng 4 năm 2007 tại Goslar, Đức**Vốn điều lệ:** 25,000 EUR**Chủ sở hữu:** Công ty TNHH Vonfram Masan**Giám đốc:** Craig Richard Bradshaw, Stephan Broske,
TS. Hady Seyeda (Giám đốc Điều hành)**Ngày tham chiếu kế toán:** Ngày 31 tháng 12**SĐT:** +49 5321 751-0**Lĩnh vực kinh doanh**

- Công ty mẹ, không có hoạt động kinh doanh

CÔNG TY TNHH H.C. STARCK**Số đăng ký:** HRB 200743**Văn phòng đăng kí:** Im Schleeke 78-91, 38642 Goslar, Đức**Ngày và nơi thành lập:** Ngày 20 tháng 4 năm 2007, tại Goslar, Đức**Vốn điều lệ:** 10,000,000 EUR**Chủ sở hữu:** Công ty TNHH H.C. Starck (Công ty mẹ tại Đức)**Giám đốc:** Craig Richard Bradshaw, Stephan Broske, Dr. Hady Seyeda
(Giám đốc Điều hành)**Ngày tham chiếu kế toán:** Ngày 31 tháng 12**SĐT:** +49 5321 751-0**Lĩnh vực kinh doanh**

- Công ty mẹ, không có hoạt động kinh doanh

CÔNG TY TNHH VONFRAM H.C. STARCK**Số đăng ký:** HRB 222201**Văn phòng đăng kí:** Đường Landsberger, 98, 80339 Munich, Đức**Ngày và nơi thành lập:** Ngày 26 tháng 11 năm 2015, tại Munich, Đức**Vốn điều lệ:** 26,000,000 EUR**Chủ sở hữu:** Công ty TNHH H.C. Starck**Giám đốc:** Dominic Heaton, Stephan Broske,
Dr. Hady Seyeda (Giám đốc Điều hành)**Ngày tham chiếu kế toán:** Ngày 31 tháng 12**SĐT:** +49 5321 751-0**Lĩnh vực kinh doanh**

- Trụ sở của HCS Vonfram bột và nhà máy sản xuất Vonfram bột lớn nhất.
- Cơ quan chức năng của quản lý cấp cao
- Toàn bộ giá trị chuỗi Vonfram được sản xuất tại đây, đặc biệt tập trung vào tái chế Vonfram.
- Công nghệ khép kín trong việc chế biến vật liệu thô (gồm cả tái chế) và sản xuất hóa chất Vonfram, kim loại Vonfram, Vonfram Cacbua, bột tantali, niobi Cacbua.
- Trung tâm kỹ thuật gồm: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển và công nghệ kĩ thuật.
- Quan hệ dài hạn và sâu sắc với chính quyền địa phương và Chính phủ.

CÔNG TY TNHH CƠ SỞ HẠ TẦNG VONFRAM VÀ TNHH HỢP NHẤT H.C. STARCK**Số đăng ký:** HRA 104613**Văn phòng đăng kí:** Đường Landsberger, 98, 80339 Munich, Đức**Ngày và nơi thành lập:** Ngày 26 tháng 11 năm 2015, tại Munich, Đức**Vốn điều lệ:** 26,000,000 EUR**Chủ sở hữu:** Công ty TNHH H.C. Starck**Đối tác hữu hạn:** Công ty TNHH H.C. Starck**Giám đốc:** Cộng sự: Công ty TNHH H.C. Starck**Ngày tham chiếu kế toán:** Ngày 31 tháng 12**Lĩnh vực kinh doanh:**

Chủ sở hữu đất tại Goslar, cho thuê tòa nhà tại khu vực nhà máy, chủ sở hữu thương hiệu H.C. Starck, đơn vị cấp phép.

CÔNG TY TNHH SẢN PHẨM VONFRAM JIANGWU H.C. STARCK**Số đăng ký:** 360700520012039**Văn phòng đăng kí:** Cơ sở công nghiệp luyện kim màu Shuixi, huyện Zhanggong, Ganzhou, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc.**Ngày và nơi thành lập:** Ngày 27 tháng 11 năm 2012, tại Ganzhou, Trung Quốc**Vốn điều lệ:** 95,355,000 Nhân dân tệ**Chủ sở hữu:** Công ty TNHH H.C. Starck (30%),
Công ty TNHH Công nghiệp Vonfram Giang Tây (70%).**Giám đốc:** Tiến sĩ Hady Seyeda, Yi Zhang (Ban Giám đốc)**Ngày tham chiếu kế toán:** Ngày 31 tháng 12**SĐT:** +86 18870105188**Lĩnh vực kinh doanh**

- Sản xuất amoni paratungstate và oxit vonfram các sản phẩm.
- Bán các sản phẩm amoni paratungstate và oxit vonfram.
- Kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan.
- Sản xuất và mua bán các sản phẩm hóa chất (ngoại trừ các mặt hàng hóa chất nguy hiểm).

CÔNG TY TNHH H.C. STARCK JIANGWU TUNGSTEN SPECIALITIES (CÁM CHÂU, TRUNG QUỐC)**Số đăng ký:** 360700520011685**Văn phòng đăng kí:** Cơ sở công nghiệp luyện kim màu Shuixi, huyện Zhanggong, Cám Châu, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc.**Ngày và nơi thành lập:** Ngày 31 tháng 07 năm 2012, tại Cám Châu, Trung Quốc**Vốn điều lệ:** 149,625,000 Nhân dân tệ**Chủ sở hữu:** Công ty TNHH H.C. Starck Tungsten (60%), Công ty TNHH Công nghiệp Vonfram Giang Tây (40%).**Giám đốc:** Tiến sĩ Hady Seyeda, Yi Zhang, Nanqiu Wen (Ban Giám đốc)**Ngày tham chiếu kế toán:** Ngày 31 tháng 12**SĐT:** +86 797 5162518**Lĩnh vực kinh doanh**

- Sản xuất bột kim loại vonfram và bột vonfram cacbua
- Bán bột kim loại vonfram và bột vonfram cacbua
- Nghiên cứu và phát triển bột kim loại vonfram và bột vonfram cacbua
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm do công ty kinh doanh, và
- Dịch vụ giá trị gia tăng khác cho khách hàng

CÔNG TY TNHH H.C. STARCK NONFERROUS METALS TRADING (THƯỢNG HẢI)**Số đăng ký:** 12000002201811140011**Văn phòng đăng kí:** Phòng 301, 69 Đường Yonghong, Quận Minhhang, Thượng Hải, Trung Quốc.**Ngày và nơi thành lập:** Ngày 14 tháng 11 năm 2018, tại Thượng Hải, Trung Quốc**Vốn điều lệ:** 4,000,000 Nhân dân tệ**Chủ sở hữu:** Công ty TNHH H.C. Starck Tungsten**Giám đốc:** Stephan Broske (Đại diện pháp lí)**Ngày tham chiếu kế toán:** Ngày 31 tháng 12**SĐT:** +86 21 6025 1106**Lĩnh vực kinh doanh**

- Bán hàng, dịch vụ khách hàng, hỗ trợ ứng dụng, tiếp thị tư vấn, tư vấn tài chính và quản lý
- Hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác, không được đề cập ở trên

TẬP ĐOÀN H.C. STARCK CANADA (CANADA)**Số đăng ký:** 4358201**Văn phòng đăng kí:** 933 Vidal Street South, P.O. Box 3098, Sarnia, Ontario, N7T 8H8, Canada.**Ngày và nơi thành lập:** Ngày 18 tháng 05 năm 2006, tại Sarnia, Canada**Vốn điều lệ:** [●]**Chủ sở hữu:** Công ty TNHH H.C. Starck Tungsten**Giám đốc:** Stephan Broske, Ryan Bender**Ngày tham chiếu kế toán:** Ngày 31 tháng 12**SĐT:** +1 519-346-4300**Lĩnh vực kinh doanh**

- Sản xuất hóa chất
- Sản xuất bột kim loại vonfram, Bột vonfram cacbua và đúc bột vonfram cacbua

CÔNG TY H.C. STARCK TUNGSTEN GK**Số đăng ký:** 0100-03-027237**Văn phòng đăng kí:** 2-20, Kaigan 1-chome, Minato-ku, Tokyo Nhật Bản.**Ngày và nơi thành lập:** Ngày 26 tháng 03 năm 2018, tại Tokyo, Nhật Bản**Vốn điều lệ:** 650,000 JPY**Chủ sở hữu:** Công ty TNHH H.C. Starck Tungsten**Giám đốc:** Stephan Broske, Tadashi Iba (Nhân viên Điều hành)**Ngày tham chiếu kế toán:** Ngày 31 tháng 12**SĐT:** +81-3-6721-8050**Lĩnh vực kinh doanh**

- Nhập khẩu, xuất khẩu và kinh doanh kim loại hiếm và hóa chất các hợp chất như vonfram, và coban, v.v.; và
- Bất kỳ công việc kinh doanh nào khác ngẫu nhiên hoặc liên quan đến các lĩnh vực như đã nêu trên chẳng hạn như thu hồi phế liệu của cacbua xi măng, kim loại nặng, v.v.

CÔNG TY TNHH H.C. STARCK TUNGSTEN

Số đăng ký: 7609450**Văn phòng đăng kí:** 45 Industrial Place, Newton, MA 02461, Hoa Kỳ**Ngày và nơi thành lập:** Ngày 19 tháng 09 năm 2019, tại Newton, Hoa Kỳ**Vốn điều lệ:** [●]**Chủ sở hữu:** Công ty TNHH H.C. Starck Tungsten**Giám đốc:** Hendrik Becker (Chủ tịch)**Ngày tham chiếu kế toán:** Ngày 31 tháng 12**SĐT:** +1 339-293-0990**Lĩnh vực kinh doanh**

- Bán kim loại và quặng kim loại;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm của Công ty

CÔNG TY TNHH CHEMILYTICS BETEILIGUNGS

Số đăng ký: HRB 207566**Văn phòng đăng kí:** Im Schleeke 78 - 91, 38642 Goslar, Đức**Ngày và nơi thành lập:** Ngày 27 tháng 12 năm 2018, tại Goslar, Đức**Vốn điều lệ:** 25,000 EUR**Chủ sở hữu:** Công ty H.C. Starck Holding (Đức)**Giám đốc:** Dr. Sascha Janosch (Giám đốc Điều hành)**Ngày tham chiếu kế toán:** Ngày 31 tháng 12**SĐT:** +49 5321 751 51515**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty mẹ, không hoạt động kinh doanh.

CHEMISCHE FABRIKEN OKER UND BRAUNSCHWEIG AKTIENGESELLSCHAFT

Số đăng ký: HRB 110008**Văn phòng đăng kí:** Im Schleeke 78 - 91, 38642 Goslar, Đức**Ngày và nơi thành lập:** Ngày 14 tháng 02 năm 2006, tại Goslar, Đức**Vốn điều lệ:** 205,000 EUR**Chủ sở hữu:** Công ty TNHH H.C. Starck Tungsten**Giám đốc:** Juliane Saupe (Ban Quản lý), TS. Hady Seyeda (Chủ tịch Hội đồng Giám sát), Stephan Broske (Thành viên Hội đồng Giám sát), Raoul Wilhelmus (Thành viên Hội đồng Giám sát)**Ngày tham chiếu kế toán:** Ngày 31 tháng 12**SĐT:** +49 5321 751-0**Lĩnh vực kinh doanh**

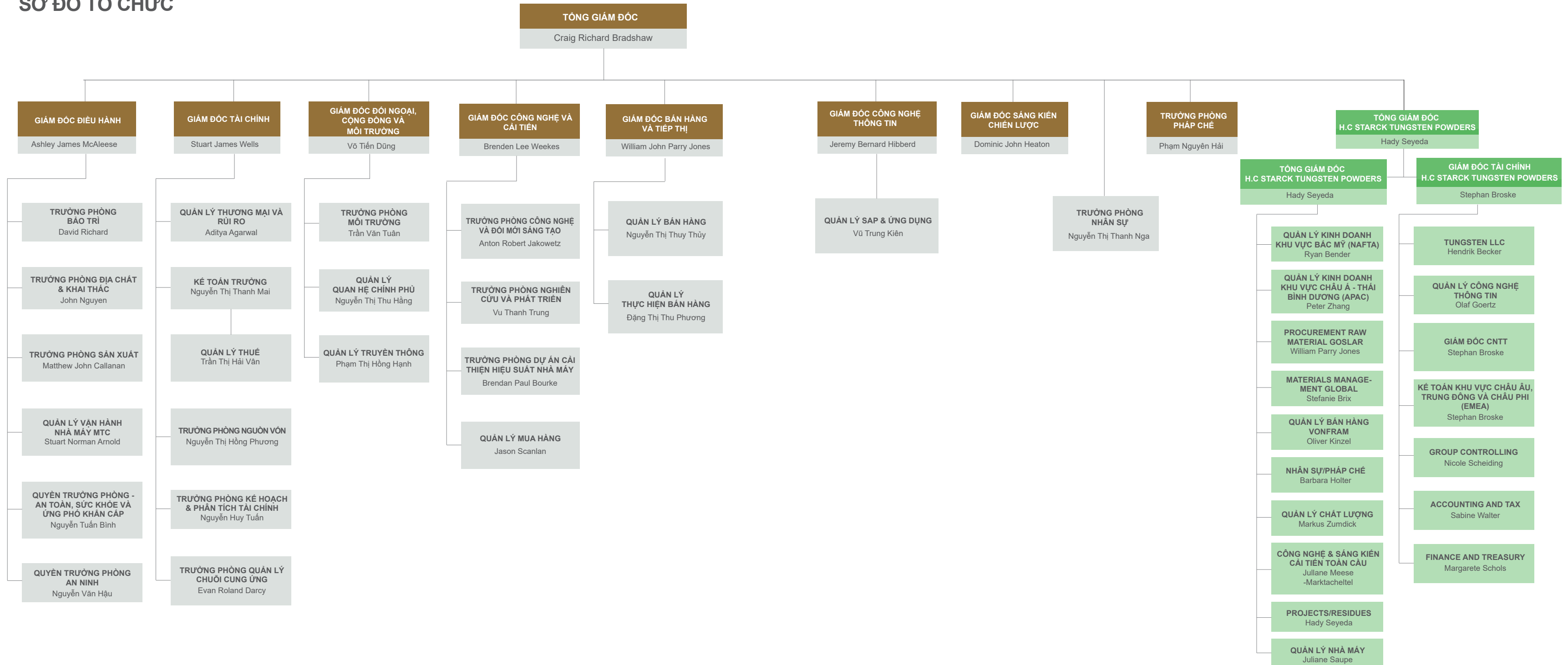
Chủ sở hữu đất tại Goslar, cho thuê một số tòa nhà tại khu vực nhà máy.

CHEMILYTICS GmbH & Co. KG

Số đăng ký: HRA 202206**Văn phòng đăng kí:** Im Schleeke 78 - 91, 38642 Goslar, Đức**Ngày và nơi thành lập:** Ngày 10 tháng 10 năm 2018, tại Goslar, Đức**Vốn điều lệ:** 10,000 EUR**Chủ sở hữu:** Công ty TNHH H.C. Starck (98%)**Đối tác hữu hạn:** ChemiLytics Beteiligungs GmbH (2%)**Giám đốc:** Cộng sự: Công ty TNHH H.C. Starck**Ngày tham chiếu kế toán:** Ngày 31 tháng 12**SĐT:** +49 5321 751 51515**Lĩnh vực kinh doanh**

- Phòng thí nghiệm thông lượng cao hàng đầu trong ngành với chuyên môn sâu rộng về tất cả các ngành có liên quan, ví dụ: kim loại, hóa học, gốm sứ và pin
- Phòng thí nghiệm cho đầy đủ các phân tích nguyên tố vô cơ và loại bột đặc trưng
- Các mẫu điển hình bao gồm quặng vonfram, quặng Ta & Nb, tất cả các loại vật liệu chịu lửa bột và phế liệu, Si3N4, nước thải, v.v.
- Tư vấn phân tích các vấn đề của khách hàng
- Hoạt động lên đến 7 ngày một tuần
- DAkkS được công nhận từ năm 2013

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



CƠ CẤU QUẢN LÝ

Đại hội đồng Cổ đông của MHT

Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan quyết định cao nhất của MHT. ĐHCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm. Cuộc họp ĐHCĐ thường niên phải được triệu tập trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng Quản trị của MHT

Hội đồng Quản trị (HĐQT) chịu trách nhiệm điều hành và quản lý chung đối với Công ty. HĐQT tổ chức họp khi cần thiết, ít nhất mỗi quý một lần để đánh giá và điều hành hoạt động kinh doanh và tài chính của Công ty.

HĐQT hiện tại gồm có bốn (4) thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ của mỗi thành viên HĐQT không vượt quá 5 năm, có thể được bầu lại vào cuối nhiệm kỳ. HĐQT có thể bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT.

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị hiện tại gồm các thành viên sau:

Tên	Chức vụ trong Công ty	Thành viên điều hành/ không điều hành	Ngày bổ nhiệm
Ông Danny Le	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Thành viên không điều hành	19/04/2019
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Chủ tịch Thứ nhất HĐQT	Thành viên không điều hành	18/02/2013
TS. Nguyễn Đăng Quang*	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành	18/02/2013
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành	22/04/2016
Mr. Craig Richard Bradshaw	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành	19/04/2019

* TS. Nguyễn Đăng Quang đã có đơn xin từ nhiệm từ ngày 13/12/2019 và được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty thông qua ngày 29/06/2020.

Đội ngũ Quản lý của MHT



Ông Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw có trên 26 năm kinh nghiệm trong ngành khai khoáng, trải rộng trong các lĩnh vực khai thác và chế biến, kho vận, kinh doanh và tiếp thị ở Úc, Thái Lan và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Ông Bradshaw đã từng giữ vị trí Giám đốc Thương mại Cao cấp của Công ty Khoáng sản Lang Xang, mỏ Sepon. Ông cũng từng là Tổng Giám đốc Toàn quốc của Toll ở Thái Lan, là nhà cung cấp dịch vụ kho vận tích hợp lớn nhất của Úc. Trước đó, ông Bradshaw làm việc trong vai trò quản lý tại Công ty Mount Isa Mines Limited ("MIM") và Xstrata.



Ông Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Ông Stuart James Well có trên 24 năm kinh nghiệm về tài chính trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong đó có 17 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp khai thác tài nguyên thiên nhiên như Vonfram, Vàng, Niken, Nhôm Ôxít, Than mỡ và Dầu khí gồm cả dự án đang vận hành và Dự án mới tại Úc, Indonesia, Vương quốc Anh và hiện tại là Việt Nam. Trước khi gia nhập MHT, ông là Giám đốc Tài chính cho PT Agincourt Resources- Công ty sở hữu mỏ Vàng Martable ở Sumatra, Indonesia và trước đó ông đã dành 5 năm làm Trưởng Phòng Tài chính cho Dự án MetCoal của BHPs (IndoMet Coal) tại Indonesia. Ông là thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng Úc (CPA).



Bà Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai là Cử nhân Kế toán – Đại học Kinh tế Quốc dân và có Chứng chỉ Kiểm toán viên - Bộ Tài chính. Bà có hơn 10 năm kinh nghiệm về kiểm toán tại Công ty TNHH Arthur Andersen Việt Nam và Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Trước khi gia nhập Công ty, bà giữ chức vụ Kế toán trưởng phụ trách mảng kế toán, tài chính và thuế tại Công ty TNHH Mỏ Nikel Bản Phúc trong 12 năm.

Hội đồng Thành viên của NPMC

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Thành viên, Chủ tịch và Tổng Giám đốc được quy định trong điều lệ của NPMC. Theo Điều lệ, Hội đồng Thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của NPMC.

Hội đồng Thành viên chịu trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh và bổ nhiệm nhân sự quản lý chủ chốt của NPMC. Chủ tịch Hội đồng thành viên do Núi Pháo đề cử và được Hội đồng thành viên bầu chọn. Nhiệm kỳ của Chủ tịch là 5 năm, và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.



Ông Nguyễn Thiệu Nam
Chủ tịch



Ông Nguyễn Văn Thắng
Phó Chủ tịch



Ông Danny Le
Thành viên



Ông Craig Richard Bradshaw
Thành viên

Danh sách Hội đồng thành viên của NPMC

Tên	Chức vụ trong Công ty	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Chủ tịch Hội đồng thành viên	19/04/2019
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên	09/11/2010
Ông Danny Le	Thành viên Hội đồng thành viên	19/04/2019
Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên Hội đồng thành viên	19/04/2019

Ban Điều hành của NPMC



Ông Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw có trên 26 năm kinh nghiệm trong ngành khai khoáng, trải rộng trong các lĩnh vực khai thác và chế biến, kho vận, kinh doanh và tiếp thị ở Úc, Thái Lan và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Ông Bradshaw đã từng giữ vị trí Giám đốc Thương mại Cao cấp của Công ty Khoáng sản Lang Xang, mỏ Sepon. Ông cũng từng là Tổng Giám đốc Toàn quốc của Toll ở Thái Lan, là nhà cung cấp dịch vụ kho vận tích hợp lớn nhất của Úc. Trước đó, ông Bradshaw làm việc trong vai trò quản lý tại Công ty Mount Isa Mines Limited ("MIM") và Xstrata.



Ông Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Ông Stuart James Wells có trên 24 năm kinh nghiệm về tài chính trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong đó có 16 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp khai thác tài nguyên thiên nhiên như vonfram, vàng, niken, nhôm oxit, than mỡ và dầu khí gồm cả dự án đang vận hành và Dự án mới tại Úc, Indonesia, Vương quốc Anh và hiện tại là Việt Nam. Trước khi gia nhập Masan Tài nguyên, ông là Giám đốc Tài chính cho PT Agincourt Resources, Công ty sở hữu mỏ Vàng Martable ở Sumatra, Indonesia và trước đó ông đã dành 4,5 năm làm Trưởng phòng Tài chính cho Dự án MetCoal của BHPs (IndoMet Coal) tại Indonesia. Ông là thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng Úc (CPA).



Ông William John Parry-Jones
Giám đốc - Bộ phận Bán hàng và Tiếp thị

Ông William John Parry-Jones có hơn 10 năm kinh nghiệm trong ngành khoáng sản và kim loại, đặc biệt là kinh nghiệm về bán hàng và tiếp thị các sản phẩm vonfram. Trước khi gia nhập NPMC, ông phụ trách giao dịch hàng hóa cho Amalgamated Metal Corporation, tại đây ông đã tích lũy các kiến thức sâu rộng về thương mại quốc tế và phát triển các mối quan hệ toàn cầu vững chắc trong lĩnh vực chế biến kim loại thô dùng trong công nghệ cao. Ông có bằng Cử nhân Kỹ thuật Vật liệu và bằng Thạc sĩ Khoa học trong lĩnh vực Vật liệu Hàng không tại Imperial College London, Anh quốc.



Ông Võ Tiến Dũng
Giám đốc Đối ngoại, Cộng đồng và Môi trường

Ông Dũng có 21 năm làm việc trong ngành khai thác chế biến khoáng sản trong đó có 07 năm làm quản lý và vận hành nhiều dự án khai thác chế biến khoáng sản tại nhiều tỉnh ở Việt Nam như Thái Nguyên, Yên Bái, Hà Giang... Ngoài ra, ông Dũng còn có kinh nghiệm làm việc trong Quỹ đầu tư Quốc tế cho các dự án tài nguyên thiên nhiên. Ông Dũng có bằng Tiến sĩ Địa chất và khoáng sản, Thạc sĩ Địa chất của trường Đại học Mỏ - Địa chất Hà Nội và là Thạc sĩ Quản lý và Đánh giá môi trường của trường Đại học Salford, Manchester, Anh. Trước khi gia nhập NPMC, ông là Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Việt (VMPCo) và trước đó là Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Lai (BLG). Ông là Phó Chủ tịch Hiệp hội các Doanh nghiệp Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, đồng thời là thành viên Ban Chấp hành Tổng hội Địa chất Việt Nam. Ông có quan hệ tốt và thuận lợi khi liên hệ công tác với các cơ quan nhà nước từ địa phương đến trung ương, làm việc với cộng đồng địa phương, cũng như các công ty, tổ chức khai thác khoáng sản trong và ngoài nước.



Ông Brenden Lee Weeks
Giám đốc Công nghệ và Cải tiến

Ông Brenden Lee Weeks có bằng kỹ sư hóa và hơn 21 năm kinh nghiệm sâu rộng trong việc thiết kế, chạy thử và vận hành các nhà máy chế biến trong ngành công nghiệp khai thác chế biến tài nguyên thiên nhiên trên khắp thế giới gồm có Úc, Lào, Tây Ban Nha, New Caledonia và hiện tại là Việt Nam. Ông có khả năng lãnh đạo các đội nhóm có nền tảng chuyên môn khác nhau để phát triển các giải pháp cải tiến và tối ưu hóa các khu phức hợp chế biến kim loại và khoáng sản như Vonfram, Florit, Bismut, Đồng, Nicken và Vàng. Trước khi gia nhập NPMC, ông là Giám đốc Sản xuất cho MMG Limited tại Nhà máy Đồng Vàng Sepon tại Lào.



Ông Jeremy Hibberd
Giám đốc Công nghệ Thông tin

Ông Jeremy Hibberd là một nhà điều hành cấp cao về công nghệ thông tin với kinh nghiệm đa dạng trong việc dẫn dắt các chương trình chuyển đổi công nghệ thông tin chiến lược và có kỹ năng lãnh đạo mạnh mẽ về mặt con người và công nghệ được tích lũy trong suốt 24 năm làm quản lý dịch vụ công nghệ thông tin trong nhiều lĩnh vực ở phạm vi quốc tế. Trước khi gia nhập Masan Tài nguyên, ông là Quản lý vận hành công nghệ thông tin cấp cao cho Queensland Rail, và có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực khai khoáng như Quản lý vận hành công nghệ thông tin toàn cầu cho Zinifex, OZ Minerals và MMG.



Ông Ashley Mc Aleese
Giám đốc Điều hành

Ông Ashley Mc Aleese là kỹ sư chế biến khoáng sản với hơn 18 năm kinh nghiệm làm việc trong nhiều ngành sản xuất các loại sản phẩm bao gồm Đồng, Vàng, Bạc, Kẽm và Chì cho cả các dự án mới và dự án đã đi vào hoạt động tại Úc, Indonesia, Papua New Guinea và giờ là Việt Nam. Trước khi gia nhập NPMC, ông là Quản lý Vận hành cho PT Batutua Tembaga Raya – chủ đầu tư của Dự án Đồng Wetar tại Đảo Wetar, Indonesia và trước đó là Quản lý Vận hành cho Công ty PT Natarang Mining ở Indonesia. Ông là thành viên của Học viện Khai thác chế biến khoáng sản & Luyện kim của Úc.



Ông Dominic John Heaton
Giám đốc Sáng kiến Chiến lược

Ông Dominic có bằng Cử nhân Khoa học của Đại học James Cook, Townsville, Australia và bằng Thạc sĩ về Công nghệ chế biến khoáng sản của trường Đại học La Trobe, Australia. Ông cũng đã hoàn thành chương trình Quản lý cao cấp tại Mt Eliza thuộc trường Kinh doanh Melbourne. Ông Dominic là thành viên của Học viện Khai thác Chế biến khoáng sản và Luyện kim Úc và là thành viên Ban Giám đốc Công ty của học viện Úc. Trong suốt sự nghiệp 27 năm trong ngành công nghiệp khai thác mỏ, ông Dominic đã quản lý các dự án ở những vùng sâu vùng xa của Úc, Papua New Guinea, Indonesia, và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Trước khi gia nhập Masan Tài nguyên, ông đã giữ nhiều vị trí quản lý tại Aurora Gold/Oxiana/ OZ Minerals/ MMG, làm Tổng Giám đốc của Mỏ vàng Sepon ở Lào, và giữ chức vụ Giám đốc Điều hành tại Martabe, Indonesia.

Hội đồng Thành viên của MTC

Theo Điều lệ, cơ cấu tổ chức quản lý của MTC gồm có Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc. Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của MTC và gồm tối đa bốn (04) đại diện do NPMC và TNTI chỉ định, trong đó NPMC được chỉ định tối đa ba (03) đại diện và TNTI được chỉ định một (01) đại diện.

Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh và bổ nhiệm nhân sự quản lý chủ chốt của MTC. Hội đồng thành viên có một Chủ tịch Hội đồng thành viên do NPMC đề cử và được Hội đồng Thành viên bầu chọn. Nhiệm kỳ của Chủ tịch là 5 năm, và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.



Ông Nguyễn Văn Thắng
Chủ tịch Hội đồng thành viên



Ông Nguyễn Thiệu Nam
Thành viên Hội đồng thành viên



Ông Craig Richard Bradshaw
Thành viên Hội đồng thành viên

Ban Điều hành của MTC



Ông Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw có trên 26 năm kinh nghiệm trong ngành khai khoáng, trải rộng trong các lĩnh vực khai thác và chế biến, kho vận, kinh doanh và tiếp thị ở Úc, Thái Lan và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Ông Bradshaw đã từng giữ vị trí Giám đốc Thương mại Cao cấp của Công ty Khoáng sản Lang Xang, mỏ Sepon. Ông cũng từng là Tổng Giám đốc Toàn quốc của Toll ở Thái Lan, là nhà cung cấp dịch vụ kho vận tích hợp lớn nhất của Úc. Trước đó, ông Bradshaw làm việc trong vai trò quản lý tại Công ty Mount Isa Mines Limited ("MIM") và Xstrata.



Ông Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Ông Stuart James Wells có trên 24 năm kinh nghiệm về tài chính trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong đó có 16 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp khai thác tài nguyên thiên nhiên như vonfram, vàng, niken, nhôm oxit, than mỡ và dầu khí gồm cả dự án đang vận hành và Dự án mới tại Úc, Indonesia, Vương quốc Anh và hiện tại là Việt Nam. Trước khi gia nhập Masan Tài nguyên, ông là Giám đốc Tài chính cho PT Agincourt Resources, Công ty sở hữu mỏ Vàng Martable ở Sumatra, Indonesia và trước đó ông đã dành 4,5 năm làm Trưởng phòng Tài chính cho Dự án MetCoal của BHPs (IndoMet Coal) tại Indonesia. Ông là thành viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng Úc (CPA).



Ông Mirek Banaczowski
Quản lý vận hành nhà máy MTC

Ông Miroslaw Banaczowski có hơn 30 năm kinh nghiệm trong ngành khai thác và chế biến khoáng sản bao gồm các công việc vận hành, thiết kế và xây dựng, sản xuất, luyện kim, và kỹ thuật ở Úc, Lào, New Caledonia. Trước khi gia nhập Masan Tài nguyên, ông Miroslaw đã làm việc với MMG, Vale, Scotte Daley, Francks, Minara Resources (Glencore International), Energy Resources of Australia - Ranger Mine (North Limited), và Pasminco Metals EZ - Hobart (North Limited). Ông có bằng cử nhân khoa học ứng dụng về luyện kim của Học viện Công nghệ Nam Úc.

Ban Kiểm Soát của MHT



Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên là Trưởng Ban Kiểm soát của MHT và là kế toán trưởng của Tập đoàn Masan. Bà Duyên chịu trách nhiệm báo cáo về tình hình tài chính, thông báo cũng như quản lý các vấn đề tài chính tại MHT. Trước khi gia nhập Tập đoàn Masan, bà Duyên từng làm việc cho Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Bà Duyên có bằng Thạc sỹ Kế toán của Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh và là thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Anh (ACCA).



Ông Nguyễn Quỳnh Lâm
Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Quỳnh Lâm là thành viên của Ban Kiểm soát của MHT, Trưởng Ban Kiểm soát của cả MSN và MSC. Ông Lâm gia nhập Tập đoàn Masan từ năm 2001 và giữ nhiều vị trí cấp cao về tài chính ở các công ty của Tập đoàn Masan. Ông Lâm có bằng Cử nhân Khoa học về Kinh tế Khai thác mỏ.



Bà Phạm Quỳnh Nga
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Phạm Quỳnh Nga là thành viên của Ban Kiểm soát của MHT, thành viên Ban Kiểm soát của MNS và ANCO. Bà Nga gia nhập Tập đoàn Masan từ năm 2015 và hiện giữ vị trí nhân viên Kế toán Cấp cao. Trước khi gia nhập Tập đoàn Masan, bà Nga đã từng làm việc cho Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Bà Nga có chứng chỉ CPA Australia.

Ủy ban Phát triển Bền vững

TT	Thành viên Ủy ban Phát triển Bền vững	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ thôi là thành viên Ủy ban Phát triển Bền vững	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do vắng mặt
1	Ông Dominic John Heaton	Chủ tịch	22/04/2016	2/2	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên	23/06/2017	1/2	50%	
3	Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên	23/06/2017	2/2	100%	
4	Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	23/06/2017	1/2	50%	
5	Ông Võ Tiến Dũng	Thành viên	14/01/2020	1/2	50%	

Ủy ban Quản lý Rủi ro

TT	Thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ thôi là thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do vắng mặt
1	Ông Craig Richard Bradshaw	Chủ tịch	21/09/2017	2/2	100%	
2	Ông Dominic John Heaton	Thành viên	21/09/2017	2/2	100%	
3	Ông Morgan Carroll	Thành viên	21/09/2017	2/2	100%	
4	Ông Trần Phương Bắc	Thành viên	21/09/2017	1/2	50%	
5	Ông Phạm Nguyên Hải	Thành viên	21/09/2017	2/2	100%	



Ban Điều hành của HCS



Mr. Hady Seyeda
Giám đốc Điều hành H.C. Starck

Ông Hady Seyeda có hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành công nghiệp kim loại chịu lửa và công nghệ, chuyên về Vonfram, Tantal và Niobi. Ông Hady sở hữu 3 bằng sáng chế và là đồng tác giả của 12 ấn phẩm.

Ông có bằng Tiến sĩ Hóa học vô cơ và đã từng làm việc cho HCST từ năm 1998 ở các vị trí then chốt như: Phó Chủ tịch Chiến lược Doanh nghiệp, Phó Giám đốc Vận hành và Quản lý Nhà máy tại Goslar, MD Trung Quốc.

Năm 2016, ông được bổ nhiệm vị trí Phó Giám đốc Điều hành, chịu trách nhiệm điều hành sản xuất, nghiên cứu và phát triển, quản lý chuỗi cung ứng và sức khỏe, an toàn ứng phó sự cố khẩn cấp của Công ty với các chi nhánh trên toàn cầu. Từ 2018 đến nay, ông giữ chức vụ Giám đốc Điều hành của H.C. Starck.



Mr. Stephan Broske
Giám đốc Tài chính HCS

Ông Stephan Broske có hơn 25 năm kinh nghiệm tài chính trong nhiều lĩnh vực như ngân hàng, hậu cần và hóa chất. Với 14 năm làm việc tại H.C. Starck, ông bắt đầu làm việc với vai trò Trưởng phòng Tài chính Doanh nghiệp và sau đó trở thành Giám đốc tài chính của Công ty cho đến nay.

Trước đó, ông đã từng làm Quản lý Rủi ro Tài chính cho Cognis Special Chemicals, công ty điều khác và chế tác Henkel, và Tập đoàn Deutsche Post DHL. Ông bắt đầu sự nghiệp của mình tại HypoVereinsbank / UniCredit với tư cách là Quản lý Doanh số Bán hàng cho Thị trường Ngoại hối & Tiền tệ.

Ông Broske sở hữu Chứng chỉ Chuyên gia Phân tích Đầu tư Tài chính® (CFA) được chứng nhận trên toàn cầu.



Mr. Ryan Bender
Quản lý Nhà máy/ Giám đốc Điều hành – H.C. Starck tại Canada

Ông Ryan Bender có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý trong ngành Công nghiệp Sản xuất. Ông đã làm việc tại H.C. Starck Canada được 10 năm, từng bước thăng tiến qua một số vị trí trước khi nắm quyền Quản lý Nhà máy tại Sarnia, Canada vào tháng 1 năm 2019. Ngoài việc phụ trách Quản lý Nhà máy sản xuất Vonfram, Ryan cũng là một chuyên gia phòng cháy chữa cháy được cấp chứng chỉ Ứng phó Sự cố Y tế Khẩn cấp.



TS. Julia Meese-Marktscheffel
Giám đốc Công nghệ và Đổi mới Sáng tạo Toàn cầu

Tiến sĩ Juliane Meese-Marktscheffel có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đổi mới toàn cầu và quản lý công nghệ trong ngành hóa chất, cả trong một tập đoàn lớn hoạt động trên toàn thế giới (12 năm, Bayer AG) cũng như dưới mái nhà của cổ phần tư nhân (13 năm, Advent International và Carlyle Group). Tốt nghiệp ngành hóa và nhà kinh doanh hóa học được chứng nhận, các lĩnh vực trọng tâm đổi mới chính của bà là chiến lược R&D và phát triển danh mục sản phẩm vượt trội bằng cách sử dụng các công cụ phase-gate và phân tích đối sánh, quản lý quay vòng/KPI và bảo vệ IP cũng như nghiên cứu gây quỹ và kết nối squốc tế.

Trọng tâm nghiên cứu khoa học của bà là toàn bộ chuỗi giá trị của các kim loại chịu lửa Vonfram, Molybden, Rheni, Tantal và Niobium. Hồ sơ năng lực quốc tế của bà bao gồm việc thành lập các liên doanh, vận hành và tăng cường các cơ sở sản xuất mới tại các địa điểm ở Canada và Nhật Bản trong kinh doanh vật liệu pin và cho bột/hóa chất Vonfram chiến lược ở Trung Quốc và Việt Nam. Bà bắt đầu sự nghiệp chuyên môn của mình trong lĩnh vực hóa học nguyên tố đất hiếm, sau đó dành hơn 10 năm phát triển vật liệu cực âm, kỹ thuật ứng dụng và CRM của pin thứ cấp phóng to pin Lithium-ion / polymer dựa trên Nike-Cobalt cho điện động. Bà Juliane là thành viên của Quỹ Học bổng Quốc gia Đức và Quỹ Alexander-von-Humboldt của Đức.



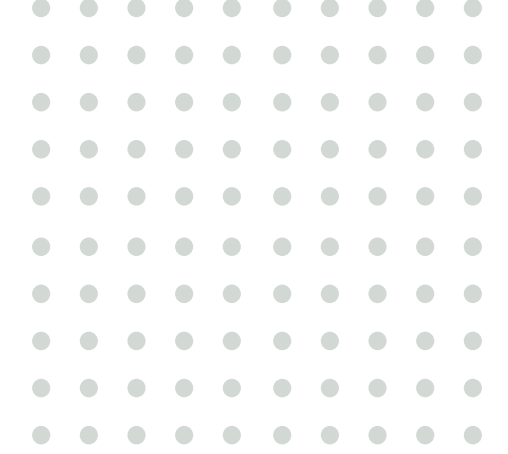
Mr. Peter Zhang
Giám đốc – H.C. Starck APAC

Ông Peter Zhang có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất Vonfram bột tại khu vực Châu Á, và là thành viên quản lý cấp cao của khu vực Châu Á Thái Bình Dương Höganäs. Đã đưa Trung Quốc trở thành công ty thành viên thành công nhất trong nhóm Höganäs. Ông cũng là Chủ tịch Giải pháp Công nghiệp Wagner Trung Quốc. Ông Zhang đã tạo ra chuỗi giá trị và chia sẻ toàn bộ chuỗi giá trị này để xây dựng đội ngũ trong khu vực vững mạnh nhằm phát triển bền vững mang lại lợi nhuận cho các công ty nước ngoài tại Trung Quốc và khu vực Châu Á.



Ms. Juliane Saupe
Quản lý Sản xuất H.C. Starck tại Goslar, Đức

Bà Juliane Saupe có hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghiệp hóa chất, phát triển và tối ưu hóa sản xuất, quản lý tinh gọn, quản lý bền vững và an toàn sức khỏe. Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành kỹ sư hóa chất tại Đại học Kỹ thuật Berlin, bà bắt đầu làm việc với vị trí Quản lý dự án Nghiên cứu và Phát triển tại H.C. Starck vào năm 2007. Sau đó, bà chuyển sang quản lý nhà máy và giữ chức vụ Quản lý Sản xuất tại Goslar, Đức kể từ năm 2019.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



- Phát triển bền vững tại MHT
- Mục tiêu phát triển của Công ty
- Mục tiêu phát triển của Xã hội
- Thực hiện chiến lược vươn ra toàn cầu Của công ty



H.C. Starck nhà sản xuất Vonfram bột toàn cầu tại Goslar, Đức - Một đơn vị kinh doanh mới của Masan High-Tech Materials



Nhà máy H.C. Starck tại Sarnia, Canada - Một đơn vị kinh doanh mới của Masan High-Tech Materials



H.C. Starck nhà sản xuất Vonfram bột toàn cầu tại Cẩm Châu, Giang Tây, Trung Quốc - Một đơn vị kinh doanh mới của Masan High-Tech Materials



Nhà máy Tsukuba của Tập đoàn Mitsubishi Materials Nhật Bản - Đối tác chiến lược của Masan High-Tech Materials



Phát Triển Bền Vững tại Masan High-Tech Materials

Công ty luôn coi phát triển bền vững là một vấn đề công khai và sẵn sàng trao đổi, đối thoại. Việc Công ty đảm bảo thực hiện các cam kết đã giúp mọi người hiểu rõ cách tiếp cận chung, các giá trị cốt lõi của chúng tôi, cách chúng tôi đo lường thành công và cơ sở để đưa ra quyết định.

Tại MHT, chính sách được áp dụng ở cấp độ toàn cầu, ghi nhận yêu cầu thực hiện ở cấp độ địa phương. Phát triển bền vững là liên quan đến quản trị rủi ro, giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với môi trường, xã hội, kinh tế và văn hóa, đồng thời hỗ trợ và duy trì các ngành công nghiệp, cộng đồng và môi trường mà chúng tôi hoạt động.

Chúng tôi cũng tin rằng phát triển bền vững tại MHT cần phải xét đến các vấn đề toàn cầu như kiểm soát dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ủng hộ và tôn trọng quyền con người, ủng hộ sự thay đổi về xã hội bằng cách ủng hộ quyền con người tại các khu vực xung đột và các sáng kiến chuỗi cung ứng có trách nhiệm giúp khách hàng có sự lựa chọn rõ ràng đối với các sản phẩm và thương hiệu mà họ chấp nhận.

Tại MHT, chúng tôi cùng nhau quyết tâm tạo ra sự khác biệt tích cực.

Mục Tiêu Phát Triển của Công ty

Tầm nhìn của MHT là trở thành Công ty hàng đầu thế giới và là đối tác tin cậy khi ngành vật liệu công nghệ cao tiếp tục định hình tương lai của thế giới. Bằng cách áp dụng các sản phẩm và quy trình mới, đảm bảo chất lượng và bền vững, chúng tôi sẽ kiến tạo những giải pháp tuyệt vời về vật liệu tiên tiến và chiến lược và đem lại kết quả vượt trội cho tất cả các bên liên quan.

Chúng tôi đã hiện thực hóa tầm nhìn của Công ty bằng bước đi đầu tiên vào tháng 6 năm 2020 sau khi hoàn tất giao dịch mua lại nền tảng kinh doanh vonfram toàn cầu của H.C.Starck (HCS), thương hiệu HCS và ChemiLytics.

Thông qua việc mua lại mạng lưới phân phối và bán hàng toàn cầu của HCS, điều quan trọng là giúp chúng tôi củng cố cam kết cùng

nhau hợp tác với khách hàng để không ngừng tham gia vào việc phát triển, nâng cao năng suất sản phẩm đặc thù cũng như các sáng kiến công nghệ mới nhất.

Tháng 11/2020, Công ty đã chào đón cổ đông lớn Mitsubishi Materials Corporation (“MMC”) thông qua việc chuyển vốn cổ phần giúp Công ty củng cố cơ cấu tài chính cũng như ký kết Thỏa thuận ghi nhớ với MMC về mở rộng hợp tác kỹ thuật.

Năm 2021, chúng tôi kỳ vọng tiếp tục hợp nhất các đơn vị kinh doanh để tối ưu hóa kết quả kinh doanh, đồng thời hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược.

Mục tiêu Phát triển Xã hội

Chúng tôi đã hiện thực hóa cam kết thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn. HCS là nhà tái chế phế liệu Vonfram cứng và mềm hàng đầu thế giới. Sản lượng vonfram tái chế hàng năm của HCS gần bằng sản lượng Vonfram hàng năm của mỏ Núi Pháo.

Kế hoạch năm 2020 của Công ty tập trung vào 4 nội dung chính:

- Đảm bảo các sản phẩm hóa chất công nghiệp của Công ty luôn là các sản phẩm hàng đầu trong mắt khách hàng; đảm bảo sản phẩm có giá trị hiệu quả cao trên thị trường; không ngừng nỗ lực để nâng cao năng lực con người, cải tiến quy trình và hệ thống của Công ty, đồng thời hỗ trợ nhu cầu luôn thay đổi của các khách hàng công nghiệp;

- Thúc đẩy nền kinh tế tuần hoàn bằng việc áp dụng triết lý “giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế”;
- Chăm lo tới hệ sinh thái của con người, môi trường xung quanh và các bên liên quan;
- Đảm bảo kết quả tài chính vượt trội trên nền tảng lâu dài bền vững.

Khi nhìn lại, chúng tôi có thể khẳng định rằng chúng tôi đã thực hiện rất tốt tất cả các mục tiêu đã đặt ra.

Các sản phẩm của MHT giữ vững vị trí dẫn đầu thị trường theo các tiêu chí của Công ty như khiếu nại, đánh giá, xếp hạng của khách hàng và khả năng duy trì lợi thế về giá so với các sản phẩm tương tự đã minh chứng cho điều này.

Với việc mua lại HCS, MHT hiện là Công ty dẫn đầu toàn cầu trong nền kinh tế tuần hoàn về Vonfram. Sản lượng Vonfram tái chế hàng năm của HCS gần bằng sản lượng Vonfram hàng năm của mỏ Núi Pháo.

Mặc dù, có một số sự cố xảy ra tại nơi làm việc trong năm 2020, nhưng các chỉ số chung trong báo cáo đều cho thấy Công ty đều đạt kết quả hoạt động tốt trên toàn cầu.

Chiến lược Thực thi Toàn cầu của Masan High-Tech Materials

Bây giờ chúng tôi thực sự đã là công ty toàn cầu và chiến lược phát triển kinh doanh của MHT vẫn tập trung vào ba phương diện chủ chốt:

Triển khai dự án và tối ưu tài sản trên cơ sở kiến thức địa phương cùng sự hiểu biết và can thiệp toàn cầu.

Masan High-Tech Materials tin rằng sự hiểu biết sâu sắc về các mối quan tâm của cộng đồng địa phương và mối quan tâm của khách hàng đóng vai trò hết sức quan trọng đối với sự thành công và phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Chúng tôi đã chứng minh điều này tại Việt Nam trong suốt 10 năm qua và tại tất cả các cơ sở hoạt động của HCS trong hơn 100 năm qua bằng cách chủ động phối hợp với cộng đồng địa phương và khách hàng toàn cầu thông qua đội ngũ quản lý địa phương và quốc tế của Công ty.

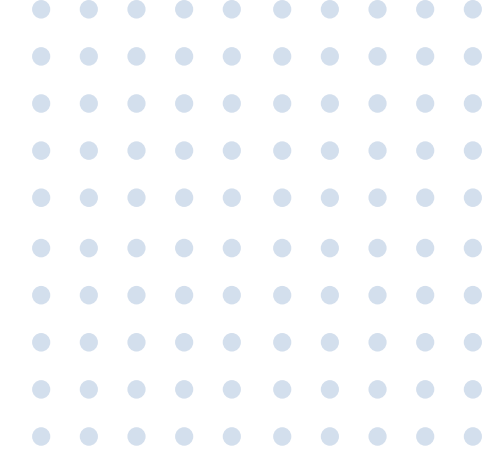
Tận dụng khả năng nhằm tiếp cận và tối ưu hóa vốn và dòng tiền để mua lại và phát triển các dự án giá trị.

Khi đã xác định được giá trị của các dự án có tiềm năng sinh lời cao, Masan High-Tech Materials luôn có khả năng tiếp cận nguồn vốn tự có và vốn vay bên ngoài để mua lại, phát triển và ổn định những dự án nhằm đảm bảo hiện

thực hóa các giá trị lâu dài và bền vững của cổ đông. Một ví dụ tuyệt vời cho kết quả đạt được trong thực thi chiến lược này trong năm 2020 là việc MHT ký thỏa thuận thiết lập liên minh chiến lược với MMC, cho phép MMC góp vốn cổ phần và ký Biên bản ghi nhớ hợp tác về tiến bộ kỹ thuật.

Phòng ngừa biến động giá cả hàng hóa thông qua việc đa dạng hóa danh mục các loại kim loại, khoáng sản và loại tiền tệ doanh thu.

Thương vụ mua lại HCS đã giúp Công ty giảm thêm biến động doanh thu vonfram thông qua việc mở rộng danh mục sản phẩm và chế biến phế liệu được thu mua trên toàn cầu mà không cần định giá theo chỉ số giá.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Báo cáo Định hướng Kinh doanh

Kết quả Kinh doanh năm 2020

Báo cáo đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo đánh giá của Hội đồng Quản trị

Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát

Báo cáo Quản trị Công ty

Quản trị rủi ro

BÁO CÁO ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

Đánh giá và nhìn nhận triển vọng kinh tế và tài chính năm 2021

Năm 2020 thực sự là một năm khó khăn do đại dịch Covid-19 và đặc biệt là những tác động của dịch bệnh lên giá và nhu cầu đối với Vonfram - sản phẩm chính của Công ty. Công ty đã thành công chèo lái vượt qua những khó khăn về kinh tế trong những năm vừa qua và hiện tại đang chuyển hướng tập trung vào tương lai, với niềm tin chắc chắn sẽ tươi sáng hơn.

Sự lạc quan này đến từ một số yếu tố bao gồm những yếu tố quan trọng về sự phát triển và áp dụng các loại vắc-xin rộng rãi trên toàn cầu, một chính quyền mới tại Hoa Kỳ, nhiều quốc gia đã tập trung vào cơ sở hạ tầng và các chương trình biến đổi khí hậu, tất cả những điều đó đã củng cố các kỳ vọng vào việc giảm những bất ổn trong năm 2021. Nhờ hành động kịp thời và liên tục của Chính phủ và Ngân hàng Trung ương bắt đầu từ năm 2020, ngành công nghiệp toàn cầu đang dần được phục hồi tuy nhiên một số lĩnh vực dịch vụ vẫn bị ảnh hưởng bởi sự thiếu tự tin. Tình trạng mất việc làm ban đầu đã phần nào được cải thiện, mặc dù một số lượng lớn người lao động vẫn thiếu việc làm. Tại hầu hết các quốc gia và công ty, phần lớn khuôn khổ kinh tế đã được duy trì và có thể hồi sinh nhanh chóng nhưng tình hình vẫn chưa chắc chắn đối với những người, công ty và quốc gia bị ảnh hưởng.

Việt Nam là một trong số ít các quốc gia sau Trung Quốc ghi nhận tăng trưởng GDP thuần dương. Mặc dù, với tình hình đại dịch, Việt Nam tăng trưởng 2,3% trong năm 2020, với dự báo nền kinh tế sau đó sẽ tiếp tục tăng mạnh lên 6,1% vào năm 2021, trong bối cảnh đại dịch đã được kiểm soát trên toàn cầu. Khả năng phục hồi của Việt Nam dựa trên nền tảng kinh tế vững chắc, được định hướng bởi động cơ tăng trưởng kép: Nhu cầu nội địa và xuất khẩu, hoạt động mạnh mẽ trong nửa cuối năm 2020. “Nhiên liệu” cho những động cơ này một phần đến từ các giải pháp kịp thời và nhanh nhạy về sức khỏe của Chính phủ đối với dịch bệnh COVID-19 trước đó. Nhu cầu bên ngoài duy trì sự tăng trưởng về xuất khẩu năm 2020 (lên đến 6.5% so với cùng kỳ năm ngoái). Do hàng hóa nhập khẩu giảm trong năm, thặng dư thương mại của Việt Nam đạt khoảng 19,1 triệu USD. Các cam kết về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vẫn tiếp

diễn, đạt gần 28,5 USD mặc dù giảm 25% so với năm 2019. Tỷ giá hối đoái cũng khá ổn định trong suốt năm và dự kiến sẽ có chút cải thiện trong năm 2021.

Vào thời điểm lập báo cáo, tổng số người tử vong do đại dịch trên toàn cầu đã tăng lên 3 triệu (tương đương với dân số của Mông Cổ) do sự biến thể liên tục của virus và sự lây lan trên toàn thế giới. Nhiều quốc gia đang đẩy mạnh các chương trình tiêm chủng, vì thế Công ty tin tưởng vào một triển vọng khởi sắc trên toàn cầu trong năm 2021 và những năm sau đó. Hoạt động kinh tế sẽ tiếp tục cải thiện nhưng sẽ có ít tương tác trực tiếp hơn và các vấn đề về biên giới có thể sẽ được giải quyết trong một thời gian.

Quý Tiền tệ Quốc tế (IMF) và các tổ chức quốc tế khác dự báo rằng nền kinh tế toàn cầu sẽ trên đà phát triển trong vòng 2 năm tới, với mức GDP phục hồi lại như trước đại dịch vào cuối năm 2022. Sau khi sụt giảm mạnh vào năm 2020, GDP toàn cầu được dự đoán sẽ tăng khoảng 4¼ phần trăm năm 2021, và tăng thêm 3¼ phần trăm năm 2022. Trung Quốc, quốc gia đã bắt đầu phục hồi sớm hơn, dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh mẽ, chiếm hơn 1/3 tăng trưởng kinh tế thế giới vào năm 2021. Các nền kinh tế của OECD (Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế), tăng trưởng 3.3% năm 2021, nhưng chỉ phục hồi một phần sau đợt suy thoái sâu năm 2020. Tăng trưởng của châu Âu và Bắc Mỹ so với tăng trưởng toàn cầu chỉ chiếm một phần nhỏ hơn so với sự lớn mạnh của những châu lục này trong nền kinh tế thế giới.

Dựa trên sự cải thiện về tâm lý kinh tế trên toàn thế giới và kỳ vọng tăng trưởng GDP trên mức trung bình, ban lãnh đạo tin rằng nhu cầu sẽ tăng trở lại, cải thiện đáng kể về khối lượng và giá hàng bán trên tất cả các mặt hàng mà Công ty cung cấp. Mặc dù triển vọng năm 2021 cho thấy những lạc quan nhưng cũng không tránh khỏi rủi ro. Sự đột biến của virus đang tiếp diễn càng nhấn mạnh tầm quan trọng và cần thiết của việc đề cao cảnh giác từ mỗi cá nhân, doanh nghiệp và xã hội, và cũng cần nhớ rằng Chính phủ có thể sẽ lại áp dụng các biện pháp hạn chế nhanh chóng đối với hoạt động kinh tế. Trong trường hợp đó, các tác động đối với nền kinh tế có thể trở nên tồi tệ hơn.



Thị trường hóa chất và kim loại công nghiệp năm 2020

Chỉ số giá Vonfram tiếp tục hồi phục trong nửa đầu năm 2020 khi ngành công nghiệp này khởi sắc sau thời kỳ tồn kho kéo dài bắt đầu vào nửa cuối năm 2018. Các bên tham gia thị trường vẫn có cái nhìn lạc quan về tương lai, và nhu cầu hợp lý đã giúp đẩy giá thành lên 235-245USD/MTU vào giữa tháng 4. Thật không may, lệnh phong tỏa tại các nơi do đại dịch Covid-19 đã tác động đáng kể lên các thị trường người dùng cuối chính đối với sản phẩm vonfram, đặc biệt là về sản xuất, và nhu cầu về công nghiệp chậm lại khiến giá trượt giảm xuống mức thấp là 205 USD/MTU vào khoảng cuối tháng 6. Sự phục hồi nhanh chóng của Trung Quốc khỏi đại dịch Covid và việc nới lỏng lệnh phong tỏa ở phần còn lại của thế giới đã cho thấy sự phục hồi nhẹ về nhu cầu, đủ để nâng giá lên 220USD/MTU vào Tháng 9, và sự bùng nổ tin tức về hiệu quả của vắc-xin vào Tháng 10 và Tháng 11 đã đưa một sự lạc quan có thật trở lại thị trường. Chuỗi cung ứng vẫn cực kỳ căng thẳng do thiếu hàng tồn kho trong hệ thống, và kết thúc năm 2020 chứng kiến thị trường vonfram kích giá tăng hơn nữa và chốt năm ở mức 230 USD/MTU. Chỉ số giá trung bình chốt năm giảm xấp xỉ 7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Chỉ số giá Florit phục hồi nhẹ trong Quý I/2020 nhờ Trung Quốc cắt giảm sản lượng sản xuất AIF3 năm 2019 và nhu cầu phục hồi trở lại trên phần còn lại của thế giới. Các giao dịch với giá trên 400 USD/tấn khó được thực hiện cho đến đầu tháng 5 khi thị trường vượt qua cuộc khủng hoảng Covid-19 tốt hơn các kim loại khác, với sức mạnh đặc biệt từ hóa chất Flo. Chỉ số giá nửa cuối năm được điều chỉnh xuống 380 USD/tấn do người mua giảm mua hàng giao ngay và cắt giảm hàng tồn kho, nhưng tâm lý chung vẫn khá ổn định và chưa đến mức tiêu cực. Khả năng phục hồi về giá của Florit năm 2020 có thể là do điều kiện thị trường không được cung cấp đầy đủ trong các điều kiện giao dịch bình thường, tính chất thời vụ và số lượng lớn của hàng hóa cũng như khó khăn và chi phí cao khi phải "linh hoạt" công suất đầu ra trong một khung thời gian ngắn. Nhìn một cách tổng quát, trung bình giá bán hàng của MHT chốt năm giảm khoảng 17% so với cùng kỳ năm ngoái, nhưng nó không phản ánh các điều kiện thị trường theo thời gian thực.

Do giá Đồng có mối liên hệ chặt chẽ với tình hình kinh tế toàn cầu và một phần đáng kể hợp đồng đang lưu hành trên thị trường là đầu cơ, giá đã bị ảnh hưởng nặng nề khi cuộc khủng hoảng Covid-19 xuất hiện và tâm lý trở nên tiêu cực mạnh mẽ. Giá đạt mức thấp nhất trong 4 năm là khoảng 4,600 USD/MT vào tháng 3. Tuy nhiên, khi cơn hoảng loạn ban đầu lắng xuống, giá bắt đầu phục hồi cho đến cuối năm, chỉ với một số điều chỉnh nhỏ, trước khi kết thúc ở mức 7.700 USD/MT, mức cao nhất trong bảy năm. Đợt tăng giá ấn tượng này được hỗ trợ bởi sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Trung Quốc, các vấn đề về nguồn cung do lệnh phong tỏa và tình trạng thiếu hụt hàng hóa từ các khu vực sản xuất chính và các chương trình kích cầu lớn của các ngân hàng trung ương toàn cầu khiến đồng USD mất giá. Giá trả ngay LME trung bình chốt năm tăng xấp xỉ 2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Bismut tiếp tục hứng chịu những tác động do quá cung và thiếu hụt cầu và duy trì trong biên độ 2,45-2,55 USD mỗi đến giữa tháng 8 trước khi phục hồi ở mức vừa phải lên 2,80 USD vào đầu tháng 9, sau đó chốt năm ở mức 2,85 USD. Nhìn chung, chỉ số giá chốt năm tăng xấp xỉ 1,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

GIÁ HÓA CHẤT VÀ KIM LOẠI

	Đơn vị	Trung bình năm 2020	Trung bình năm 2019	% change	Ngày 31.12.20	Ngày 31.12.19
Giá APT châu Âu thấp*	USD/mtu	222	240	-7%	230	234
Florit cấp axit#	USD/tấn	402	486	-17%	412	425
Đồng*	USD/t	6.163	6.021	2%	7.742	6.156
Mức Bismut thấp*	USD/Pao	2,85	3,0	-15%-	2,9	2,6

*Theo Metals Bulletin, # Theo Industrial Mineral

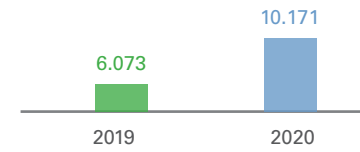
KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020

Sản lượng hàng năm

Ô-xít, bột kim loại, cacbua và các hóa chất chuyên dụng

Sản lượng các sản phẩm Vonfram trung gian từ Công ty Vonfram Masan (MTC) và H.C. Starck (HCS) đạt 10.171 tấn trong năm, tăng 67,5% so với năm 2019. Sản lượng tăng chủ yếu là kết quả của việc hợp nhất hoạt động kinh doanh của HCS trong bảy tháng kể từ tháng 6 năm 2020.

Tổng sản lượng Vonfram - tấn



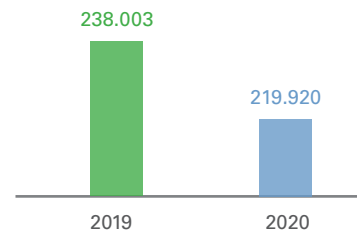
Florit / Đồng và Xi măng Bismut

Sản lượng Florit năm 2020 đạt 219.920 tấn, thấp hơn 8% so với năm 2019. Sản lượng bị ảnh hưởng bởi hàm lượng cấp liệu thấp hơn và tỷ lệ thu hồi giảm nhẹ.

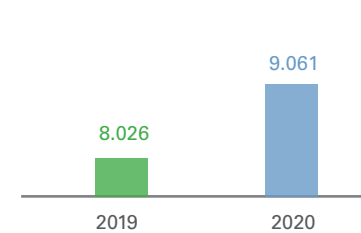
Sản lượng Đồng (tấn kim loại) tăng đáng kể khoảng 13%, đạt 9.061 tấn. Hàm lượng đầu vào cao hơn 15% nhờ hàm lượng trong quặng khai thác tăng trong năm, bù trừ một phần cho tỷ lệ thu hồi giảm.

Sản lượng Xi măng Bismut tăng 15,6%, đạt 1.228 tấn do chu trình sản xuất đã hoạt động trở lại sau thời gian dừng bảo trì kéo dài bắt đầu từ năm 2019.

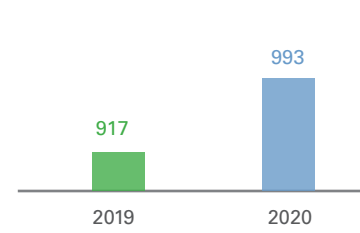
Sản lượng Florit - tấn khô



Sản lượng Đồng - tấn



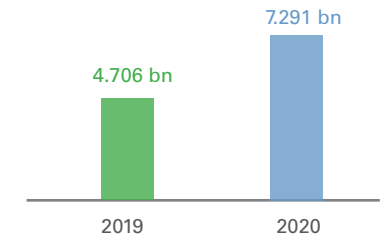
Sản lượng Bismut - tấn



Doanh thu thuần

Doanh thu thuần tăng 58% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 7.426 tỷ đồng. Doanh thu Vonfram đạt cao hơn là nhờ vào sáp nhập với HCS (bắt đầu từ tháng 6 năm 2020), trong khi vẫn bị bù trừ do giá thực tế thấp hơn. Doanh thu Đồng tăng từ việc xuất khẩu ~82.000 tấn tinh quặng. Doanh thu Florit giảm là do lượng sản lượng bán hàng giảm và giá thực thi suy giảm.

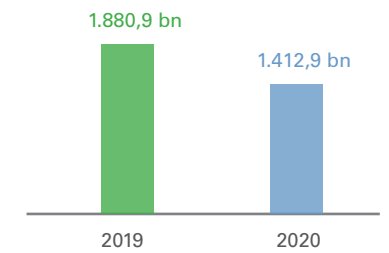
Doanh thu thuần



Lợi nhuận trước lãi vay, khấu hao và thuế (“EBITDA”)

EBITDA giảm 24% trong 12 tháng 2020, về cơ bản điều này phản ánh mức giá bán thực tế thấp đối với sản phẩm Vonfram và Đồng. Giá thành đơn vị Vonfram phần lớn vẫn được duy trì ở mức như 12 tháng 2019 mặc dù hàm lượng thấp hơn 6% và tỷ lệ thu hồi thấp hơn 1%, điều này phản ánh hoạt động tiết kiệm chi phí đã được kiểm soát tốt trong cả năm. Đồng phải bán lỗ bởi vì hợp đồng ký vào tháng 05 năm 2020, dựa trên giá trung bình sàn giao dịch LME trong tháng 04 ngay sau khi được Chính phủ cho phép xuất khẩu. Ban Lãnh đạo Công ty chấp nhận điều kiện hợp đồng vào thời điểm đó do những bất định diễn ra trên thế giới liên quan tới đại dịch Covid-19 và tìm phương án đảm bảo an toàn trước những rủi ro trượt giá sâu hơn nữa và cũng tìm cách tạo dòng tiền để hoàn tất thương vụ mua lại HCS đã diễn ra trong tháng 06. Chi phí đơn vị sản xuất Florit cao hơn 5% so với năm ngoái do hàm lượng cấp liệu thấp hơn 8% và phải bù trừ một phần do việc thực hiện các sáng kiến tiết kiệm chi phí. Chi phí đơn vị sản xuất đồng giảm 14% chủ yếu là nhờ hàm lượng cấp liệu cao hơn.

EBITDA

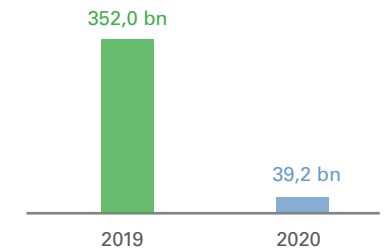


Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông

Lợi nhuận ròng năm 2020 của MHT đạt mức 151 tỷ đồng, giảm 57% so với cùng kỳ năm ngoái là 352 tỷ đồng. Các khoản lỗ được bù trừ vào lợi thế thương mại âm, được hạch toán vào thu nhập khác như là một phần của hoạt động điều chỉnh giá mua (PPA) liên quan đến việc mua lại HCS.

PPA là hoạt động điều chỉnh lại giá trị tài sản và nợ phải trả của nền tảng kinh doanh đã mua về giá trị hợp lý tại thời điểm mua lại. Hoạt động PPA đã định giá lại tài sản cho hoạt động kinh doanh của HCS là 4.200 tỷ đồng và dẫn đến việc tạo ra lợi thế thương mại âm ảnh hưởng đến thu nhập khác và thuế thu nhập hoãn lại thuần trong năm lên tới 1.398 tỷ đồng.

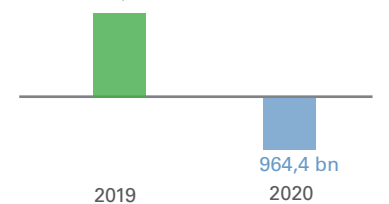
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông



Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

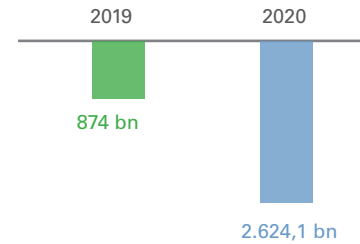
Công ty báo cáo dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh là -964 tỷ đồng, giảm 2.396 tỷ so với năm trước. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh giảm đáng kể do lợi nhuận trước thuế thấp hơn, các luồng vốn lưu động âm, chi phí lãi suất cao hơn và thuế thu nhập phải trả cũng cao hơn. Với triển vọng kinh tế được cải thiện, Công ty kỳ vọng vào sự gia tăng đáng kể của dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh vào năm 2021.

Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh



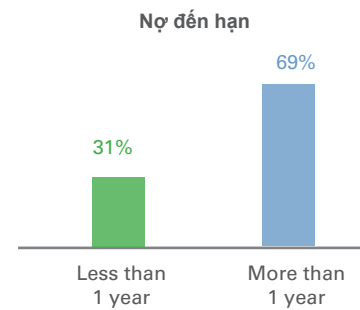
Dòng tiền từ các hoạt động đầu tư

Trong năm 2020, Công ty sử dụng tổng dòng tiền 2.624 tỷ đồng cho các hoạt động đầu tư. Điều chỉnh các khoản tiền gửi dài hạn tại ngân hàng và lãi thu được từ các khoản tiền gửi này, chi tiêu ròng cho tài sản cố định và hợp nhất kinh doanh tổng cộng là 2.528 tỷ đồng (năm 2019 là 888 tỷ đồng), tăng 1.640 tỷ đồng so với năm trước. Chi phí vốn trong năm 2020 bao gồm 1.054 tỷ đồng cho việc mua lại nền tảng kinh doanh của H.C. Starck, tiền mặt ròng nhận được là một phần của giao dịch mua bán. Ngoài ra, trong năm Công ty phải trả 851 tỷ đồng cho một bên liên quan của Tập đoàn Masan (MSN) để thanh toán một khoản vay liên công ty trước đây trong giai đoạn xây dựng của NPMC. Chi phí vốn khác tương đương với 623 tỷ đồng được phân bổ cho việc tiếp tục bồi thường đất đai, tăng vốn cho các dự án để tập trung vào nâng cao hiệu quả và hiệu suất nhà máy và duy trì các dự án khác chủ yếu liên quan đến các công trình chứa đùn quặng.



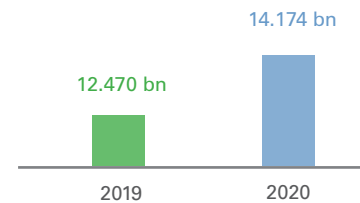
Nợ đến hạn

Trong số tổng các khoản nợ của Công ty, thì khoản nợ đáo hạn trong vòng 1 năm chiếm 31%. Tỷ lệ nợ / EBITDA tăng từ 6,8 lần vào năm 2019 lên 9,3 lần vào năm 2020 (bao gồm cả việc coi các khoản vay ngắn hạn cho các công ty thành viên là tiền mặt và các tỷ lệ này sẽ lần lượt là 6,2 lần và 8,5 lần cho các năm 2019 và 2020), mức tăng trong năm 2020 chủ yếu là do EBITDA giảm và các khoản vay tăng cao. Nổi tiếp ngay sau khi hoàn thành việc mua lại HCS là tập trung vào cải thiện chỉ số này thông qua sự kết hợp giữa cải thiện EBITDA và nâng vốn chủ sở hữu, bằng chứng là khoản đầu tư gần đây của Mitsubishi Materials Corporation (MMC) vào MHT tương đương 90 triệu đô la Mỹ cho 10% vốn cổ phần.



Tài sản ròng và vốn chủ sở hữu

Tài sản ròng và vốn chủ sở hữu tăng 14% so với năm trước lên mức 14.174 tỷ đồng trong năm 2020 so với mức 12.470 tỷ đồng trong năm 2019. Việc tăng này chủ yếu là nhờ vào vốn cổ phần tăng từ khoản đầu tư trị giá 90 triệu đô la Mỹ của MMC. Vốn chủ sở hữu chịu ảnh hưởng từ lợi nhuận sau thuế (NPAT) và các điều chỉnh ngoại hối và trợ cấp lưu trí khác trong bảng cân đối kế toán liên quan đến việc hợp nhất hoạt động kinh doanh của HCS.



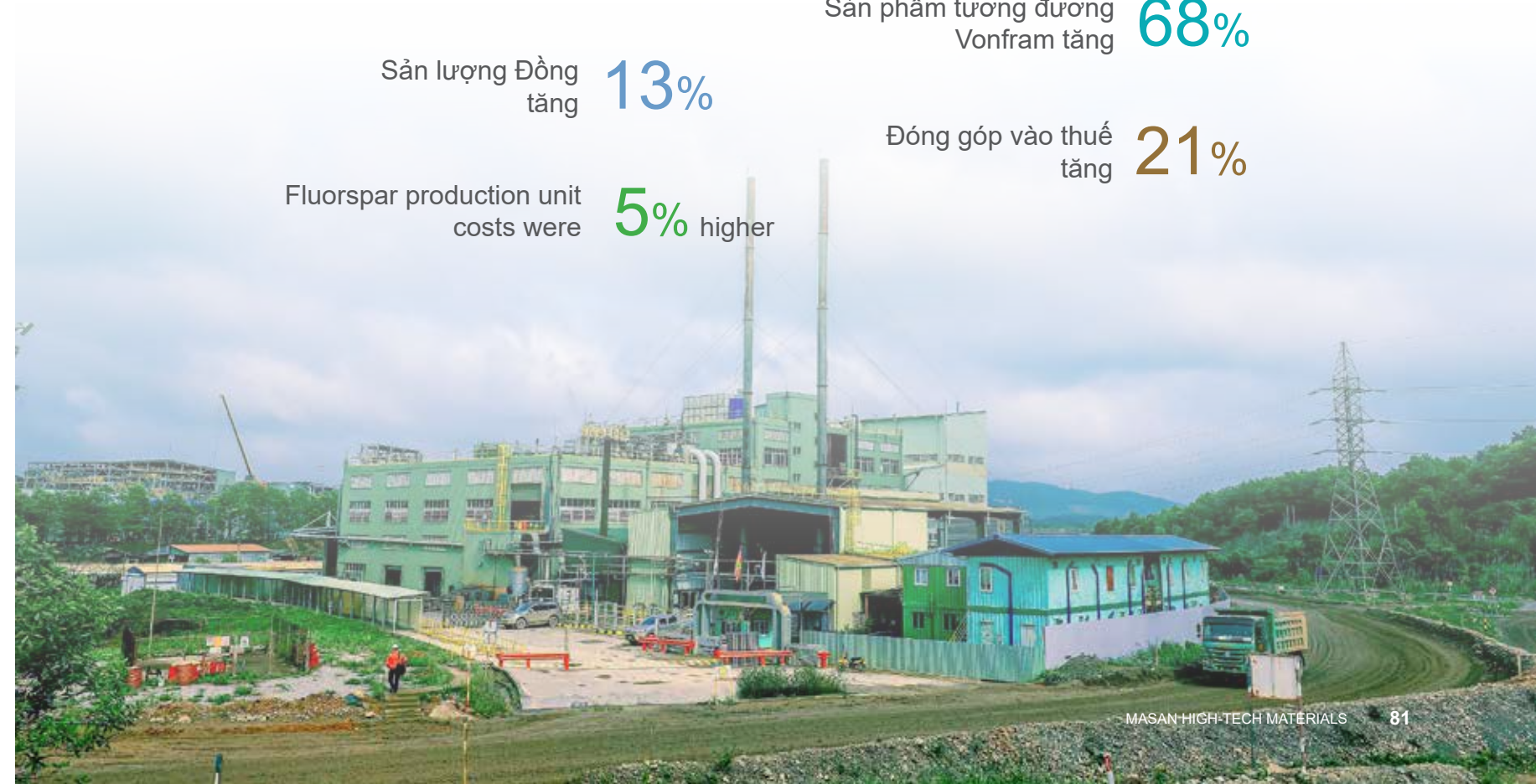
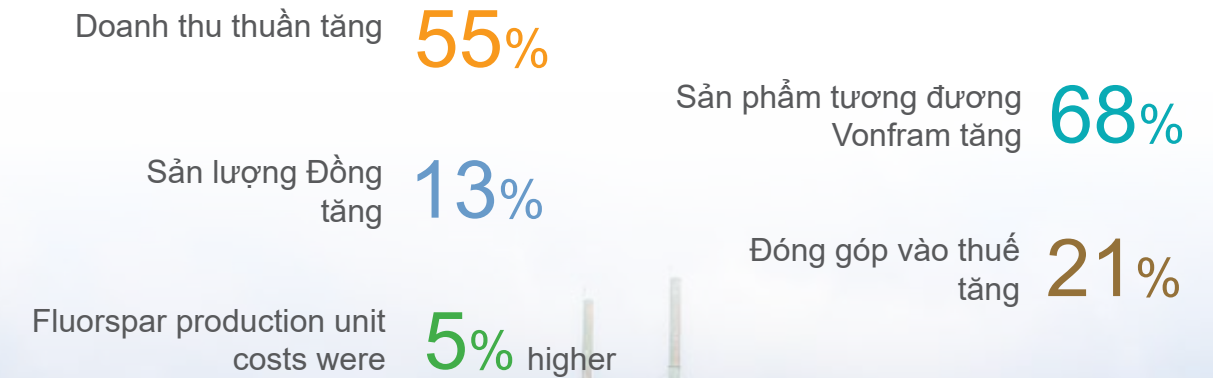
BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kính thưa các Quý Cổ đông,

Mặc dù chịu tác động đáng kể của đại dịch Covid-19, Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“Công ty” hoặc “MHT”) (tiền thân là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) đạt doanh thu năm 2020 là 7.291 tỷ đồng, tăng đáng kể so với năm trước đó là 2.585 tỷ đồng, chủ yếu nhờ vào việc mua lại H.C. Starck Holding (Đức) (“HCS”) trong năm.

Tháng 10/2020, Công ty ký thỏa thuận với Công ty Mitsubishi Materials Corporation (“MMC”) để phát hành 109,915,542 cổ phiếu phổ thông của Công ty, qua đó MMC hiện đang nắm giữ 10% phần vốn sở hữu của Công ty. Giao dịch phát hành cổ phiếu mới được tiến hành để củng cố năng lực tài chính, mở rộng quy mô hoạt động và tăng tính cạnh tranh, giúp hình thành nên nền tảng phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả của Công ty.

Một số kết quả nổi bật MHT đã đạt được trong năm 2020:



Chúng tôi điểm lại những kết quả nổi bật đã đạt được trong năm 2020 như sau:

HOẠT ĐỘNG



Tại nhà máy NPMC của Công ty tại Việt Nam, Công ty củng cố hoạt động sản xuất và duy trì sản lượng Vonfram, Florit cấp axit, Đồng và tỷ lệ thu hồi chung như mức của năm 2019. Nhìn chung, Công ty đã xử lý thêm 2.1% quặng, trong đó chủ yếu là tăng 1.3% lượng liệu cấp vào mỗi giờ, và tăng 1,3% thời gian chạy máy so với năm 2019. Chu trình tuyển nổi và xi măng hóa Bismut đã hoạt động trở lại từ tháng 8/2020 sau khi thực hiện chương trình bảo trì chuyên sâu nhằm nâng cấp tiêu chuẩn cơ khí.

Năm 2020, sản lượng sản xuất của toàn bộ các hạng mục kinh doanh đã mua lại của HCS giảm 11.2% so với năm 2019. Đặc biệt, lượng tiêu thụ các sản phẩm của Công ty phục vụ cho các ngành dầu, khí, và hóa dầu đã phải hứng chịu ảnh hưởng suy thoái toàn cầu. Tuy vậy, một sự khích lệ không nhỏ đối với Ban Giám đốc là sự tăng trưởng của thị phần với lượng khách hàng chủ chốt trong 3 khu vực bán hàng chính, dựa vào chất lượng sản phẩm của Công ty để cạnh tranh với sản phẩm của các bên trên thị trường.

Lượng mẫu gửi đến phân tích tại ChemiLytics đã giảm xuống 12% so với cùng kỳ năm ngoái do việc giảm hoạt động của 3 khách hàng chính chiếm đến 96% doanh thu.

NHÂN LỰC



Cuối năm 2020, Công ty đã thuê tổng cộng 2.010 nhân viên cho toàn bộ các cơ sở sản xuất trên toàn cầu, trải rộng trên 7 quốc gia.

Tại Việt Nam, số lượng nhân viên làm việc trực tiếp là 1.403 người, trong đó chuyên gia nước ngoài chiếm 5% lượng nhân lực của Công ty, giảm 1% và đây là kết quả của công tác đào tạo cải tiến kỹ năng làm việc và điều hành hoạt động hiệu quả trong thời kỳ đại dịch. Tại Việt Nam, Công ty đã thực hiện 294 khóa đào tạo, cho tổng số 3,010.4 giờ đào tạo, tương đương với 30.507 giờ làm việc và 17,634 nhân viên tham dự. Công tác đào tạo được tiếp tục diễn ra nhờ tận dụng cả hình thức lớp học trực tuyến (online) và trực tiếp (offline), đặc biệt hữu ích trong thời kỳ đại dịch Covid-19, đáp ứng các yêu cầu về giãn cách xã hội.

Tại Đức, có 416 nhân viên làm việc tại các đơn vị HCS Tungsten và ChemiLytics. Do ảnh hưởng của đại dịch đối với khách hàng sinh sống tại Đức, cơ sở sản xuất tại Goslar đã nhận được thỏa thuận từ Hội đồng Người lao động và phê duyệt của Chính phủ để thực hiện làm việc ít giờ trong nửa cuối năm. Làm việc ít giờ là một chương trình bảo hiểm xã hội được thành lập tại Đức cho phép nhân viên giảm giờ làm việc do các hoạt động kinh doanh tạm thời giảm. Tại Canada, số lượng nhân viên đã giảm do lượng khách hàng đã giảm đáng kể trong ngành dầu khí, tổng số lượng nhân viên vào ngày kết thúc năm là 42. Đáng chú ý là cơ sở sản xuất của Công ty tại Trung Quốc vẫn có thể giữ nguyên lượng nhân lực trong cả năm nhờ có nhu cầu đều đặn của khách hàng và đó cũng là niềm tự hào đối với 139 CB-CNV. Công ty cũng đã thuê thêm 7 nhân viên tập trung vào mảng bán hàng tại thị trường Nhật Bản và Mỹ.

Năm 2021, Công ty sẽ phải đối mặt với nhiều thử thách để đạt được các mục tiêu phát triển, cùng với đó là sự gắn kết nội bộ của các nhân viên MHT, sẽ tiếp tục học hỏi, phát triển và tham gia vào để tạo nên giá trị lớn hơn.

AN TOÀN



Tại MHT, chúng tôi cam kết vận hành an toàn, và an toàn cho con người, cả nhân viên của Công ty và nhà thầu. Điều quan trọng trên hết là sự an toàn của họ và vì thế buộc phải tuân thủ các đào tạo an toàn bắt buộc trước khi thực hiện công việc cũng như các đào tạo an toàn thường kỳ trong suốt quá trình làm việc tại Công ty.

Kết quả theo dõi của Công ty về tỷ lệ tai nạn và sự cố nghề nghiệp xảy ra tại các cơ sở sản xuất.

Năm 2020, tổng Tần suất tai nạn thống kê được (TRIFR) và Tần suất tai nạn gây mất ngày công (LTIFR), trên triệu giờ làm việc lần lượt là 0,88 (2019: 0.97) và 0.00 (2019: 0.00). Đối với cơ sở sản xuất HCS, Tần suất tai nạn gây mất ngày công là 12.7 (2019: 10.2). Cơ sở sản xuất tại Canada cho thấy sự cải thiện lớn với LTIFR là 0 (2019: 10,1). ChemiLytics ghi nhận LTIFR ở mức 10.3 (2019: 0) với một tai nạn vào tháng 10.

MÔI TRƯỜNG



MHT đề cao tôn chỉ “bảo vệ môi trường là chìa khóa cho phát triển bền vững”. Tại nhà máy sản xuất Núi Pháo, nhà máy sản xuất Masan Tungsten hay các nhà máy của HCS tại Đức, Canada và Trung Quốc, bảo vệ môi trường luôn gắn bó chặt chẽ với kinh doanh bền vững. Năm 2020, Công ty đã cải tạo 7ha diện tích tại các dốc bãi thải, vùng đệm và các khu vực bị xáo trộn khác do hoạt động khai thác và vận hành bằng nhiều loại cây trồng và nguyên vật liệu để tăng hiệu quả công tác cải tạo và phục hồi môi trường. Tổng 17.710 cây keo lai đã được trồng, 338 kg các loại hạt giống đã được gieo và 18.178 kg phân bón đã được sử dụng cho trồng cây mới và chăm sóc các cây đã trồng từ năm 2018 đến 2019. Tổng diện tích Công ty đã cải tạo, phục hồi môi trường từ khi đi vào hoạt động cho đến hết năm 2020 khoảng gần 63,85ha, góp phần quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác mỏ.

PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG



Năm 2020, MHT tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động gắn kết với cộng đồng như chương trình phát triển cộng đồng và phục hồi kinh tế; giữ trọn cam kết với cộng đồng, công ty đã đóng góp 2,36 tỷ vào 48 dự án phát triển cộng đồng, tác động trực tiếp và gián tiếp tới gần 1.100 hộ gia đình, 3.000 người dân địa phương thông qua nhiều cách tiếp cận khác nhau như các mô hình sinh kế vi mô. Năm 2020 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong chương trình tham vấn cộng đồng và công bố thông tin với 845 khách đến từ cộng đồng địa phương và các bên hữu quan và 112 nội dung thông tin qua 1.156 bản công bố thông tin. Đó là những sáng kiến của Công ty nhằm đẩy mạnh hoạt động truyền thông, phát huy hình ảnh tích cực của Công ty và tăng tính minh bạch đến với tất cả các bên. Tại HCS, Công ty đã xuất bản ấn bản đầu tiên của bản tin mới “Wir über uns” (“Về chúng tôi”). Mọi bản tin sau đó đều được dịch ra các ngôn ngữ chính sử dụng tại các cơ sở sản xuất tại Việt Nam để chia sẻ rộng rãi đến với tất cả nhân viên của MHT.

Chúng tôi tin rằng những sáng kiến phát triển cộng đồng đó có thể tích hợp vai trò của ngành khai khoáng vào bối cảnh rộng hơn về phát triển bền vững và các kế hoạch của nhà nước để đạt được các ục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs).

TÀI CHÍNH



Để đảm bảo ngành khai khoáng phát triển bền vững thì phải tìm ra các giải pháp bảo đảm lợi ích kinh tế lâu dài. Đối với MHT, chiến lược của Công ty được hiện thực hóa nhờ vào mô hình kinh doanh ổn định và dài hạn, được củng cố bởi sự vận hành thành công NPMC và MTC - mỏ khai thác Vonfram và nhà máy chế biến sâu hàng đầu Việt Nam, kết hợp với giao dịch mua lại thành công HCS - một nhà sản xuất hàng đầu toàn cầu về các sản phẩm bột Vonfram và đơn vị phân tích ChemiLytics sáp nhập vào hoạt động kinh doanh của Công ty. Điều đó giúp chúng tôi vượt ra thị trường toàn cầu. Với vai trò là một nhà cung cấp nguyên vật liệu tiên tiến công nghệ cao tích hợp toàn cầu cho phép Công ty tận dụng được những lợi ích từ giải pháp chuỗi cung ứng chi phí thấp, lâu dài và ổn định, mang đến lợi thế cạnh tranh với các công ty cùng ngành khác. Năm 2020, doanh thu thuần của Công ty đạt 7.426 tỷ đồng, tăng 58% so với năm 2019. Theo đó, lợi nhuận ròng năm 2020 của Công ty đạt mức 151 tỷ đồng, giảm 57% so với cùng kỳ năm ngoái.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“MHT”) xin trình bày Báo cáo đánh giá về hoạt động của Công ty trong năm 2020.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty

Vai trò của HĐQT là đại diện cho lợi ích của các cổ đông và năm nay chúng tôi rất tự hào thông báo với Quý Cổ đông rằng mặc dù hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020 bị ảnh hưởng tiêu cực bởi đại dịch toàn cầu, nhưng Công ty vẫn đạt được kết quả tích cực đối với tất cả các cam kết lớn đã đưa ra.

Trước hết, về giải quyết tác động lớn nhất trong năm 2020 - đại dịch toàn cầu. HĐQT ghi nhận thành tích tuyệt vời của Ban Điều hành, Công đoàn, tất cả người lao động và nhà thầu của Công ty đối với hoạt động kinh doanh toàn cầu vì đã giúp Công ty nằm ngoài sự lây lan của đại dịch Covid-19 trong năm 2020. Là một tập thể, họ đã ban hành các kế hoạch quản trị khủng hoảng, điều chỉnh và áp dụng các chính sách, nội quy làm việc để đảm bảo an toàn cho người lao động và môi trường lao động, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm chi phí mà vẫn đạt được lợi nhuận tương đối. Tất cả những điều đó đều được thực hiện ở bối cảnh Công ty đang vươn ra toàn cầu trong lúc vẫn phải giải quyết các thách thức và những thay đổi liên tục về khung pháp lý của các cơ quan quản lý nhà nước sở tại, cũng như giao dịch với khách hàng trên toàn cầu khi mà tình trạng bất ổn cao duy trì trong cả năm 2020. HĐQT trân trọng gửi lời cảm ơn tới toàn thể người lao động và nhà thầu của Công ty vì sự kiên trì, bền bỉ và vững vàng khi đối mặt với đại dịch, cảm ơn cộng đồng địa phương, nhà cung cấp, khách hàng, các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là các cổ đông, đã luôn hỗ trợ Công ty.

Về cơ bản, HĐQT tin rằng kết quả năm 2020 đã cho thấy chiến lược chuyển mình từ một công ty khai khoáng chuyên sản xuất các thương phẩm phổ thông thành một nhà cung cấp vật liệu tiên tiến tích hợp toàn cầu, cung cấp các giải pháp độc đáo cho khách hàng là chiến lược đúng đắn.

Đầu tháng 6 năm 2020, trong khi một số quốc gia tại các khu vực trên thế giới bắt đầu đóng cửa biên giới để ứng phó với đại dịch toàn cầu, thì MHT, thông qua công ty con là Công ty TNHH Vonfram Masan đã hoàn tất việc mua lại nền tảng kinh doanh bột vonfram của H.C.Starck Group GmbH (“HCS”) và dịch vụ phân tích thí nghiệm của ChemiLytics GmbH. Cuối tháng 6 năm 2020, tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty, các cổ đông đã biểu quyết với đại đa số tán thành việc đổi tên công ty từ Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan thành Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials để phản ánh rõ hơn định hướng

tương lai của Công ty. Các cổ đông cũng đồng ý việc phát hành vốn chủ sở hữu cho Mitsubishi Materials Corporation vào tháng 9 năm 2020 với mức giá cao hơn giá thị trường của cổ phiếu Công ty, khẳng định chiến lược và giá trị doanh nghiệp của MHT.

Giao dịch góp vốn vào MHT đã giúp cải thiện đáng kể sức mạnh bảng cân đối kế toán của Công ty, bảo đảm rằng chúng tôi đã sẵn sàng thu lợi từ sự phục hồi toàn cầu trong những năm tới, đồng thời củng cố mối quan hệ hợp tác của Công ty với một khách hàng quan trọng.

Mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn, ảnh hưởng đến doanh thu năm 2020, Công ty vẫn đạt được doanh thu thuần 7.291 tỷ đồng trong năm 2020, tăng 55% so với năm 2019. Kết quả này phần lớn là nhờ việc hợp nhất mảng kinh doanh của H.C. Starck Tungsten Powders từ tháng 6 năm 2020.

MHT tiếp tục nộp thuế đáng kể cho ngân sách nhà nước Việt Nam cũng như đóng góp cho nền kinh tế tại các nước mà Công ty có hoạt động. Cụ thể tại Việt Nam, trong năm 2020, MHT đã hoàn thành mọi nghĩa vụ về thuế, phí và nộp cho ngân sách nhà nước và ngân sách địa phương 1.478 tỷ đồng, bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên...

MHT không ngừng áp dụng các tiêu chuẩn và phương thức vận hành hàng đầu thế giới liên quan đến cộng đồng, sức khỏe, môi trường, phát triển bền vững và an toàn lao động tại tất cả các công ty thành viên và lĩnh vực hoạt động. Năm 2020, công tác bảo vệ môi trường của MHT tiếp tục tập trung giữ vững là “hình mẫu điển hình” để các đối tác nghiên cứu và học tập, từ cách thức khai thác mỏ bền vững tại Việt Nam đến việc trở thành công ty toàn cầu về sản xuất Vonfram bền vững thông qua tái chế. Để thực hiện cam kết về giảm lượng phát thải, chúng tôi đã tham gia các hợp đồng năng lượng tái tạo cho hoạt động của nhóm các công ty HCS và ChemiLytics tại Đức.

Tại Việt Nam, chúng tôi tiếp tục được công nhận là đã đóng góp đáng kể cho các sáng kiến phát triển cộng đồng và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tại tỉnh Thái Nguyên. Công ty được trao các giải thưởng tiêu biểu như: Top 50 Doanh nghiệp Xuất sắc nhất Việt Nam, Top 50 Doanh nghiệp Phát triển Bền vững Việt Nam (CSI), Top 100 Công ty

Đại chúng lớn nhất Việt Nam, Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500), Top 500 Doanh nghiệp Tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500).

HĐQT đã hoàn thành các nhiệm vụ của mình trong việc xem xét và phê duyệt các nghị quyết về hoạt động của Công ty và các công ty con. Trong năm 2020, không có thành viên nào của HĐQT nhận bất kỳ khoản thù lao nào cho các nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên của HĐQT, và hoạt động của HĐQT cũng không phát sinh bất kỳ chi phí nào.

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về kết quả thực hiện của Ban Giám đốc

Ban Điều hành tiếp tục quản lý Công ty một cách xứng đáng với niềm tin và sự hỗ trợ từ HĐQT và các cổ đông. Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác đã hoàn thành nhiệm vụ và chức năng của mình trong năm 2020, cũng như đã thi hành đúng và đầy đủ tất cả các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các tiểu ban hỗ trợ của HĐQT, gồm có Ủy ban Phát triển Bền vững và Ủy ban Quản lý Rủi ro, tiếp tục hoàn thành tốt vai trò của mình trong việc tham mưu và hỗ trợ HĐQT về các vấn đề có ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động và uy tín của Công ty.

Kế hoạch và Định hướng của HĐQT

Trong suốt năm vừa qua và sau khi hoàn tất việc mua lại nền tảng kinh doanh của HCS vào tháng 6 năm 2020, đội ngũ lãnh đạo cùng một số quản lý chủ chốt khác đã tổ chức một hội nghị toàn cầu và sửa đổi tầm nhìn và sứ mệnh của MHT như sau:

Tầm nhìn: Trở thành nhà cung cấp tích hợp hàng đầu thế giới về vật liệu tiên tiến công nghệ cao, có tính quyết định đối với sự đổi mới sáng tạo toàn cầu.

Sứ mệnh: Chúng tôi nhắm tới việc trở thành đối tác được chọn của các ngành công nghiệp công nghệ cao nơi mà các sản phẩm của chúng tôi là thành phần then chốt trong việc định hình và phát triển tương lai của thế giới. Thông qua ứng dụng của các sản phẩm của Công ty, chúng tôi sẽ kiến tạo những giải pháp tuyệt vời để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và năng suất nhằm mang lại kết quả vượt trội cho tất cả các đối tác và các bên liên quan của Công ty.

Hội nghị được tổ chức dưới hình thức một chuỗi các cuộc họp trực tuyến do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, đã kết nối các lãnh đạo chủ chốt trên khắp thế giới để trao đổi và tranh luận về các nền tảng kinh doanh hiện tại và định hướng cũng như tầm nhìn về tương lai của các nền tảng kinh doanh này. Chính những cuộc họp này đã giúp Công ty hiểu rõ bề dày năng lực và trí tuệ của đội ngũ lãnh đạo mà Công ty tin tưởng giao trọng trách. Năm 2020, chúng tôi đã hiện thực hóa tầm nhìn vươn ra toàn cầu bằng việc hoàn tất giao dịch mua lại nền tảng kinh doanh bột Vonfram của H.C.Starck, đồng thời tiếp tục chuyển mình từ một nhà cung cấp các thương phẩm phổ thông thành một công ty cung cấp giải pháp độc đáo cho khách hàng toàn cầu. Điều này cần thêm thời gian vì chúng tôi sẽ làm việc với các khách hàng khác nhau trên toàn cầu để định vị và điều chỉnh các sản phẩm, vật liệu, dịch vụ và giải pháp để phù hợp nhất với nhu cầu kinh doanh riêng của từng khách hàng. Chúng tôi đang nhìn thấy sức hút mạnh mẽ đối với khách hàng, nhưng hiện nó vẫn trong quá trình phát triển hoàn thiện. Trong năm 2021 và tương lai, chúng tôi sẽ tiếp tục đầu tư vào nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo nhằm phát triển các sản phẩm và quy trình công nghệ đối với cả hoạt động kinh doanh và khách hàng hiện tại của Công ty, đồng thời tự xác định vị thế tương lai sẽ trở thành Công ty dẫn đầu trong việc cung cấp nhu cầu vật liệu cho các ngành công nghiệp mới và đang phát triển, và các nhà sáng tạo toàn cầu. Mặc dù năm 2020 là một năm khá trầm lắng về phát minh sáng chế, nhưng chúng tôi kỳ vọng một số cải tiến được phát triển trong năm 2020 sẽ được cấp bằng sáng chế trong năm 2021.

Công ty cũng sẽ tiếp tục thúc đẩy và nâng cao vai trò của chính mình trong nền kinh tế tuần hoàn bằng việc áp dụng triết lý “Giảm thiểu, Tái sử dụng và Tái chế”; bảo vệ hệ sinh thái của con người, môi trường và các bên liên quan; đảm bảo kết quả tài chính vượt trội trên cơ sở bền vững lâu dài. Việc mua lại HCS trong năm 2020 đã giúp Công ty tăng đáng kể sản lượng vật liệu tái chế trong tổng danh mục hàng hóa, trong đó trên 40% sản phẩm Vonfram hiện có nguồn gốc từ nguồn tái chế. Chúng tôi tin rằng có thể tăng sản lượng nhiều hơn nữa và phát triển mảng kinh doanh này của Công ty trong vài năm tới.

Với những đánh giá trên đây, HĐQT hoàn toàn ủng hộ những nỗ lực của Ban Điều hành đối với sự phát triển Công ty và thực hiện Tầm nhìn và Sứ mệnh, đem lại kết quả vượt trội cho tất cả các đối tác và các bên liên quan của Công ty, trong đó có Quý vị - những cổ đông của Công ty.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

Về tình hình Tài chính, Kế toán của Công ty

Ban Kiểm soát xác nhận các số liệu tài chính được đưa ra trong báo cáo của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 là thể hiện trung thực tình hình kế toán tài chính hiện tại của Công ty và các công ty con. Những số liệu chính về tình hình tài chính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Bảng 1: Bảng cân đối kế toán

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ	Nghìn VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	9.756.298.985	7.581.595.985	1.102.056.861	711.706.777
Tiền và các khoản tương đương tiền	761.930.286	1.723.204.606	51.739.750	4.273.418
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	5.900.000	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.771.124.731	1.735.574.636	1.050.317.111	707.433.359
Hàng tồn kho	4.880.128.480	3.139.024.753	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	1.343.115.488	977.891.990	-	-
Tài sản dài hạn	30.352.548.829	22.193.123.896	14.156.476.389	12.454.770.460
Các khoản phải thu dài hạn	1.298.310.451	1.303.868.898	2.000.000.000	3.000.000.000
Tài sản cố định	23.784.752.467	16.568.909.156	-	-
Tài sản dở dang dài hạn	1.467.480.229	1.694.487.259	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	202.627.868	0	12.156.476.389	9.454.770.460
Tài sản dài hạn khác	3.599.377.814	2.625.858.583	-	-
TỔNG TÀI SẢN	40.108.847.814	29.774.719.881	15.258.533.250	13.166.477.237
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	26.029.306.779	17.304.897.615	3.101.408.455	3.068.983.519
Nợ ngắn hạn	7.508.154.152	11.219.362.163	1.101.408.455	68.983.519
Nợ dài hạn	18.521.152.617	6.085.535.452	2.000.000.000	3.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	14.079.541.035	12.469.822.266	12.157.124.795	10.097.493.718
TỔNG NGUỒN VỐN	40.108.847.814	29.774.719.881	15.258.355.250	13.166.477.237

Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát không thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Các hoạt động kinh doanh đều tuân thủ đúng điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Kết quả sản xuất kinh doanh và số liệu kế toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Số liệu về kết quả kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31/12/2020:

	Tập đoàn		Công ty	
	2020 Nghìn VNĐ	2019 Nghìn VNĐ	2020 Nghìn VNĐ	2019 Nghìn VNĐ
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1,366,388,336)	129,214,118	1,470,342	658,803,749
Kết quả từ các hoạt động khác	1,270,177,497	336,572,225	501,547	(501,547)
Lợi nhuận trước thuế	(96,210,839)	465,786,343	1,971,889	658,302,202
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20,654,658	138,562,148	(5,953,260)	6,358,690
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	(168,656,455)	(25,169,620)	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	51,790,958	352,393,815	7,925,149	651,943,512
Lợi nhuận thuần phân bổ cho:				
Cổ đông của Công ty	39,195,963	352,393,815	7,925,149	651,943,512
Cổ đông không kiểm soát	12,594,995	-	-	-

Về công tác quản trị và điều hành

a. Hội đồng Quản trị

Ban Kiểm soát nhận thấy rằng Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Hội đồng Quản trị đã thực hiện hợp lệ tất cả các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong năm 2020.

Các nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của Hội đồng Quản trị và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, Luật Doanh nghiệp, và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

b. Ban Giám đốc

Ban Kiểm soát nhận thấy rằng Ban Giám đốc đã thực hiện các hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả và tuân thủ đúng các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

KẾT LUẬN

Các hoạt động của Công ty trong năm 2020 tuân thủ đúng Điều lệ của Công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và chấp hành đúng các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Số nghị quyết 204/2020/NQ-ĐHĐCĐ
Ngày 29/06/2020
Nội dung

- i. Thông qua Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động năm 2019 của Hội đồng Quản trị;
- ii. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc trong năm 2019;
- iii. Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2019 của Công ty đã được Công ty TNHH KPMG kiểm toán;
- iv. Thông qua Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2020 của Công ty;
- v. Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG là Công ty kiểm toán cho Công ty năm 2020;
- vi. Thông qua thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm Soát của Công ty trong năm 2020 là 0 đồng;
- vii. Thông qua các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan của Công ty;
- viii. Thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2019 của Công ty là không chia;
- ix. Thông qua phương án chào bán cổ phần mới của Công ty;
- x. Phê chuẩn việc Ông Nguyễn Đăng Quang từ nhiệm khỏi vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016-2021 là bốn;
- xi. Phê chuẩn việc thay đổi tên Công ty;
- xii. Phê chuẩn báo cáo chi tiết kết quả chi cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% cho cổ đông (đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 ngày 19/4/2019) mà Công ty đã hoàn tất vào tháng 12/2019;
- xiii. Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông theo phương án phát hành đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 ngày 19/4/2019.

Số nghị quyết 474/2020/NQ-ĐHĐCĐ
Ngày 05/11/2020
Nội dung

- ii. Thông qua phương án chào bán cổ phần mới và phương án sử dụng vốn của Công ty;
- ii. Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phần phổ thông thực tế được phát hành;
- iii. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ để ghi nhận mức vốn điều lệ mới;
- iv. Thông qua việc đăng ký chứng khoán và đăng ký giao dịch bổ sung cho số lượng cổ phần mới thực tế được phát hành.
- v. Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty do phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông theo phương án phát hành đã được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 ngày 19/4/2019.

Hội Đồng Quản Trị

Thông tin về thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT)

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Danny Le	Chủ tịch HĐQT	19/04/2019	12/12	100%	
2	Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT	18/02/2013	12/12	100%	
3	Ông Nguyễn Đăng Quang	Thành viên HĐQT	18/02/2013 – 13/12/2019	0/12	100%	Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang nộp thư từ nhiệm khỏi HĐQT vào ngày 13/12/2019 và được cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt ngày 29/06/2020
4	Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên HĐQT	22/4/2016	12/12	100%	
5	Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên HĐQT	16/4/2019	12/12	100%	

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

- Thông qua các cuộc họp của HĐQT, Tổng Giám đốc báo cáo tình hình hoạt động của Công ty và các hoạt động quan trọng của các Công ty con của Công ty;
- Giám sát và chỉ đạo thực hiện các dự án đầu tư của Công ty và các Công ty con của Công ty;
- Thực hiện các công việc được ủy quyền theo các nghị quyết của HĐQT Công ty.

Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị

a. Hoạt động của Ủy ban Phát triển Bền vững

- Rà soát và giám sát hoạt động của Công ty và sự ảnh hưởng đối với các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững, môi trường, cộng đồng và các bên liên quan quan trọng khác;
- Rà soát và hướng dẫn Ban Giám đốc các vấn đề về phát triển bền vững và việc tích hợp tính bền vững vào hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm cải tiến, sản xuất, nguồn nguyên liệu và vận hành;
- Rà soát hoạt động của các sáng kiến tác động cộng đồng của Công ty;
- Rà soát và khuyến nghị Ban Giám đốc cách thức báo cáo cổ đông và các nhóm đối tượng khác các vấn đề về hoạt động trách nhiệm doanh nghiệp;
- Rà soát và hướng dẫn Ban Giám đốc, và báo cáo Hội đồng Quản trị các vấn đề vi phạm trách nhiệm doanh nghiệp trong các quyết định kinh doanh quan trọng, nhằm bảo vệ giá trị lợi thế thương mại, nhân lực và trí lực của Công ty;
- Rà soát và khuyến nghị Hội đồng Quản trị về các kiến nghị của cổ đông có liên quan đến các vấn đề do Ủy ban giám sát;
- Giám sát việc quản lý rủi ro liên quan đến phát triển bền vững, môi trường, và tương tác của Công ty với cộng đồng.

b. Hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro

- Rà soát và thảo luận với Ban Giám đốc và với Công ty kiểm toán độc lập của Công ty về các báo cáo tài chính hàng quý của Công ty;
- Đánh giá sự tuân thủ các quy tắc thực hành kinh doanh và quy tắc ứng xử của Công ty, cân nhắc và (nếu phù hợp) chấp thuận bất kỳ sự từ bỏ nào như được quy định trong các quy tắc này.
- Rà soát định kỳ với Ban Giám đốc và bộ phận tư vấn pháp lý về sự tuân thủ của Công ty với các luật và quy định, bao gồm các chính sách mua bán chứng khoán doanh nghiệp, vấn đề pháp lý, tố tụng hay dự phòng khác có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến báo cáo tài chính của Công ty.
- Thảo luận với Ban Giám đốc về các chính sách của Công ty liên quan đến đánh giá và quản lý rủi ro, và các hành động mà Ban Giám đốc điều hành đã thực hiện để giám sát và kiểm soát các rủi ro.

Nghị quyết do Hội đồng Quản trị

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	11/2020/NQ-HĐQT	15/01/2020	- Phê duyệt việc thay đổi thành viên của Ủy ban Phát triển Bền vững của Công ty. - Phê duyệt việc thay đổi thành viên của Ủy ban Quản lý Rủi ro của Công ty. - Phê duyệt việc thay đổi Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty.	100%
2	72/2020/NQ-HĐQT	27/03/2020	Thông qua việc xin gia hạn thời gian họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty.	100%
3	182/2020/NQ-HĐQT	17/06/2020	- Thông qua việc triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty vào ngày 29/06/2020 tại Thành phố Hồ Chí Minh. - Thông qua danh sách các vấn đề sẽ đệ trình tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty để thông qua, bao gồm: • Thông qua Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị; • Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong năm 2019; • Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được Công ty TNHH KPMG kiểm toán; • Thông qua kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2020; • Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG là Công ty kiểm toán cho Công ty năm 2020; • Thông qua thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm 2020; • Thông qua các giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan của Công ty; • Thông qua phương án chào bán cổ phần mới của Công ty; • Phê chuẩn việc Ông Nguyễn Đăng Quang từ nhiệm khỏi vị trí Thành viên Hội đồng Quản trị, và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016-2021 là bốn; • Thông qua các vấn đề khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.	100%
4	224/2020/NQ-HĐQT	14/07/2020	- Đồng ý tham gia và phê chuẩn toàn bộ nội dung Chính sách Quản lý tiền tập trung của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan; - Phê duyệt các giao dịch, hợp đồng, thỏa thuận và các tài liệu khác liên quan tới và nhằm thực hiện Chính sách Quản lý tiền tập trung.	100%

5	242/2020/NQ-HĐQT	23/07/2020	<p>- Phê duyệt các Giao Dịch Liên Quan giữa Công ty với (i) Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan; (ii) Công ty Cổ phần Masan MEATLife và/hoặc các Công ty con hoặc Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Masan MEATLife; (iii) Công ty TNHH Tầm nhìn Masan và/hoặc các Công ty con hoặc Công ty liên kết của Công ty TNHH Tầm nhìn Masan; (iv) Công ty TNHH The Sherpa và/hoặc các Công ty con hoặc Công ty liên kết của Công ty TNHH The Sherpa, (v) các Công ty con hoặc Công ty liên kết của Công ty, và (vi) các Công ty con, Công ty liên kết khác trong Tập đoàn Masan:</p> <ul style="list-style-type: none"> Các giao dịch mua bán hàng hóa; Các giao dịch chuyển giao quyền sở hữu, cấp quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, quyền tác giả và các đối tượng sở hữu trí tuệ khác cho dù đã được đăng ký bảo hộ hay chưa; Các giao dịch chia sẻ chi phí; theo đó các chi phí được chia sẻ bao gồm nhưng không giới hạn chi phí dịch vụ công nghệ thông tin, chi phí quản lý, chi phí các dịch vụ khác, và chi phí vận hành phát sinh thực tế, phù hợp với giá thị trường và được phân bổ trên cơ sở thỏa thuận giữa các Công ty nêu trên theo nguyên tắc minh bạch, bình đẳng, hợp lý, phù hợp với thông lệ thị trường và các quy định của pháp luật; Các giao dịch vay, cho vay, mua và bán trái phiếu được phát hành bởi Công ty, các Công ty con, Công ty liên kết trong Tập đoàn Masan như được nêu tại đoạn mở đầu của Điều này, hoặc trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức khác; và Trên cơ sở tối ưu hóa dòng tiền và các hoạt động tài chính của các bên, (i) các giao dịch bảo lãnh, theo đó bất kỳ Công ty nào cấp bảo lãnh cho Công ty khác trong Tập đoàn Masan; và (ii) các giao dịch cầm cố, thế chấp tài sản, theo đó bất kỳ Công ty nào dùng tài sản của mình để bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty khác trong Tập đoàn Masan. 	100%
6	31/08/2020	28/05/2019	- Phê duyệt việc tái bổ nhiệm ông Craig Richard Bradshaw làm Tổng Giám đốc của Công ty nhiệm kỳ 2020-2025, đồng thời là người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản đối với các tài khoản thanh toán của Công ty mở tại các ngân hàng	100%
7	423/2020/NQ-HĐQT	21/09/2020	- Thông qua việc Công ty cấp bảo lãnh cho các nghĩa vụ thanh toán của Công ty TNHH Vonfram Masan ("MTC") liên quan đến (i) Hạn Mức Tín Dụng do BNPP cung cấp cho MTC; và (ii) các Giao Dịch Ngoại Hối giữa BNPP và MTC	100%
8	427/2020/NQ-HĐQT	24/09/2020	- Thông qua việc lấy ý kiến cổ đông của Công ty bằng văn bản để thông qua một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông	100%
9	463/2020/NQ-HĐQT	26/10/2020	<p>- Liên quan đến giao dịch Công ty chào bán cho Mitsubishi Materials Corporation ("Nhà Đầu Tư") 109.915.542 cổ phần phổ thông phát hành mới của Công ty ("Giao Dịch Chào Bán"), phê duyệt việc Công ty cấp quyền chọn bán cho Nhà Đầu tư có quyền yêu cầu Công ty hoặc bên thứ ba do Công ty chỉ định, hoặc cả hai, mua số cổ phần của Công ty mà Nhà Đầu Tư đã đặt mua theo Giao Dịch Chào Bán;</p> <p>- Phê duyệt các giao dịch được quy định tại, và việc Công ty ký kết, chuyển giao và thực hiện tất cả các hợp đồng, thỏa thuận và tài liệu liên quan đến Giao Dịch Chào Bán và Giao Dịch Quyền Chọn Bán, bao gồm nhưng không giới hạn:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng đặt mua cổ phần; Hợp đồng quyền chọn bán; Các hợp đồng, thỏa thuận và các tài liệu khác có liên quan; và Các bản sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thanh lý hoặc thay thế (nếu có) của các tài liệu trên. 	100%

10	476/2020/NQ-HĐQT	06/11/2020	<p>- Phê duyệt phương án sử dụng vốn chi tiết liên quan đến phương án chào bán cổ phần mới và sử dụng vốn của Công ty được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 474/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/11/2020, theo đó Công ty chào bán cho Mitsubishi Material Coropration 109.915.542 cổ phần phổ thông phát hành mới ("Giao Dịch Chào Bán");</p> <p>- Thông qua số lần phát hành của Giao Dịch Chào Bán là một lần. Thông qua giá phát hành dự kiến là 19.054 VND/cổ phần.</p>	100%
11	477/2020/NQ-HĐQT	06/11/2020	- Phê duyệt việc tăng phần vốn góp của Công ty trong vốn điều lệ của Công ty TNHH Một thành viên Tài nguyên Masan Thái Nguyên ("MRTN") để tăng vốn điều lệ của MRTN lên dự kiến 11.498.770.460.161 đồng.	100%
12	516/2020/NQ-HĐQT	26/11/2020	<p>- Thông qua việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 10.991.554.200.000 đồng;</p> <p>- Thông qua việc sửa đổi Khoản 1 Điều 5 của Điều lệ Công ty tương ứng với vốn điều lệ mới.</p>	100%
13	521/2020/NQ-HĐQT	27/11/2020	<p>- Điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ Giao Dịch Chào Bán;</p> <p>- Thông qua hạn chế chuyển nhượng toàn bộ 109.915.542 cổ phần phát hành cho Mitsubishi Materials Corporation trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.</p>	100%
14	522/2020/NQ-HĐQT	27/11/2020	<p>- Thông qua việc Công ty góp thêm vốn vào vốn điều lệ của MRTN để tăng vốn điều lệ của MRTN lên 12.156.476.389.000 đồng và sửa đổi Khoản 2 Điều 7 Điều lệ MRTN sau khi hoàn thành việc góp thêm vốn; nội dung này thay thế cho các nội dung tương ứng được thông qua bởi Nghị quyết 477/2020/NQ-HĐQT;</p> <p>- Thông qua việc MRTN góp thêm vốn vào vốn điều lệ của Công ty TNHH một thành viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTI") để tăng vốn điều lệ của TNTI lên 2.158.702.686.000 đồng và sửa đổi Khoản 2 Điều 7 Điều lệ TNTI sau khi hoàn thành việc góp thêm vốn;</p> <p>- Thông qua việc phân chia Lợi Nhuận theo Nghị quyết của HĐQT Công ty số 244/2019/NQ-HĐQT sẽ được hoàn thành trong tháng 11 hoặc tháng 12 năm 2020.</p>	100%
15	523/2020/NQ-HĐQT	27/11/2020	<p>- Thông qua việc góp thêm vốn của MRTN vào Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("NPM");</p> <p>- Thông qua việc bổ nhiệm và ủy quyền cho người đại diện quản lý phần vốn góp của MRTN trong NPM.</p>	100%

Ban Kiểm Soát

Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Đoàn Thị Mỹ Duyên	Trưởng Ban Kiểm soát	30/09/2013	2/2	100%	
2	Ông Nguyễn Quỳnh Lâm	Thành viên Ban Kiểm soát	22/04/2016	2/2	100%	
3	Bà Phạm Quỳnh Nga	Thành viên Ban Kiểm soát	20/04/2018	2/2	100%	

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

(Xem thêm Báo cáo của Ban Kiểm soát từ trang ... đến trang ...)

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và đội ngũ cán bộ quản lý khác

- Tham dự và đưa ra các ý kiến đóng góp tại các cuộc họp HĐQT;
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT được ban hành trong năm 2020;
- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính trong năm 2020

Các hoạt động khác của BKS (nếu có): Không có.

Đào tạo về quản trị Công ty: Không có.

Giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Nội dung giao dịch	Ghi chú
1	Công ty TNHH Vonfram Masan	Công ty con	Công ty bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán của MTC liên quan đến hạn mức tín dụng giữa MTC và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	
2	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Công ty con	Công ty bảo lãnh cho nghĩa vụ của NPMC liên quan đến Thỏa thuận chấm dứt với 5N Plus Inc và 5N Plus Asia Limited	
3	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Công ty con	Công ty bảo lãnh cho nghĩa vụ của NPMC liên quan đến Hợp đồng thanh toán trả trước với Traxys Europe S.A.	
4	Công ty TNHH Một thành viên Tài nguyên Masan Thái Nguyên	Công ty con	Công ty góp thêm vốn vào MRTN: 2.701.705.928.839 đồng	

Giao dịch giữa người nội bộ của Công ty, người có liên quan của người nội bộ với Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Tên Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát	Nội dung giao dịch
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	MSN cho NPMC vay
2	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	MSN bảo lãnh cho các trái phiếu của NPMC phát hành tháng 5/2020
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	MSN bảo lãnh cho các trái phiếu của NPMC phát hành tháng 7/2020
4	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Vonfram Masan	MSN bảo lãnh cho khoản vay của MTC tại Standard Charter Bank (Singapore) Limited
5	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Vonfram Masan	MSN bảo lãnh cho khoản vay của MTC tại Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng BNP Paribas Chi nhánh Hà Nội
6	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	NPMC cho MSN vay
7	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Vonfram Masan	NPMC cho MTC vay
8	H.C. Starck GmbH	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Vonfram Masan	H.C. Starck GmbH cho MTC vay
9	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Vonfram Masan	Góp thêm vốn vào MTC
10	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Vonfram Masan	NPMC bán TC, HG cho MTC
11	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Vonfram Masan	Thu nhập của NPMC từ thu lại chi phí từ MTC

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Tên Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát	Nội dung giao dịch
12	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Vonfram Masan	Thu nhập của NPMC từ cho MTC thuê lại đất
13	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Người có liên quan của người nội bộ	H.C. Starck Tungsten GmbH	NPMC bán hàng hóa (APT/BTO/YTO)
14	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Người có liên quan của người nội bộ	H.C. Starck Canada Inc.	NPMC bán hàng hóa (APT/BTO/YTO)
15	Công ty Cổ phần hàng tiêu dùng Masan	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Bán hàng hóa cho NPMC
16	Công ty Cổ phần hàng tiêu dùng Masan	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Cung cấp dịch vụ cho NPMC
17	Công ty TNHH Vonfram Masan	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	MTC bán hàng hóa (APT/BTO/YTO) cho NPMC
18	Công ty TNHH Vonfram Masan	Người có liên quan của người nội bộ	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	MTC bán hàng hóa (công cụ dụng cụ) cho NPMC
19	Công ty TNHH Vonfram Masan	Người có liên quan của người nội bộ	H.C. Starck Tungsten GmbH	MTC bán hàng hóa (APT/BTO/YTO)
20	Công ty TNHH Vonfram Masan	Người có liên quan của người nội bộ	H.C. Starck Jiangwu Tungsten Specialities (Ganzhou) Co. Ltd.	MTC bán hàng hóa (APT/BTO/YTO)
21	Công ty TNHH Vonfram Masan	Người có liên quan của người nội bộ	H.C. Starck Tungsten LLC (USA)	MTC bán hàng hóa (APT/BTO/YTO)
22	Công ty TNHH Vonfram Masan	Người có liên quan của người nội bộ	H.C. Starck Canada Inc.	MTC bán hàng hóa (APT/BTO/YTO)

Giao dịch giữa Công ty với các đối tượng khác

Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành (“bên liên quan”) trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo).

Năm phát sinh	Bên có giao dịch với Công ty	Mối quan hệ với Công ty	Mô tả giao dịch
2018	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Thành viên HĐQT của Công ty cũng là thành viên HĐQT của Bên có giao dịch với Công ty	Hợp đồng hợp tác kinh doanh
2018	Công ty TNHH Vonfram Masan	Thành viên HĐQT của Công ty cũng là thành viên HĐQT của Bên có giao dịch với Công ty	Hợp đồng hợp tác kinh doanh
2019	Công ty TNHH Vonfram Masan	Thành viên HĐQT của Công ty cũng là thành viên HĐQT của Bên có giao dịch với Công ty	Bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán của MTC liên quan đến hạn mức tín dụng và giao dịch ngoại hối giữa MTC với Ngân hàng BNP Paribas – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Ngân hàng BNP Paribas Chi nhánh Hà Nội
2020	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Thành viên HĐQT của Công ty cũng là thành viên HĐQT của Bên có giao dịch với Công ty	Bảo lãnh cho nghĩa vụ của NPMC liên quan đến Thỏa thuận Chấm dứt với 5N Plus Inc và 5N Plus Asia Limited
2020	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Thành viên HĐQT của Công ty cũng là thành viên HĐQT của Bên có giao dịch với Công ty	Bảo lãnh cho nghĩa vụ của NPMC liên quan đến Hợp đồng thanh toán trả trước với Traxys Europe S.A.
2020	Công ty TNHH Vonfram Masan	Thành viên HĐQT của Công ty cũng là thành viên HĐQT của Bên có giao dịch với Công ty	Bảo lãnh cho nghĩa vụ thanh toán của MTC liên quan đến hạn mức tín dụng giữa MTC và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng

Giao dịch giữa Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

Các giao dịch khác của Công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Công ty niêm yết: Không có

CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý KHÁC

Đối với danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan, mời Quý Cổ đông xem Báo cáo tình hình quản trị năm 2020 đã được công bố trên website của Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO

QUẢN LÝ RỦI RO TẠI MHT

MHT tìm cách bảo vệ các cổ đông của mình thông qua việc áp dụng các phương pháp quản lý rủi ro cần trọng ở tất cả các cấp và địa điểm nơi các doanh nghiệp hoạt động.

Chủ động xác định và quản lý cả rủi ro và cơ hội là trọng tâm để đạt được chiến lược của chúng tôi và tạo ra giá trị lâu dài.

Tại MHT, chúng tôi tìm cách đưa quản lý rủi ro vào các hoạt động kinh doanh quan trọng, chức năng, quy trình và hệ thống tài sản của chúng tôi thông qua các cơ chế sau:

- Đánh giá rủi ro - chúng tôi thường xuyên xác định và đánh giá các rủi ro đã biết, mới và đang phát sinh.
- Kiểm soát rủi ro - chúng tôi áp dụng các biện pháp kiểm soát đối với các rủi ro trọng yếu và định kỳ đánh giá hiệu quả của các kiểm soát đó. Chúng tôi cũng đảm bảo rằng các nguồn lực được phân bổ rõ ràng để thực hiện các biện pháp kiểm soát này.
- Tính trọng yếu của rủi ro - chúng tôi đánh giá tính trọng yếu của rủi ro dựa trên mức độ tác động tài chính và phi tài chính, bao gồm nhưng không giới hạn ở các tác động cộng đồng, sức khỏe, môi trường, uy tín và pháp lý.

Chúng tôi áp dụng các quy trình đã thiết lập khi bắt đầu các hoạt động mới hoặc thực hiện các thay đổi đối với các thông lệ đã thiết lập bao gồm đánh giá rủi ro và hỗ trợ các kế hoạch quản lý rủi ro để đảm bảo hoạt động kinh doanh tiềm năng. Các vấn đề liên quan đến tham nhũng, tuân thủ luật định, rủi ro uy tín và phơi nhiễm pháp lý được báo cáo và xử lý cẩn thận để đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục và tăng trưởng phù hợp với tầm nhìn dài hạn của tổ chức.

Để biết thông tin về các rủi ro chính của chúng tôi, vui lòng tham khảo bên dưới.

Rủi ro chính

Tuyên bố đánh giá rủi ro mạnh mẽ

Hội đồng Quản trị MHT đã thực hiện đánh giá chặt chẽ các rủi ro chính của MHT, bao gồm những rủi ro có thể đe dọa đến mô hình kinh doanh, hiệu quả hoạt động trong tương lai, danh tiếng, khả năng thanh toán hoặc khả năng thanh khoản trong giai đoạn 3 năm tới.

Ban Giám đốc cho rằng khoảng thời gian ba năm là khoảng thời gian thích hợp với những lý do sau đây:

MHT có ngân sách hàng năm, kế hoạch ba năm và triển vọng dài hạn hơn của tài sản. Công chúng của MHT cho rằng mặc dù giá cả hàng hóa sẽ tiếp tục biến động nhưng chúng tôi vẫn lạc quan về giá cả trong ngắn hạn. Sự biến động về giá cả và tỷ giá hối đoái dẫn đến sự thay đổi nhiều hơn trong kế hoạch và ngân sách. Hiện tại được coi là khoảng thời gian ba năm cung cấp sự cân bằng thích hợp giữa các yếu tố thúc đẩy hiệu suất dài hạn và ngắn hạn.

Là một phần của việc xem xét, đánh giá xem xét các yếu tố khác, dự báo giá hàng hóa, độ nhạy cảm; cập nhật tài trợ và thanh khoản mới nhất; hồ sơ đáo hạn dài ngày các khoản nợ của MHT và khoản nợ đến hạn trong 12 tháng tới; hồ sơ rủi ro cấp độ nhóm và các hành động giảm thiểu có sẵn nếu các rủi ro cụ thể được thực hiện; chiến lược thường xuyên của Hội đồng Quản trị và các cuộc thảo luận đề cập đến phạm vi kết quả trong khuôn khổ chi tiêu vốn; và tuổi thọ dự trữ mỏ khoáng sản của MHT.

Khi đưa ra tuyên bố năm nay, Ban Giám đốc đã xem xét việc mua lại H.C. Starck năm 2020 và các tác động hợp nhất của H.C. Starck Tungsten và ChemiLytics, và các tác động toàn cầu liên tục của covid-19 và các biến thể của nó. Ban Giám đốc cũng đã đưa ra những giả thiết nhất định liên quan đến việc điều chỉnh sản xuất, chi tiêu vốn và chi tiêu hoạt động trong dự báo kế hoạch ba năm và điều chỉnh giá cả với trường hợp giá thấp theo chu kỳ được sử dụng cho tính nhạy cảm của bảng cân đối kế toán. Các giả thiết này sẽ được kiểm tra sau khi thực hiện thay đổi quyền kiểm soát.

Xem xét những vấn đề này, vị trí hiện tại và rủi ro chính của MHT, Ban Giám đốc có kỳ vọng hợp lý rằng MHT sẽ có thể tiếp tục hoạt động và đáp ứng các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Các yếu tố rủi ro

Rủi ro bên ngoài

Biến động giá cả hàng hóa (bao gồm cả sự thay đổi giá liên tục) và tác động của sự biến động kinh tế toàn cầu đang diễn ra có thể ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả của chúng tôi, bao gồm cả dòng tiền và giá trị tài sản.

Giá chúng tôi thu được đối với khoáng sản, hóa chất, bột và cacbua chịu ảnh hưởng hoặc liên quan đến thị trường hàng hóa toàn cầu mà trước đây có sự biến động đáng kể. Chính sách của chúng tôi là bán sản phẩm theo hợp đồng dài hạn và ngắn hạn kết hợp với giá thị trường phổ biến. Sự đa dạng được cung cấp bởi danh mục hàng hóa tương đối rộng của chúng tôi không nhất thiết cách ly MHT khỏi những thay đổi mơ hồ về giá cả. Biến động giá cả hàng hóa có thể xảy ra do sự thay đổi giá cả phản ánh các yếu tố kinh tế và địa chính trị cơ bản trên toàn cầu, nhu cầu của ngành, nguồn cung tăng do phát triển các nguồn lực sản xuất mới hoặc tăng sản lượng từ các nguồn lực hiện có, thay đổi công nghệ, thay thế sản phẩm và thuế quan quốc gia. Chúng tôi đặc biệt quan tâm đến biến động giá trong khoáng sản. Ví dụ: sự sụt giảm 10 đô la Mỹ / mtu trong ký hiệu APT trung bình sẽ có tác động ước tính đến lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 6 triệu đô la Mỹ. Sự bất ổn trong tăng trưởng kinh tế toàn cầu, đặc biệt là do đại dịch Covid-19 tiếp diễn, căng thẳng thương mại tiếp tục dẫn đến chuyển hướng dòng chảy thương mại có khả năng ảnh hưởng xấu đến nhu cầu và giá cả trong tương lai đối với hàng hóa và sản phẩm công nghiệp của chúng ta. Sự không chắc chắn về tình hình địa chính trị đang diễn ra và chủ nghĩa bảo hộ trên thị trường có khả năng kìm hãm thương mại quốc tế và đè nặng lên niềm tin của doanh nghiệp, điều này có thể tạo ra nguy cơ hạn chế thêm khả năng giao dịch của chúng ta ở một số thị trường nhất định và có khả năng làm tăng biến động giá cả. Tác động của sự thay đổi giá cả liên tục và sự biến động giá cả trong ngắn hạn, bao gồm tác động của việc duy trì kích thích tiền tệ toàn cầu của các ngân hàng Trung ương, sự không chắc chắn liên tục xung quanh các chi tiết về việc Vương quốc Anh rời khỏi Liên minh Châu Âu, tạo ra rủi ro về tài chính và hoạt động của chúng ta kết quả, bao gồm cả dòng tiền và giá trị tài sản, sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng và bất lợi bởi sự biến động ngắn hạn hoặc dài hạn về giá cả hiện hành của sản phẩm của chúng tôi.

Kết quả tài chính của chúng tôi có thể bị ảnh hưởng tiêu cực bởi biến động tỷ giá hối đoái

Sự đa dạng về địa lý của các quốc gia nơi các cơ sở sản xuất của MHT hoạt động có nghĩa là tài sản, thu nhập và dòng tiền của chúng ta bị ảnh hưởng bởi nhiều loại tiền tệ khác nhau. Biến động tỷ giá hối đoái của các loại tiền tệ đó có thể có tác động đáng kể đến kết quả tài chính của chúng tôi. Đô la Mỹ, Euro và Nhân dân tệ của Trung Quốc là các đơn vị tiền tệ mà phần lớn doanh thu của chúng tôi sẽ được sử dụng, trong khi đơn vị tiền tệ mà chúng tôi trình bày hoạt động tài chính của mình là Đồng Việt Nam. Chi phí hoạt động chịu ảnh hưởng của đơn vị tiền tệ của những quốc gia nơi đặt tài sản và cơ sở vật chất của chúng tôi và bởi những đơn vị tiền tệ mà chi phí lao động, thiết bị nhập khẩu và dịch vụ được xác định.

Kết quả bị ảnh hưởng bởi nhu cầu của Trung Quốc chậm lại

Thị trường Trung Quốc đã thúc đẩy nhu cầu và giá nguyên vật liệu toàn cầu trong thập kỷ qua. Tăng trưởng kinh tế dài hạn và nhu cầu của Trung Quốc tiếp tục giảm tốc có thể dẫn đến việc chuyển hướng dòng chảy thương mại hơn nữa, dẫn đến giảm giá sản phẩm của chúng tôi và tác động đáng kể đến dòng tiền cũng như kết quả chung của chúng tôi.

Khuôn khổ kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các vấn đề chính trị, tư pháp, quy định và biến đổi khí hậu hoặc các vấn đề về tuân thủ bị cáo buộc ở các quốc gia mà chúng tôi hoạt động hoặc tài sản mà chúng tôi quan tâm có thể có tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của chúng tôi

Mức độ ổn định chính trị, tư pháp và thương mại tồn tại ở các địa điểm mà chúng tôi đang hoạt động trên toàn cầu. Rủi ro tại các địa điểm mà chúng tôi có tài sản hoạt động có thể bao gồm khủng bố, bất ổn dân sự, hoạt động tư pháp, điều tra hoặc điều tra theo quy định, quốc hữu hóa, chủ nghĩa bảo hộ, đàm phán lại hoặc hủy bỏ các hợp đồng, cho thuê, giấy phép hoặc các thỏa thuận hiện có khác, ngăn cản, kiểm soát hoặc cấm đối với sản xuất hoặc sử dụng một số sản phẩm nhất định, các hạn chế về thu nhập hoặc vốn hồi hương và những thay đổi về luật pháp và chính sách, cũng như những rủi ro không thể lường trước khác. Rủi ro liên quan đến hối lộ và tham nhũng, bao gồm cả sự chậm trễ hoặc

gián đoạn có thể xảy ra do từ chối thực hiện thanh toán hỗ trợ, có thể phổ biến ở một số quốc gia nơi có tài sản của chúng tôi. Nếu bất kỳ tài sản hoạt động nào của chúng tôi bị ảnh hưởng bởi một hoặc nhiều rủi ro này, nó có thể có ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng đến kết quả hoạt động chung, tình trạng tài chính và triển vọng của MHT.

Tài sản hoạt động của chúng tôi dựa trên các khoản đầu tư dài hạn trọng yếu phụ thuộc vào sự ổn định tài khóa dài hạn và có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi những thay đổi trong luật tài khóa, những thay đổi trong cách giải thích luật tài khóa, những thách thức định kỳ và bất đồng với cơ quan thuế và các thủ tục pháp lý liên quan đến các vấn đề tài chính. Ngành tài nguyên thiên nhiên tiếp tục được coi là một nguồn thu thuế và cũng có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi các biện pháp tài khóa rộng hơn áp dụng cho các doanh nghiệp nói chung. MHT hiện đang vướng vào một số vấn đề về thuế và tiền cấp quyền không chắc chắn tại Việt Nam. Để biết thêm thông tin, tham khảo thuyết minh 30 ‘Thuế thu nhập’ trang X trong phần “Thuyết minh Báo cáo Tài chính”.

Hoạt động kinh doanh của chúng tôi bị ảnh hưởng bởi các quy định mới đang phát triển của Chính phủ và các tiêu chuẩn quốc tế, chẳng hạn như kiểm soát nhập khẩu, xuất khẩu, giá cả và phát thải khí nhà kính. Bản chất của các ngành mà chúng tôi hoạt động là nhiều hoạt động của chúng tôi được điều chỉnh cao bởi các luật liên quan đến các tác động đến cộng đồng, sức khỏe, môi trường và an toàn. Các yêu cầu ngày càng tăng liên quan đến các phê duyệt về quy định, cộng đồng, sức khỏe, môi trường và an toàn có thể dẫn đến sự chậm trễ hoặc gián đoạn đáng kể và có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tính kinh tế của sự phát triển mới, việc mở rộng các tài sản và hoạt động hiện có cũng như hiệu suất của các tài sản hoạt động của chúng tôi. Khi các tiêu chuẩn quy định và kỳ vọng liên tục phát triển, chúng tôi có thể phải chịu chi phí tuân thủ và quy định tăng lên để đáp ứng các tiêu chuẩn báo cáo và vận hành mới, cũng như các chi phí đóng cửa và khôi phục địa điểm không lường trước được.

Cơ sở hạ tầng, chẳng hạn như đường sắt, cảng, điện và nước, rất quan trọng đối với hoạt động kinh doanh của chúng tôi. Tác động của biến đổi khí hậu có thể làm tăng cạnh tranh và điều tiết các nguồn tài nguyên hạn chế, chẳng hạn như điện và nước. Những yếu tố này có thể ảnh hưởng nghiêm trọng và bất lợi đến việc mở rộng hoạt động kinh doanh và khả năng hoạt động hiệu quả của các tài sản của chúng tôi.

Các quy định mới hoặc đang phát triển và các tiêu chuẩn quốc tế có thể khó dự đoán, khó ảnh hưởng và phức tạp để hiểu. Chi phí tuân thủ tiềm ẩn, chi phí kiện tụng, sự chậm trễ theo quy định, chi phí khôi phục và các tác động hoạt động và chi phí phát sinh từ hành động của Chính phủ, quyết định của Tòa án, thay đổi quy định và các tiêu chuẩn đang phát triển có thể ảnh hưởng nghiêm trọng và bất lợi đến kết quả tương lai, triển vọng của MHT và tình trạng tài chính của chúng tôi.

Hiện nay, chúng tôi tiến hành hoạt động kinh doanh của mình trong một môi trường toàn cầu bao gồm nhiều khu vực pháp lý và các khuôn khổ pháp lý phức tạp. Các quy trình quản trị và tuân thủ của chúng tôi (bao gồm việc xem xét các kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính và các kiểm soát nội bộ cụ thể liên quan đến cạnh tranh, bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư, cung cấp bất kỳ điều gì có giá trị cho các quan chức Chính phủ và đại diện của các doanh nghiệp nhà nước và tiết lộ thông tin nhà nước hoặc bí mật thương mại) không được hoạt động để xác định các sai sót tài chính hoặc ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật tiềm ẩn, hoặc thông lệ kế toán hoặc quản trị. Bộ Quy tắc Ứng xử của chúng tôi, cùng với các chính sách của chúng tôi, chẳng hạn như chính sách chống tham nhũng và cạnh tranh, không thể ngăn chặn các trường hợp hành vi gian lận và không trung thực cũng như đảm bảo tuân thủ các yêu cầu pháp lý hoặc quy định. Điều này có thể dẫn đến tiền phạt theo quy định, mất lợi nhuận, kiện tụng, cáo buộc hoặc điều tra bởi cơ quan quản lý, mất giấy phép hoạt động hoặc thiệt hại về danh tiếng.

Rủi ro kinh doanh

Việc không phát hiện hoặc có được các nguồn lực mới, duy trì dự trữ hoặc phát triển các tài sản mới có thể ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả tương lai và tình trạng tài chính của chúng tôi.

Nhu cầu về các sản phẩm và hoạt động sản xuất từ tài sản của chúng tôi dẫn đến nguồn dự trữ hiện có bị cạn kiệt theo thời gian. Do doanh thu và lợi nhuận của chúng tôi có được một phần từ khoáng sản, nên kết quả trong tương lai và điều kiện tài chính của chúng tôi liên quan trực tiếp đến thành công của các nỗ lực thăm dò và mua lại cũng như khả năng tạo ra trữ lượng để đáp ứng các yêu cầu sản xuất trong tương lai với chi phí cạnh tranh. Hoạt động thăm dò xảy ra liền kề với tài sản đã thiết lập của chúng tôi. Các hoạt động này có thể làm tăng quyền sở hữu đất, cơ sở hạ tầng và các rủi ro chính trị liên quan. Việc chúng tôi không có khả năng phát hiện hoặc có được nguồn tài nguyên mới, duy trì nguồn dự trữ, duy trì chuỗi cung ứng thu gom phế liệu hoặc phát triển tài sản mới hoặc hoạt động với số lượng đủ lớn để duy trì hoặc tăng mức dự trữ hiện tại có thể ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả tương lai điều kiện và triển vọng. Sự suy giảm trong giá cả hàng hóa có thể làm cho một số nguồn dự trữ hiện có trở nên không kinh tế. Các hoạt động khoan thăm dò thực tế của chúng tôi và ngân sách khoan trong tương lai sẽ phụ thuộc vào quy mô và chất lượng hàng tồn kho tài nguyên và dự trữ của chúng tôi, kết quả khoan, giá hàng hóa, chi phí khoan và sản xuất, thời hạn thuế, tiếp cận đất đai, đường xá và các hạn chế về cơ sở hạ tầng khác, phê duyệt theo quy định và các yếu tố khác.

Có rất nhiều điều không chắc chắn trong việc ước tính trữ lượng khoáng sản. Các giả định địa chất về quá trình khoáng hóa của chúng tôi có giá trị tại thời điểm ước tính có thể thay đổi đáng kể khi có thông tin mới. Ước tính các khoản dự trữ sẽ được thu hồi hoặc chi phí mà chúng tôi dự đoán các khoản dự trữ sẽ được thu hồi, dựa trên các giả định không chắc chắn. Triển vọng tài chính toàn cầu không chắc chắn có thể ảnh hưởng đến các giả định kinh tế liên quan đến việc thu hồi dự trữ và có thể yêu cầu điều chỉnh lại dự trữ. Những thay đổi đối với ước tính dự trữ có thể ảnh hưởng đến giá trị ghi sổ tài sản của chúng tôi và cũng có thể tác động tiêu cực đến tình trạng và kết quả tài chính trong tương lai của chúng tôi.

Những thay đổi tiềm tàng đối với danh mục tài sản của chúng tôi thông qua hoạt động sáp nhập, mua lại và thoái vốn có thể có ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng đến kết quả tương lai và tình trạng tài chính của chúng tôi.

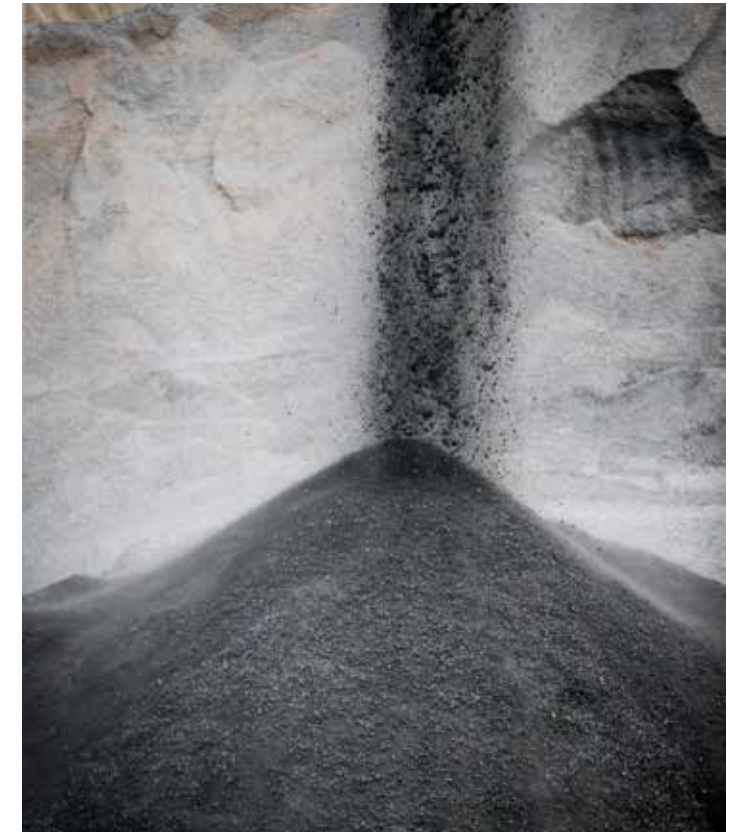
Có một số rủi ro tiềm ẩn liên quan đến việc mua lại (hoặc thoái vốn). Bao gồm:

- Mất giá trị do quyết định đầu tư không tốt hoặc do cơ hội đầu tư bị bỏ lỡ;
- Phản ứng bất lợi của thị trường đối với cơ sở / thời gian / điều khoản mà các thay đổi được thực hiện;
- Việc áp đặt các điều kiện và nghĩa vụ pháp lý bất lợi;
- Các mục tiêu thương mại không đạt được như mong đợi;
- Các khoản nợ không lường trước được phát sinh do thay đổi danh mục đầu tư;
- Doanh thu bán hàng và hiệu suất hoạt động không đáp ứng kỳ vọng của chúng tôi;
- Dự kiến hiệp đồng hoặc tiết kiệm chi phí bị trì hoãn hoặc không đạt được;
- Không có khả năng giữ chân nhân viên chủ chốt và các chi phí liên quan đến giao dịch cao hơn dự kiến.

Những yếu tố này là những cân nhắc trọng yếu đối với giao dịch nước ngoài lớn đầu tiên của chúng tôi trong việc mua lại HCS và có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến điều kiện tài chính, danh tiếng và kết quả trong tương lai

Chi phí tăng và sự chậm trễ tiến độ có thể ảnh hưởng xấu đến các dự án phát triển vốn.

Chúng tôi dành thời gian, nỗ lực và nguồn lực đáng kể cho các quy trình lập kế hoạch, phê duyệt và xem xét dự án của mình, nhưng một số dự án phát triển của chúng tôi rất phức tạp và dựa vào các yếu tố



Quặng thô tại NPMC - Việt Nam

nằm ngoài tầm kiểm soát của chúng tôi, sự điều này có thể khiến chúng tôi đánh giá thấp chi phí hoặc thời gian cần thiết để hoàn thành một dự án. Ví dụ: các sự cố hoặc điều kiện không mong muốn gặp phải trong quá trình phát triển dự án có thể gây ra thất bại hoặc vượt chi phí, các giấy phép cần thiết, giấy phép hoặc ủy quyền để xây dựng một dự án có thể không thể đạt được với chi phí dự kiến, hoặc chỉ có thể đạt được sau khi chậm trễ đáng kể và điều kiện thị trường có thể thay đổi, do đó làm cho một dự án ít sinh lời hơn so với dự kiến ban đầu.

Ngoài ra, chúng tôi có thể không phát triển và quản lý các dự án một cách hiệu quả như chúng tôi dự đoán do những thách thức có thể thấy trước và không lường trước có thể xuất hiện.

Bất kỳ điều nào trong số này đều có thể dẫn đến tăng chi phí vốn và làm chậm tiến độ tại các dự án phát triển của chúng tôi, đồng thời ảnh hưởng nghiêm trọng và bất lợi đến lợi nhuận tài chính dự kiến.

Rủi ro tài chính

Nếu tính thanh khoản hoặc dòng tiền của chúng tôi giảm sút đáng kể, điều đó có thể ảnh hưởng xấu đến khả năng tài trợ cho các chương trình vốn lớn của chúng tôi.

Chúng tôi cố gắng duy trì một bảng cân đối kế toán mạnh mẽ. Tuy nhiên, những biến động về giá cả hàng hóa và sự biến động kinh tế toàn cầu đang diễn ra có thể ảnh hưởng nghiêm trọng và bất lợi đến dòng tiền trong tương lai và khả năng tiếp cận vốn từ thị trường tài chính với mức giá chấp nhận được. Nếu các chỉ số tài chính chính và xếp hạng tín dụng của chúng tôi không được duy trì, khả năng thanh khoản và dự trữ tiền mặt, chi phí lãi suất của nợ vay, khả năng tiếp cận thị trường vốn tài chính trong tương lai và khả năng cấp vốn cho các dự án vốn lớn hiện tại và trong tương lai có thể bị ảnh hưởng bất lợi.

Các đối tác thương mại mà chúng tôi giao dịch có thể không đáp ứng các nghĩa vụ của họ, điều này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả hoạt động

Chúng tôi ký hợp đồng với nhiều đối tác thương mại và tài chính, bao gồm khách hàng cuối, nhà cung cấp và tổ chức tài chính trong bối cảnh thị trường tài chính toàn cầu vẫn còn nhiều biến động. Chúng tôi duy trì một cách tiếp cận sổ sách duy nhất với các đối tác thương mại để đảm bảo tất cả các hạn mức tín dụng được định lượng và đánh giá một cách nhất quán. Tuy nhiên, các biện pháp kiểm soát tín dụng đối tác hiện có của chúng tôi có thể không ngăn chặn được tổn thất trọng yếu do rủi ro tín dụng đối với phân khúc khách hàng lớn hoặc đối tác tài chính. Ngoài ra, khách hàng, nhà cung cấp hoặc nhà thầu có thể không thực hiện các hợp đồng và nghĩa vụ hiện có và có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tình trạng tài chính và kết quả tài sản của chúng tôi.

Rủi ro hoạt động

Các thảm họa tự nhiên và hoạt động không mong muốn có thể tác động xấu đến tài sản, chức năng hoặc con người

Bây giờ chúng tôi có tài sản sản xuất ở một số quốc gia trên toàn cầu. Quá trình hoạt động của chúng tôi có thể gặp phải các tai nạn vận hành, chẳng hạn như hỏa hoạn, rò rỉ khí đốt, sự cố đường bộ và phương tiện, sự cố cảng và vận chuyển, sự cố máy bay, sự cố thành hố lộ thiên hoặc hầm chứa / kho chứa chất thải, mất nguồn điện, ô nhiễm môi trường, lỗi thiết bị quan trọng cơ học và các cuộc tấn công bảo mật mạng hoặc thông thường vào cơ sở hạ tầng của MHT. Nếu một cuộc khủng hoảng hoạt động xảy ra, việc không cung cấp phản hồi liên lạc đầy đủ cho các bên liên quan bên ngoài của chúng tôi có thể dẫn đến thiệt hại về uy tín của toàn Công ty.

Tài sản khoáng sản của chúng tôi cũng có thể chịu những thảm họa thiên nhiên bất ngờ, chẳng hạn như động đất, bão lũ.

Chúng tôi vận hành các văn phòng và hoạt động trên toàn cầu. Một thiên tai nghiêm trọng (đại dịch), bất ổn dân sự, khủng bố hoặc sự kiện tội phạm ở bất kỳ hoặc tất cả các địa điểm này có thể có tác động đến các dịch vụ được cung cấp chonhân viên của chúng tôi và cộng đồng địa phương liên quan.

Dựa trên việc quản lý rủi ro của chúng tôi và giá trị hạn chế của bảo hiểm bên ngoài trong lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên, phương pháp tài trợ rủi ro (bảo hiểm) của chúng tôi là mua bảo hiểm bên ngoài cho một số rủi ro nhất định, bao gồm thiệt hại tài sản và gián đoạn kinh doanh, phá hoại và khủng bố, hàng hải, xây dựng, trách nhiệm chính và lợi ích sức khỏe của nhân viên. Các kế hoạch kinh doanh liên tục hiện tại có thể không cung cấp sự bảo vệ cho tất cả các chi phí phát sinh từ các sự kiện đó, bao gồm chi phí dọn dẹp, kiện tụng và các khiếu nại khác. Tác động của những sự kiện này có thể dẫn đến gián đoạn sản xuất, tăng chi phí và mất cơ sở vật chất. Khi mua bảo hiểm bên ngoài, các khiếu nại của bên thứ ba phát sinh từ những sự kiện này có thể vượt quá giới hạn trách nhiệm của các hợp đồng bảo hiểm mà chúng tôi áp dụng. Ngoài ra, bất kỳ tổn thất nào không được bảo hiểm hoặc không được bảo hiểm đều có thể có ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng đến tình hình tài chính hoặc kết quả tài sản của chúng tôi.

Công nghệ thông tin và các dịch vụ công nghệ hoạt động phải chịu rủi ro và mối đe dọa an ninh mạng có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh và danh tiếng của chúng tôi

Chiến lược sở hữu và vận hành tài sản có tuổi thọ cao và chi phí thấp của chúng tôi được củng cố bởi khả năng trở nên tích hợp hoàn toàn và tự động hóa cao, từ tài nguyên đến khách hàng sử dụng cuối và thị trường. Quy trình hoạt động và kinh doanh của chúng tôi phụ thuộc nhiều vào các công nghệ truyền thống và mới nổi để cải thiện độ an toàn, hạ giá thành và mở khóa giá trị.

Sự gia tăng tần suất và mức độ của các sự kiện mạng toàn cầu gây ra nguy cơ tiềm ẩn tăng nguy cơ thông tin nhạy cảm bị xâm phạm, cũng như các hệ thống và mạng của chúng tôi bị ngừng hoạt động ngoài kế hoạch và/hoặc kéo dài. Những sự kiện này có thể bao gồm (nhưng không giới hạn) việc khai thác lỗ hổng hệ thống, phần mềm độc hại, lừa đảo và các cuộc tấn công mạng tinh vi khác, và các sự cố khác, chẳng hạn như do lỗi của con người. Những sự kiện như vậy có thể dẫn đến

việc biến thủ quỹ, tác động tiêu cực đến năng suất tài sản, tác động tiêu cực đến sức khỏe và an toàn, hủy hoại môi trường, chất lượng sản phẩm kém, mất quyền sở hữu trí tuệ, tiết lộ thông tin nhạy cảm về thương mại hoặc cá nhân, tiền phạt theo quy định và/hoặc các chi phí khác và thiệt hại về danh tiếng.

Khi MHT tiếp tục hiện thực hóa thành công chiến lược tăng trưởng của mình, thì danh sách toàn cầu nổi bật hơn và sự hiện diện trực tuyến ngày càng tăng có thể sẽ trở thành mục tiêu hấp dẫn hơn cho các cuộc tấn công an ninh mạng.

Bất chấp những nỗ lực hợp lý đang diễn ra của chúng tôi để bảo vệ chúng tôi khỏi các sự kiện mạng, chúng tôi có thể dễ bị tấn công mạng có mục tiêu và không nhắm mục tiêu. Trong năm tài chính 2020, chúng tôi không phát hiện thấy bất kỳ sự kiện mạng nào dẫn đến vi phạm đáng kể môi trường công nghệ quan trọng trong kinh doanh của chúng tôi hoặc tiết lộ thông tin nhạy cảm với thị trường.

Áp lực chi phí và năng suất giảm có thể tác động tiêu cực đến biên lợi nhuận hoạt động và kế hoạch mở rộng của chúng tôi

Áp lực chi phí tiếp tục xảy ra trong toàn ngành. Do giá sản phẩm của chúng tôi bị ảnh hưởng và thúc đẩy bởi thị trường hàng hóa toàn cầu, nên chúng tôi có khả năng hạn chế để bù đắp những áp lực chi phí này thông qua việc tăng giá tương ứng, điều này có thể ảnh hưởng xấu đến biên lợi nhuận hoạt động của chúng tôi. Mặc dù nỗ lực của chúng tôi để giảm chi phí và một số đầu vào chi phí chính có liên quan đến giá hàng hóa, nhưng việc không thể giảm chi phí và độ trễ về thời gian có thể ảnh hưởng nghiêm trọng và bất lợi đến biên lợi nhuận hoạt động của chúng tôi trong một thời gian dài.

Bên cạnh sự gia tăng thủ tục về chi phí, thu nhập của MHT có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng và bất lợi do gián đoạn cung cấp nguyên liệu thô, thuốc thử và hàng tiêu dùng chính. Chúng tôi có thể bao gồm việc không có sẵn năng lượng, nhiên liệu hoặc nước do nhiều nguyên nhân khác nhau, bao gồm biến động của khí hậu, năng lực cơ sở hạ tầng không đầy đủ, gián đoạn cung cấp do hỏng hóc thiết bị hoặc các nguyên nhân khác và không có khả năng gia hạn hợp đồng cung cấp về các điều kiện kinh tế.

Nói chung, áp lực về chi phí và năng suất đối với MHT cũng như các nhà thầu và nhà thầu phụ của chúng tôi có thể làm tăng nguy cơ khởi kiện công nghiệp và kiện tụng việc làm. Những yếu tố này có thể dẫn đến tăng chi phí hoạt động tại các tài sản hiện có, gián đoạn hoặc chậm trễ và có thể tác động tiêu cực đến biên lợi nhuận hoạt động và kế hoạch mở rộng của chúng tôi.

Các đối tác thương mại có tiêu chuẩn quản lý và điều hành riêng của họ có thể thực hiện hành động trái với tiêu chuẩn của chúng tôi hoặc không áp dụng hoặc tuân thủ các tiêu chuẩn tương đương với tiêu chuẩn của MHT.

Các đối tác thương mại, chẳng hạn như nhà cung cấp, nhà thầu và khách hàng của chúng tôi, có thể không tuân thủ các tiêu chuẩn CHES nội bộ của chúng tôi hoặc các tiêu chuẩn khác mà chúng tôi áp dụng gây ra các tác động bất lợi về danh tiếng và pháp lý.



Rủi ro bền vững

Các tác động cộng đồng, sức khỏe, môi trường và an toàn, sự cố hoặc tai nạn có thể ảnh hưởng xấu đến con người, tài sản và danh tiếng của chúng tôi hoặc giấy phép hoạt động

We now have production assets in several geographic locations. Our operational processes may be subject to operational accidents, such as fires, gas leaks, road and vehicle incidents, port and shipping incidents, aircraft incidents, open-cut pit wall or tailings/waste storage facility failures, loss of power supply, environmental pollution, mechanical critical equipment failures, and cyber or conventional security attacks on MHT's infrastructure. If an operational crisis occurs, the failure to provide adequate communications response to our external stakeholders could result in Group-wide reputational damage.

Our minerals asset may also be subject to unexpected natural catastrophes, such as earthquakes, floods and typhoons.

Cộng đồng

Các tài sản và hoạt động của chúng tôi có thể tác động trực tiếp đến cộng đồng và có nguy cơ tiềm ẩn những tác động tiêu cực đến nhân quyền hoặc vi phạm các luật hoặc công ước quốc tế khác.

Cộng đồng địa phương có thể trở nên không hài lòng với hoạt động của chúng tôi hoặc phản đối các dự án phát triển mới của chúng tôi, bao gồm cả việc thông qua hành động pháp lý, dẫn đến khả năng trì hoãn tiến độ, tăng chi phí và giảm sản lượng. Các rủi ro liên quan đến cộng đồng có thể bao gồm các cuộc biểu tình của cộng đồng hoặc tình trạng bất ổn dân sự, các tác động tiêu cực đến quyền con người, các khiếu nại và khiếu nại về sức khỏe và an toàn của cộng đồng, hoạt động của cổ đông và hoạt động của xã hội dân sự. Trong những trường hợp cực đoan, rủi ro có thể ảnh hưởng đến khả năng tồn tại, tác động xấu đến danh tiếng và giấy phép hoạt động của chúng tôi.

Khí hậu thay đổi

Các tác động vật lý và phi vật lý của biến đổi khí hậu có thể ảnh hưởng đến tài sản, năng suất của chúng tôi và thị trường mà chúng tôi bán sản phẩm của mình. Điều này bao gồm những thay đổi cấp tính và mãn tính về hình thái thời tiết, thay đổi chính sách và quy định, phát triển công nghệ và phản ứng của thị trường và kinh tế. Khí thải liên quan đến nhiên liệu hóa thạch là một nguồn khí nhà kính đáng kể góp phần gây ra biến đổi khí hậu. Chúng tôi sử dụng nhiên liệu hóa thạch trong các hoạt động khai thác và chế biến của mình trực tiếp hoặc thông qua việc mua các tiện ích và vật tư tiêu hao dựa trên nhiên liệu hóa thạch như điện, thuốc thử.

Trên toàn cầu, hầu hết Chính phủ các quốc gia đã đưa ra hoặc đang dự tính áp dụng các biện pháp ứng phó theo quy định đối với phát thải khí nhà kính, bao gồm việc khai thác và đốt nhiên liệu hóa thạch để giải quyết các tác động của biến đổi khí hậu. Điều này bao gồm tất cả các quốc gia mà chúng tôi có tài sản bao gồm Việt Nam, Đức, Canada, Trung Quốc, Bắc Mỹ và Nhật Bản. Ngoài ra, cộng đồng quốc tế đã hoàn thành một thỏa thuận toàn cầu về khí hậu tại Hội nghị các bên lần thứ 21 (COP21) ở Paris vào tháng 12 năm 2015. Việc thiếu sự chắc chắn về quy định, sự không nhất quán về chính sách toàn cầu và những thách thức liên quan đến việc quản lý danh mục doanh nghiệp đa dạng trên nhiều các khuôn khổ quy định có khả năng ảnh hưởng xấu đến tài sản và chuỗi cung ứng của chúng tôi. Các cơ chế quy định được đề xuất này có thể ảnh hưởng xấu đến tài sản của chúng tôi trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các nhà cung cấp và khách hàng của chúng tôi. Các đánh giá về tác động tiềm tàng của quy định về biến đổi khí hậu trong tương lai là không chắc chắn do phạm vi rộng của thay đổi quy định tiềm năng ở nhiều quốc gia mà chúng tôi kinh doanh.

Các tác động vật lý của biến đổi khí hậu đối với tài sản của chúng ta có thể bao gồm những thay đổi về lượng mưa, tình trạng thiếu nước, mực nước biển dâng cao, cường độ bão gia tăng và nhiệt độ cao hơn. Những tác động này có thể ảnh hưởng nghiêm trọng và bất lợi đến hoạt động tài chính của tài sản của chúng tôi.

Sức khỏe

Những rủi ro sức khỏe phải đối mặt bao gồm tuổi tác, mệt mỏi, bệnh cơ xương và tiếp xúc nghề nghiệp với các chất hoặc tác nhân, bao gồm tiếng ồn, silica, hạt khí thải diesel, coban, niken và sương mù axit sulfuric, bức xạ và bệnh tâm thần. Các tác động lâu dài đến sức khỏe có thể phát sinh do phơi nhiễm ngoài dự kiến tại nơi làm việc hoặc phơi nhiễm trong quá khứ của lực lượng lao động hoặc cộng đồng lân cận với các chất độc hại. Những tác động này có thể tạo ra các nghĩa vụ bồi thường tài chính trong tương lai, tác động bất lợi đến con người, danh tiếng của chúng tôi, các phê duyệt quy định hoặc giấy phép hoạt động và ảnh hưởng đến cách chúng tôi xử lý tài sản của mình.

Do vị trí toàn cầu của tài sản của chúng tôi, chúng tôi có thể bị ảnh hưởng bởi tình huống khẩn cấp về sức khỏe cộng đồng như Covid-19, cúm, sốt xuất huyết hoặc các đợt bùng phát bệnh truyền nhiễm khác ở bất kỳ khu vực nào có tài sản của chúng tôi. Cụ thể, Công ty tiếp tục cập nhật các kế hoạch ứng phó đã ban hành để quản lý tình hình tại các hoạt động toàn cầu của mình liên quan đến đại dịch Covid-19.

Môi trường

Bản chất tài sản của chúng ta có khả năng tác động tiêu cực đến chất lượng không khí, đa dạng sinh học, tài nguyên nước và các dịch vụ hệ sinh thái liên quan. Những thay đổi trong hiểu biết khoa học về các tác động này, các yêu cầu quy định hoặc kỳ vọng của các bên liên quan có thể ngăn cản, trì hoãn hoặc đảo ngược việc phê duyệt dự án và dẫn đến tăng chi phí cho các hành động giảm nhẹ, bù đắp hoặc bồi thường.

Các sự cố môi trường, lịch sử, hiện tại và tương lai, có khả năng dẫn đến các tác động bất lợi về mặt vật chất đối với con người, cộng đồng, tài sản, danh tiếng hoặc giấy phép hoạt động của chúng tôi. Chúng bao gồm các vi phạm ngăn chứa quặng thải không được kiểm soát và thoát các chất gây ô nhiễm.

Chúng tôi cung cấp cho việc đóng cửa hoạt động và phục hồi địa điểm. Các cơ sở khai thác đang hoạt động của chúng tôi được yêu cầu có kế hoạch đóng cửa. Những thay đổi về quy định hoặc kỳ vọng của cộng đồng có thể dẫn đến các kế hoạch liên quan không phù hợp. Điều này có thể làm tăng trích lập dự phòng tài chính và chi phí tại các tài sản bị ảnh hưởng.

Sự an toàn

Các sự cố tiềm ẩn có thể có tác động bất lợi nghiêm trọng đến con người, tài sản, danh tiếng hoặc giấy phép hoạt động của chúng tôi bao gồm cháy, nổ hoặc rơi đá, sự cố đường liên quan đến xe buýt và xe hạng nhẹ, sự cố giữa xe hạng nhẹ và thiết bị khai thác di động, vận chuyển hoặc sự cố tàu, lỗi kiểm soát mặt đất, vi phạm ngăn chứa chất thải không kiểm soát được, rò rỉ khí và các tai nạn liên quan đến cách ly không phù hợp, làm việc từ độ cao hoặc hoạt động nâng hạ.

Nhân viên, nhà thầu và các bên thứ ba của chúng tôi có thể phải chịu rủi ro về an toàn khi di chuyển đến và đi từ các địa điểm hoặc khi đang làm việc tại một tài sản hoặc văn phòng Công ty.

Quản trị và tuân thủ

Các quy trình của chúng tôi được ủy quyền và điều chỉnh bởi các tiêu chuẩn toàn cầu cũng như các chiến lược và khuôn khổ hỗ trợ. Việc không duy trì các khuôn khổ toàn cầu hiệu quả và các biện pháp kiểm soát liên quan có thể dẫn đến sự cố lớn về sức khỏe, an toàn hoặc môi trường.

Quản lý rủi ro chính

Phạm vi hoạt động của chúng tôi và các ngành mà chúng tôi hoạt động và tham gia có nghĩa là một loạt các yếu tố có thể ảnh hưởng đến kết quả của chúng tôi. Những rủi ro chính có thể ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả và hiệu suất của chúng tôi cùng với cách tiếp cận của chúng tôi để quản lý và giảm thiểu những rủi ro này được nêu dưới đây.

Rủi ro bên ngoài

Rủi ro chính

Rủi ro phát sinh từ sự biến động của giá cả hàng hóa và nhu cầu tại các thị trường lớn (cụ thể là Trung Quốc, hoặc thị trường dầu khí) hoặc thay đổi tỷ giá hối đoái và các hành động của chính phủ, bao gồm các quy định và tiêu chuẩn mới, vi phạm tuân thủ bị cáo buộc, đại dịch và các sự kiện chính trị điều đó ảnh hưởng đến sự ổn định tài khóa dài hạn.

Cách tiếp cận giảm thiểu chính

Việc đa dạng hóa danh mục hàng hóa, thị trường, khu vực địa lý và tiền tệ của chúng tôi là một chiến lược quan trọng để giảm tác động của sự biến động. Phần Quản lý rủi ro mô tả các yếu tố và xu hướng bên ngoài ảnh hưởng đến kết quả của chúng tôi và lưu ý “Quản lý rủi ro tài chính” trong phần Quản lý rủi ro phác thảo chiến lược quản lý rủi ro tài chính của MHT, bao gồm rủi ro thị trường, hàng hóa và tiền tệ. Ủy ban Rủi ro và Kiểm toán giám sát những rủi ro này như được mô tả trong phần Quản lý rủi ro và Rủi ro chính. Chúng tôi cũng tham gia với các Chính phủ và các bên liên quan chính khác để đảm bảo rằng các tác động bất lợi tiềm ẩn của các đề xuất về tài chính, thuế, đầu tư, tiếp cận cơ sở hạ tầng, các thay đổi quy định và các tiêu chuẩn địa phương và quốc tế đang phát triển được hiểu rõ và nếu có thể, được giảm thiểu.

Bộ Quy tắc Ứng xử của chúng tôi đặt ra các yêu cầu liên quan đến việc làm việc liêm chính, bao gồm các giao dịch với các quan chức chính phủ và các bên thứ ba. Các quy trình và kiểm soát được thực hiện đối với kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính. Chức năng pháp lý giám sát sự tuân thủ của chúng tôi đối với các nghĩa vụ kinh doanh chứng khoán và nghĩa vụ công bố thông tin liên tục và định kỳ.

Business risks

Rủi ro chính

Risks include the inherent uncertainty of identifying and proving reserves, adding assets and managing our capital development projects.

Cách tiếp cận giảm thiểu chính

Our use of qualified 3rd parties helps us to manage the technical integrity and provide assurance for our Mineral Resource development and Ore Reserves reporting, along with meeting audit and specialist needs.

We have established investment approval and monitoring processes applicable to all investment decisions, including mergers and acquisitions activities. An internal Investment Committee oversees these. Our capital expenditure request framework provides the structure and governance for adding growth options to our portfolio.

Our Projects function aims to make sure projects are safe, predictable and competitive.

Rủi ro tài chính

Rủi ro chính

Sự biến động liên tục trên thị trường tài chính toàn cầu có thể tác động tiêu cực đến dòng tiền trong tương lai, khả năng tiếp cận và nguồn vốn đầy đủ từ thị trường tài chính cũng như xếp hạng tín nhiệm của chúng tôi. Sự biến động có thể ảnh hưởng đến các khoản chi tiêu theo kế hoạch, cũng như khả năng thu hồi các khoản đầu tư vào các dự án sản xuất khai thác. Ngoài ra, các đối tác thương mại (khách hàng, nhà cung cấp, nhà thầu và tổ chức tài chính) mà chúng tôi giao dịch có thể, do các điều kiện thị trường bất lợi, không đáp ứng các nghĩa vụ hợp đồng của họ.

Cách tiếp cận giảm thiểu chính

Chúng tôi cố gắng duy trì một bảng cân đối kế toán mạnh mẽ, được hỗ trợ bởi chiến lược quản lý rủi ro danh mục đầu tư. Là một phần của chiến lược này, việc đa dạng hóa danh mục đầu tư làm giảm sự biến động tổng thể của dòng tiền. Chúng tôi sử dụng phân tích dòng tiền thường xuyên để theo dõi các biến động và các tỷ lệ tài chính chính. Các giới hạn tín dụng và kiểm soát xem xét được thiết lập cho tất cả các khách hàng và các đối tác tài chính. Ủy ban Rủi ro và Kiểm toán giám sát những điều này, như được mô tả trong Báo cáo Tài chính bắt đầu từ trang

Rủi ro hoạt động

Rủi ro chính

Các thảm họa tự nhiên và hoạt động không mong muốn có thể ảnh hưởng xấu đến tài sản của chúng tôi. Công nghệ thông tin và các dịch vụ công nghệ hoạt động phải chịu rủi ro và mối đe dọa an ninh mạng có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh và danh tiếng của chúng tôi. Áp lực chi phí hoạt động và giảm năng suất có thể ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận hoạt động và kế hoạch mở rộng.

Cách tiếp cận giảm thiểu chính

Bằng cách áp dụng các quy trình quản lý rủi ro của mình, chúng tôi tìm cách xác định các rủi ro hoạt động nghiêm trọng và thực hiện các yêu cầu về hiệu suất và kiểm soát quan trọng để duy trì hiệu quả kiểm soát. Kế hoạch kinh doanh liên tục và kế hoạch quản lý khủng hoảng và khẩn cấp được thiết lập để giảm thiểu hậu quả. Nhất quán với cách tiếp cận quản lý rủi ro của chúng tôi, chúng tôi tiếp tục được bảo hiểm phần lớn từ bên thứ 3 đối với những tổn thất phát sinh do thiệt hại tài sản, gián đoạn kinh doanh và xây dựng.

Do chúng tôi dựa nhiều vào công nghệ thông tin và công nghệ vận hành để vận hành tài sản, chúng tôi sử dụng một số biện pháp để bảo vệ, phát hiện và ứng phó với các sự kiện mạng. Chiến lược quản lý rủi ro mạng cho toàn doanh nghiệp đang phát triển để giải quyết cách chúng tôi duy trì tính bảo mật của các tài sản công nghệ hỗ trợ hoạt động của chúng tôi trên toàn cầu. Chiến lược này sẽ bao gồm các hoạt động được thực hiện, bao gồm đào tạo và nâng cao nhận thức về an ninh mạng cho nhân viên, giám sát các mạng công nghệ hoạt động và doanh nghiệp của chúng tôi, các hoạt động xác định và khắc phục lỗ hổng, kiến trúc bảo mật theo thiết kế và các quy trình để quản lý rủi ro công nghệ của bên thứ ba. Khi sự cố xảy ra, chúng được điều tra thông qua phân tích nguyên nhân gốc rễ và các hành động tiếp theo được thực hiện theo yêu cầu.

Ban Quản trị nhận được các bản cập nhật định kỳ về các hoạt động quản lý rủi ro mạng, bao gồm thông tin liên quan về bất kỳ sự cố mạng quan trọng nào đã xảy ra.

Chúng tôi đặt mục tiêu duy trì biên lợi nhuận hoạt động phù hợp thông qua mục tiêu chiến lược là định vị MHT để phù hợp với giá trị, năng lực và nguồn lực cạnh tranh của chúng tôi với nhu cầu phát triển của thị trường, nhằm tạo ra giá trị lâu dài bền vững cho cổ đông và các bên liên quan khác.

Nỗ lực của chúng tôi tập trung để giảm chi phí vận hành và thúc đẩy cải thiện năng suất đã mang lại kết quả rõ ràng, với việc giảm chi phí có thể kiểm soát được.

Khả năng duy trì cải tiến năng suất đang được nâng cao hơn nữa thông qua các cải tiến liên tục đối với mô hình hoạt động của chúng tôi. Mô hình hoạt động đang được thiết kế lại để cung cấp một MHT đơn giản và có thể mở rộng, mang lại lợi thế cạnh tranh thông qua việc xác định các phép đo công việc, tổ chức và hiệu suất. Các quy trình kinh doanh toàn cầu được xác định, bao gồm cả SAP, sẽ cung cấp một cách thức hoạt động của doanh nghiệp trên MHT. Các quy trình chung tạo ra dữ liệu hữu ích và cải thiện kỹ thuật hoạt động. Các thỏa thuận tìm nguồn cung ứng toàn cầu đang được thiết lập để đảm bảo cung cấp liên tục và chi phí cạnh tranh cho các đầu vào cung cấp chính.

Từ góc độ quan hệ lao động, việc lập kế hoạch chi tiết đã được thực hiện để hỗ trợ sự tích hợp liên tục của hoạt động kinh doanh HCS vào MHT.

Rủi ro bền vững

Rủi ro chính

Sự cố hoặc tai nạn của CHESS có thể ảnh hưởng xấu đến mọi người hoặc cộng đồng lân cận, tài sản, danh tiếng và giấy phép hoạt động của chúng tôi. Các tác động vật lý tiềm ẩn và các ứng phó liên quan đến biến đổi khí hậu có thể ảnh hưởng đến giá trị của MHT, tài sản và thị trường của chúng ta.

Cách tiếp cận giảm thiểu chính

Cách tiếp cận của chúng tôi đối với rủi ro bền vững được phản ánh rõ nhất trong Báo cáo Phát triển Bền vững hàng năm được tóm tắt trong phần XX. Các tiêu chuẩn đặt ra các yêu cầu về hiệu suất liên quan đến CHESS trên toàn Tập đoàn được thiết kế để hỗ trợ việc kiểm soát quản lý hiệu quả những rủi ro này. Quá trình lập kế hoạch CHESS toàn cầu sẽ xem xét để xác định các lỗ hổng trong các tiêu chuẩn này và thông báo cho các cải tiến toàn cầu đối với khuôn khổ CHESS.

Phương pháp tiếp cận của chúng tôi đối với việc lập kế hoạch doanh nghiệp, ra quyết định đầu tư và quản lý kinh doanh tập trung vào việc xác định, đánh giá và quản lý các rủi ro biến đổi khí hậu. Thông qua cách tiếp cận toàn diện và chiến lược để lập kế hoạch doanh nghiệp, chúng tôi sử dụng các tình huống để đánh giá danh mục đầu tư của mình.

Cách tiếp cận để gắn kết với các bên liên quan trong cộng đồng cũng được nêu trong Báo cáo Bền vững hàng năm của chúng tôi.

Chúng tôi cố gắng thực hiện đánh giá nội bộ để kiểm tra sự tuân thủ các tiêu chuẩn và phát triển các kế hoạch hành động để giải quyết bất kỳ khoảng trống nào. Các phát hiện chính được báo cáo cho quản lý cấp cao và các báo cáo được xem xét bởi ủy ban Bền vững của Hội đồng.



QUẢN LÝ RỦI RO TẠI HCS

HCS từ lâu đã được biết đến như là một chuyên gia về các sản phẩm hóa chất vonfram, bột kim loại vonfram và cabua vonfram trên thị trường vonfram toàn cầu. Để có thể phản ứng linh hoạt hơn với nhu cầu và điều kiện của thị trường, Công ty đã thực hiện chiến lược 2 cột trụ từ một vài năm trước: ngoài cung cấp các sản phẩm vonfram cao cấp theo yêu cầu cụ thể của khách hàng, HCS hiện tại còn cung cấp cả các sản phẩm hàng hóa thương mại thông thường để có thể bán đồng thời khối lượng lớn hơn trên thị trường và tận dụng liên tục các cơ sở sản xuất.

Nằm trong chương trình cuộc họp của các chuyên gia hàng năm, cả các yêu cầu từ các bên liên quan và các vấn đề nội bộ và bên ngoài đặt ra câu hỏi cho Công ty đều được tổng hợp. Ví thế, đối với tất cả các hạng mục, các rủi ro và cơ hội nảy sinh đều được xác định và sau đó các yêu cầu và các chủ đề được đưa ra đánh giá. Các yêu cầu và chủ đề có số điểm cao sẽ được chuyển thành mục tiêu của Công ty vì chúng là thước đo cho quy cách của hệ thống quản lý tích hợp, và chúng cũng được xác định các KPI và biện pháp khả thi.

Các yêu cầu và chủ đề được đưa vào mục tiêu này sau đó sẽ tạo thành nền tảng cho việc quản lý rủi ro, định nghĩa của các mục tiêu và nguồn gốc của các biện pháp tại từng cơ sở sản xuất và từng bộ phận cụ thể của HCS.

Các chủ đề và yêu cầu của các bên liên quan cũng như rủi ro/cơ hội nảy sinh từ đó và biện pháp được trình bày như dưới đây.

Rủi ro và cơ hội từ các chủ đề nội bộ và bên ngoài

Chủ đề	Vấn đề	Rủi ro (-) và cơ hội (+)	Biện pháp
Rủi ro chiến lược	Sự phát triển trong tương lai của các xu thế lớn trên toàn cầu như tiêu hóa/ siêu vi hóa, chuyển động điện tử, điện lưới thông minh, sản xuất kỹ thuật số, năng lượng tái tạo và tái sinh, bảo tồn các tài nguyên và tái chế, bảo vệ môi trường và thay đổi khí hậu	+ Có / duy trì khách hàng + khu vực thị trường mới + hình ảnh + cải tiến - mất thị phần, khách hàng, nếu không bắt kịp xu hướng	Chiến lược chính sách hàng năm, theo dõi thị trường, các dự án phát triển, hợp tác, liên doanh, đầu tư vào các thị trường mới nổi, đánh giá mục tiêu
Rủi ro về kinh tế/ cạnh tranh	Hình ảnh / Cộng đồng	+ Chiếm lĩnh thị phần nhờ vào các sản phẩm tốt hơn và cải tiến hơn + Có thêm khách hàng/ nhà cung cấp + ít vấn đề hơn với người dân lân cận + hình ảnh + động cơ thúc đẩy sáng kiến cải tiến + quy trình xét duyệt đơn giản hơn - mất thị phần nếu không bắt kịp xu hướng / do tăng tốc chưa đủ trong việc phát triển hay thực hiện - chi phí (do trì hoãn) - hiểu nhầm - không giữ chân được khách hàng	Phân tích môi trường của thị trường, lập kế hoạch hàng năm, bảo vệ nguyên vật liệu chiến lược, thiết lập mục tiêu, đa dạng các sản phẩm, nghiên cứu & phát triển Năng lực của nhà cung cấp, các khái niệm nguyên vật liệu thô, công nhận nguồn khoáng sản có trách nhiệm (RMI), quản lý chuỗi cung ứng có trách nhiệm (RSCM) Mối quan hệ với cộng đồng Quy trình, đổi mới, lợi thế vì chi phí thông qua việc sử dụng các nguyên vật liệu thô linh hoạt, quản lý chuỗi cung ứng (SCM)
Rủi ro thực hiện dịch vụ	Yêu cầu của khách hàng Giao hàng đúng thời hạn Quản lý hoạt động bán hàng, tính toán và đánh giá các yêu cầu, giao tiếp	+ Sự gắn bó của khách hàng + lượng bán hàng cao hơn/ giá tăng lên - chi phí sản xuất cao đối với các sản phẩm không đưa ra nhiều yêu cầu - kho dự trữ	Các quy trình liên quan đến khách hàng, hợp thường kỳ, quản lý chuỗi cung ứng (SCM), lập kế hoạch kiểm tra, quản lý thông số kỹ thuật, rà soát hợp đồng, tổ chức quản lý, các hợp đồng dịch vụ cùng các phân tích, giao nhận hàng hóa (logistics), quản lý khiếu nại (nội bộ), quản lý kiểm soát tài liệu theo định hướng sản xuất
Bảo đảm liên quan đến mua hàng, sản xuất, rủi ro về quá trình lưu giữ và vận chuyển	An toàn nhà máy và an toàn đối với sản phẩm Tai nạn, cận tai nạn nghề nghiệp	+ Không thất thoát sản lượng + cải tiến + rủi ro thấp hơn về tai nạn, ý thức an toàn cao hơn + hình ảnh, quy trình xét duyệt đơn giản hơn - nổ lưc, chi phí - Thất thoát sản lượng - hư hỏng/thiệt hại (con người, thiết bị)	Hệ thống quản lý tiêu chuẩn, tiêu chuẩn an toàn cao, sự phù hợp về luật pháp, quản lý sự cố khẩn cấp, báo cáo các sự cố nghiêm trọng, kiểm tra an ninh đối với CB-CNV trong các khu vực an ninh đã xác định, quy định về xử lý các tai nạn nghề nghiệp, minh bạch và trao đổi thông tin, báo cáo về tai nạn và an toàn, đào tạo và quản lý đào tạo, an ninh công nghệ thông tin
Rủi ro về sản xuất	Nói Không với tai nạn (nhân viên, thiết bị) Bảo trì dựa trên các rủi ro đã phân tích Hiệu quả sản xuất Chất lượng / số lượng vật liệu thô, phụ trợ và đang chế biến Giá trị giới hạn	+ Bài học thu được - chi phí (bảo hiểm, nhân lực, v.v) - thất thoát sản lượng + Không thất thoát sản lượng đột xuất/ chi phí công suất sản xuất bỏ không + vận hành nhà máy hiệu quả / tiết kiệm năng lượng + giảm chi phí + khả năng lập được kế hoạch + Chất lượng sản phẩm + tiết kiệm chi phí (sản lượng, thiết bị) + tuân thủ các yêu cầu cụ thể - khả năng có sẵn/ Kho dự trữ - hư hỏng các trang bị + hình ảnh + quy trình xét duyệt đơn giản hơn - nổ lưc và chi phí	Bảo trì ngăn ngừa, dự thừa, áp dụng mô hình hệ phương pháp loại bỏ lãng phí/cải tiến quy trình Lean/ Six Sigma, lập kế hoạch 85% công suất, dự thừa, quản lý nhà máy hiệu quả và lập kế hoạch bảo trì, quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu Quản lý tinh gọn, hệ thống gợi ý cải tiến, các chương trình nâng cao hiệu quả Đánh giá nhà cung cấp (phân loại mức độ nhà cung cấp), thông số kỹ thuật của hàng mua, chiến lược đa nhà cung cấp Chống phát thải, hợp tác tích cực với các đại diện, an toàn nhà máy

Các rủi ro về quy định và pháp luật	Thương mại phát thải / thay đổi khí hậu / phát triển bền vững Chi phí cho năng lượng Hải quan	+ Các nhân tố thúc đẩy cải tiến (sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo) + năng lực tái chế + hiệu quả sản xuất - nỗ lực và chi phí - các bất lợi về cạnh tranh	Các hệ thống quản lý, tiết kiệm năng lượng Tăng hiệu quả sử dụng năng lượng (cải tiến liên tục theo ISO50001:2018), lợi thế về thuế đối với các bước sản xuất tốn năng lượng Thuế chống bán phá giá, hợp tác với các hiệp hội
Rủi ro về mua hàng	Độ tin cậy về giao hàng Nguồn cung cấp không xung đột, biến động giá cả về nguyên liệu thô Biến động giá cả về năng lượng	+/- Độ tin cậy sản xuất + sự gắn bó của khách hàng + hình ảnh + linh hoạt - nguồn cung ứng duy nhất (bảo đảm và giá cả) + Phát kiến (năng lượng thay thế) - chi phí sản xuất - phụ thuộc	Mua hàng kỹ thuật tập trung, hợp đồng dài hạn và thỏa thuận có lợi đối với những điều khoản có thể thương thảo, năng lực của nhà cung cấp, đánh giá nhà cung cấp, tránh các nguồn cung cấp duy nhất, kho hàng ký gửi + kho chứa, bảo vệ nguyên vật liệu thô chiến lược, thành viên của các hiệp hội (v.d TI-CMC, ITSCI, RMI), các nguồn nguyên vật liệu thô khác (phế liệu, trung gian) Hệ thống quản lý đã chứng nhận (như ISO 50001), cải tiến liên tục
Rủi ro về công nghệ thông tin	Khả năng (truy cập thông tin và chức năng bởi người dùng có thẩm quyền bị gián đoạn) Bảo mật (bí quyết không được phép truy cập hoặc công bố thông tin mật)	+ động cơ thúc đẩy sáng kiến cải tiến + tốc độ + sử dụng trí tuệ nhân tạo cho các quy trình phức tạp + minh bạch - thất thoát sản lượng (và công đoạn) - mất bí quyết công nghệ / dữ liệu/ tiền - gia tăng căng thẳng tinh thần - cân bằng công việc - cuộc sống (tính sẵn sàng liên tục)	Đánh giá rủi ro theo ISO 27001 cũng như danh mục mối nguy và bảo vệ cơ bản theo BSI, tiêu chuẩn BSI 100-3, hạn chế truy cập, đầy đủ các hệ thống công nghệ thông tin (toàn cảnh công nghệ thông tin (IT-landscape), cấu trúc), tình trạng dự thừa; đánh giá rủi ro về căng thẳng tinh thần; phân chia văn phòng và mạng lưới sản xuất
Rủi ro về nhân lực	Rủi ro sức khỏe, nghiện, dịch bệnh Động lực và khối lượng công việc, căng thẳng tâm lý Quản lý tri thức Mô hình thời gian/ ca làm việc Thay đổi thể hệ	- Thất thoát sản lượng / con người + Động lực / hiệu quả / hiệu suất + sức đề kháng + sáng tạo - Nhân viên mất đi sự hăng hái, nhiệt tình trong công việc + Bí quyết công nghệ được giữ kín trong công ty + phát kiến + an toàn công việc + chất lượng và tốc độ - mất bí quyết + sản xuất/ bán hàng 24/7 + giữ chân nhân viên + công khai các phát kiến + giấy xác nhận là nhân viên của công ty - căng thẳng về nhân viên / thất thoát sản lượng - thất thoát sản lượng	Giáo dục, đánh giá rủi ro, tư vấn sức khỏe, tiêm vắc-xin phòng ngừa, tư vấn cai nghiện, quản lý sức khỏe Quản lý sức khỏe, đánh giá rủi ro, đánh giá khối lượng công việc, cân bằng công việc - cuộc sống, hòa hợp gia đình và nghề nghiệp, các mô hình thời gian làm việc linh hoạt, văn hóa quản lý, quản lý bí quyết (bảo mật bí quyết công nghệ), lập kế hoạch phát triển nhân sự kế thừa, tuyển dụng, quản lý quy trình và kiểm soát tài liệu Cân bằng công việc - cuộc sống, hòa hợp giữa gia đình và công việc, các mô hình thời gian làm việc linh hoạt
Rủi ro về Nghiên cứu & Phát triển (R&D)	Phát triển công nghệ bền vững Các dự án	+ Thị phần, thu hút và giữ chân khách hàng - mất khách nếu không bắt kịp xu thế / phát triển mất quá nhiều thời gian	Hợp tác với các viện khoa học, tham dự các hội thảo và cuộc họp chuyên gia, lên kế hoạch chiến lược Kỹ thuật ứng dụng, phát triển với các khách hàng trên thị trường, quản lý dự án, tham gia vào các ủy ban tiêu chuẩn

Các rủi ro và cơ hội từ kỳ vọng của các bên liên quan

Các bên liên quan	Kỳ vọng	Rủi ro (-) và cơ hội (+)
Khách hàng	Hàng hóa theo yêu cầu cụ thể / giao hàng đúng hạn / linh hoạt Hỗ trợ / quản lý khiếu nại Phát triển bền vững Phát kiến	+ Sự gắn bó của khách hàng + lượng bán hàng cao hơn/ giá tăng lên - chi phí sản xuất cao đối với các sản phẩm không đòi hỏi nhiều yêu cầu - kho dự trữ + Sự hài lòng và gắn bó của khách hàng + kiến thức thị trường + sự khác biệt từ cạnh tranh - chi phí + Hình ảnh + hiệu quả và chi phí + phát kiến / trợ cấp + Tiến độ + sự khác biệt từ cạnh tranh + sự gắn bó của khách hàng + hình ảnh - phát triển / chi phí không mong muốn
Nhà cung cấp	Lập kế hoạch bảo đảm Mối quan hệ lâu dài	+ Độ tin cậy về giao hàng / nắm rõ ngày giao hàng + lập kế hoạch bảo đảm - thời gian giao hàng lâu / số lượng mua cố định + Bảo đảm cung cấp + rút ngắn thời gian trung bình để xử lý , đẩy nhanh sản xuất + hợp tác phát kiến - phụ thuộc
Cộng đồng / chính trị	Hợp tác/ minh bạch / người liên hệ / thông tin Nguồn nguyên vật liệu thô có trách nhiệm Theo dõi / quản lý tình huống khẩn cấp Thực hành về đạo đức Giảm tác động tới môi trường / bền vững / bảo tồn các tài nguyên Không quấy rối	+ tín nhiệm + quy trình xét duyệt đơn giản hơn - thời gian + Hình ảnh + mở rộng các khu vực thị trường + vận động hành lang + bảo đảm cung cấp - chi phí + Các quy trình diễn tập + hình ảnh + giảm thiểu rủi ro liên quan tới môi trường, con người, trách nhiệm, v.v + Giảm thiểu rủi ro về trách nhiệm - đóng cửa nhà máy / phạt do không tuân thủ - quá nhiều quy định + Hình ảnh + Các trợ cấp / Phát kiến - Chi phí + Hình ảnh
Vốn (Ngân hàng, Bảo hiểm, các hiệp hội Thương mại, các cơ quan Thuế, v.v)	Biện pháp phòng ngừa / dự phòng Phản ứng nhanh với các sự cố hư hỏng	+ Ít số ngày nghỉ ốm + giảm thiểu bệnh nghề nghiệp + hình ảnh + giữ chân nhân viên - chi phí cho các biện pháp và thực hiện + Giảm hậu quả của các hư hỏng + bảo đảm khả năng sản xuất + quản lý được các tình huống khẩn cấp hiện có

Các tổ chức (Các mạng lưới, trường học và các trường đại học, Công đoàn, các hiệp hội của người lao động)	Các dự án cải tiến Tuân thủ các thỏa ước tập thể Đào tạo / công việc	+ Phát kiến (các ý tưởng kinh doanh mới, phát triển các sản phẩm mới từ các nguyên vật liệu sẵn có) + Vận động hành lang + Hình ảnh - thời gian và chi phí - phát triển sai / tập trung sai + Chi trả công bằng + minh bạch + có sẵn nhân viên có năng lực + lập kế hoạch đáng tin cậy / các điều kiện khung cố định - gánh nặng và chi phí hành chính - thương lượng tập thể không có tầm ảnh hưởng + Nhân viên có năng lực + giảm độ tuổi trung bình (nhân khẩu học) + hình ảnh + giữ chân nhân viên + quản lý tri thức - chuyên viên sản đầu người (sản lao động có nền tảng kiến thức tốt) - cấu trúc nhân viên - kỳ vọng
Quản lý	Phát triển Công ty / Đảm bảo và mở rộng vị trí thị trường	+ Chiến lược lâu dài + sự gắn bó của khách hàng + doanh thu dương / phát triển doanh thu +/- tăng trưởng
Nhân viên	Bảo đảm công việc / nắm bắt cơ hội thành công Trình độ học vấn / người hướng dẫn đã được đào tạo / đào tạo và trình độ khác Công bằng, thù lao được thỏa thuận chung / các mô hình thời gian làm việc linh hoạt Thông tin, quyền ngôn luận Sự thu hút / hình ảnh của công ty	+ Nhân viên hài lòng, có động lực + hình ảnh - thiếu linh hoạt + Có trình độ chuyên môn, + giữ chân nhân viên hoặc mất bí quyết, + ít sự cố, tai nạn hơn + phát kiến + hình ảnh - chi phí, thời gian + Nhân viên hài lòng, có động lực + giữ chân nhân viên + cân bằng công việc - cuộc sống - chi phí - giảm lượng nhân lực có sẵn + Xem xét mọi quyền lợi + kiểm soát các quyết định + tránh tin đồn - mất tốc độ và sự linh hoạt - chi phí hành chính cao không tương xứng + giữ chân nhân viên + Nhân viên có năng lực + sự gắn bó của khách hàng - ghen tỵ, là mục tiêu bị nhắm đến (các tổ chức phi chính phủ (NGOs)

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	0309966889	ngày 27 tháng 4 năm 2010
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 14 tháng 12 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.	
Giấy Chứng nhận Đầu tư số	41122000131	ngày 2 tháng 8 năm 2013
	Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San” có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.	
Hội đồng Quản trị	Ông Danny Le	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Chủ tịch thứ nhất
	Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên
	Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc
	Ông Stuart James Wells	Giám đốc Tài chính
Trụ sở đăng ký	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

(a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 240 đến trang 297 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 287 đến trang 297.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00097-21-1



Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0861-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 5 tháng 3 năm 2021



Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 3064-2019-007-1

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.756.298.985	7.581.595.985
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	761.930.286	1.723.204.606
Tiền	111		705.930.286	941.446.956
Các khoản tương đương tiền	112		56.000.000	781.757.650
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	-	5.900.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	5.900.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.771.124.731	1.735.574.636
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	1.166.693.898	280.413.823
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		139.861.845	204.604.439
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	1.143.479.452	1.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	321.089.536	250.556.374
Hàng tồn kho	140	11	4.880.128.480	3.139.024.753
Hàng tồn kho	141		4.969.141.648	3.139.024.753
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(89.013.168)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.343.115.488	977.891.990
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		56.241.220	41.186.774
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.286.793.842	936.705.216
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		80.426	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		30.352.548.829	22.193.123.896
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.298.310.451	1.303.868.898
Phải thu dài hạn khác	216	10	1.298.310.451	1.303.868.898
Tài sản cố định	220		23.784.752.467	16.568.909.156
Tài sản cố định hữu hình	221	12	19.826.833.068	16.103.772.445
<i>Nguyên giá</i>	222		30.478.383.425	21.906.539.480
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(10.651.550.357)	(5.802.767.035)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300.000	67.300.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(67.300.000)	(67.300.000)
Tài sản cố định vô hình	227	13	3.957.919.399	465.136.711
<i>Nguyên giá</i>	228		4.693.664.166	696.680.717
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(735.744.767)	(231.544.006)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1,467,480,229	1,694,487,259
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1,467,480,229	1,694,487,259
Đầu tư tài chính dài hạn	250	7	202.627.868	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		195.227.868	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		7.400.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		3.599.377.814	2.625.858.583
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	2.905.894.138	2.625.858.583
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	21(a)	693.483.676	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		40.108.847.814	29.774.719.881

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		26.029.306.779	17.304.897.615
Nợ ngắn hạn	310		7.508.154.152	11.219.362.163
Phải trả người bán ngắn hạn	311		952.963.298	324.870.571
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	955.735.222	1.105.603.346
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	162.676.781	199.721.483
Phải trả người lao động	314		16.064.491	6.220
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	944.647.799	704.901.206
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	306.683.463	1.126.975.596
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	20(a)	4.162.866.240	7.757.283.741
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		6.516.858	-
Nợ dài hạn	330		18.521.152.627	6.085.535.452
Phải trả dài hạn khác	337	19	500.170	-
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	20(b)	9.220.442.520	4.969.653.657
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21(a)	1.842.833.535	586.978.688
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	7.457.376.402	528.903.107

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Masan High-Tech Materials Corporation
(formerly known as Masan Resources Corporation) and its subsidiaries
Consolidated balance sheet as at 31 December 2020 (continued)

Form B 01 – DN/HN
(Issued under Circular No. 202/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		14.079.541.035	12.469.822.266
Vốn chủ sở hữu	410	23	14.079.541.035	12.469.822.266
Vốn cổ phần	411	24	10.991.554.200	9.892.398.780
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.991.554.200	9.892.398.780
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	1.098.259.892	145.709.384
Vốn khác của chủ sở hữu	414		(295.683.347)	(295.683.347)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(189.058.584)	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		(358.967.342)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.766.593.412	2.727.397.449
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		2.727.397.449	2.375.003.634
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		39.195.963	352.393.815
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		66.842.804	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		40.108.847.814	29.774.719.881

Ngày 5 tháng 3 năm 2021

Người lập:


Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:


Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:


Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 Nghìn VND	2019 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		7.365.774.085	4.706.129.858
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		74.593.427	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	7.291.180.658	4.706.129.858
Giá vốn hàng bán	11		7.113.222.006	3.971.145.298
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		177.958.652	734.984.560
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	646.482.348	931.680.260
Chi phí tài chính	22	28	1.652.967.999	1.290.661.189
Phần lỗ trong công ty liên kết			(29.488.203)	-
Chi phí bán hàng	25		226.224.066	104.782.370
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		282.149.068	142.007.143
(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		(1.366.388.336)	129.214.118
Thu nhập khác	31	29	1.328.986.068	1.230.029.410
Chi phí khác	32	30	58.808.571	893.457.185
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.270.177.497	336.572.225

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 Nghìn VND	2019 Nghìn VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(96.210.839)	465.786.343
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	20.654.658	138.562.148
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	31	(168.656.455)	(25.169.620)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		51.790.958	352.393.815
Lợi nhuận thuần phân bổ cho:				
Cổ đông của Công ty	61		39.195.963	352.393.815
Cổ đông không kiểm soát	62		12.594.995	-
Lãi trên cổ phiếu			VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	39	356

Ngày 5 tháng 3 năm 2021

Người lập:


Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:


Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính


Người duyệt:
Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 Nghìn VND	2019 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01		(96.210.839)	465.786.343
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.557.239.244	1.206.383.561
Lợi thế thương mại âm khi mua công ty con	02	29	(1.298.081.205)	-
Các khoản dự phòng	03		160.371.671	39.749.622
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.888.194	(6.976.590)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(22.087.236)	(40.014.585)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	28	1.278.848.458	1.161.519.606
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.582.968.287	2.826.447.957
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(216.175.072)	487.538.695
Biến động hàng tồn kho	10		(145.583.894)	(1.493.010.616)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(573.206.231)	773.365.144
Biến động chi phí trả trước	12		(209.068.012)	4.220.162
			438.935.078	2.598.561.342
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.248.770.678)	(1.127.738.800)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(154.592.206)	(39.142.971)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(964.427.806)	1.431.679.571

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 Nghìn VND	2019 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.474.237.254)	(888.223.637)
Bồi thường do quyết toán tài sản cố định đã xây dựng trước đây	21		-	984.161.905
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		12.765.546	977.273
Gửi tiền gửi có kỳ hạn và tiền chi cho vay	23		(1.931.153.425)	(1.000.000.000)
Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và tiền thu hồi cho vay	24		1.787.321.421	-
Tiền chi mua lại phần vốn góp của cổ đông không kiểm soát	25		-	(8.525.794)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		34.978.354	37.731.636
Mua công ty con (đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua)	25	5	(1.053.739.472)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.624.064.830)	(873.878.617)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		2.094.330.737	-
Tiền thu từ đi vay và trái phiếu	33		13.350.232.314	7.908.523.055
Tiền trả nợ gốc vay và chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34		(12.814.978.565)	(7.206.551.527)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.629.584.486	701.971.528

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 Nghìn VND	2019 Nghìn VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(958.908.150)	1.259.772.482
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.723.204.606	467.220.260
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(2.366.170)	(3.788.136)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	761,930,286	1,723,204,606

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Ngày 5 tháng 3 năm 2021

Người lập: 
Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra: 
Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt: 
Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) (“Công ty” hoặc “MHT”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Năm 2020, Công ty thay đổi tên từ Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan thành Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials và đã hoàn tất đăng ký thay đổi tên công ty trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 6 tháng 8 năm 2020. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.
Các hoạt động chính của các công ty con và công ty liên kết được trình bày như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
			31/12/2020	1/1/2020
Công ty con:				
Công ty con trực tiếp				
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	(i) Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty con gián tiếp				
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	(i) Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”)	(i) Tỉnh Thái Nguyên	Khai thác và chế biến khoáng sản (*)	100%	100%
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”)	(i) Tỉnh Thái Nguyên	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%	100%
H.C. Starck Holding (Germany) GmbH (“HCS”)	(i) Goslar, Đức	Tư vấn quản lý	100%	-
Chemilytics Beteiligungs GmbH	(ii) Goslar, Đức	Tư vấn quản lý	100%	-
H.C. Starck GmbH	(ii) Goslar, Đức	Tư vấn quản lý	100%	-
Chemische Fabriken Oker und Branschweig AG	(ii) Goslar, Đức	Sản xuất hóa chất dùng trong sản xuất giấy và phụ gia cho ngành vật liệu hấp thụ	100%	-

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
			31/12/2020	1/1/2020
H.C. Starck Infrastructure GmbH & Co. KG	(ii) Munich, Đức	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%	-
Chemilytics GmbH & Co. KG	(ii) Goslar, Đức	Phân tích hóa học và dữ liệu đo lường vật lý	100%	-
H.C. Starck Tungsten GmbH	(ii) Munich, Đức	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%	-
H.C. Starck Nonferrous Metals Trading (Shanghai)Co. Ltd.	(ii) Thượng Hải, Trung Quốc	Kinh doanh và phân phối	100%	-
H.C. Starck Canada Inc.	(ii) Sarnia, Ontario, Canada	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%	-
H.C. Starck Tungsten GKCo., Ltd.	(ii) Tokyo, Nhật Bản	Kinh doanh và phân phối	100%	-
H.C. Starck Tungsten LLC	(ii) Newton, Mỹ	Kinh doanh và phân phối	100%	-
H.C. Starck Jiangwu Tungsten Specialities (Ganzhou) Co., Ltd.	(ii) Cám Châu, Trung Quốc	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	60%	-

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại	
			31/12/2020	1/1/2020
Công ty liên kết				
Công ty liên kết gián tiếp				
Jiangwu H.C. Starck Tungsten Products Co., Ltd.	(ii) Cám Châu, Trung Quốc	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	30%	-

(i) HCS là công ty con mới mua lại của MTC (xem Thuyết minh 5). MTC là công ty con của NPM. TNTI và NPM là công ty con của MRTN. MRTN là công ty con của Công ty.

(ii) Các đơn vị này là các công ty con và công ty liên kết trực tiếp và gián tiếp của HCS.

(*) Hoạt động chính của NPM là thăm dò, khai thác và chế biến vonfram, flourit, bismuth và đồng thuộc Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để xuất khẩu và bán tại thị trường nội địa. Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo được thực hiện theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 17121000026 có thời hạn đến ngày 2 tháng 2 năm 2034.

(**) HCS là nhà chế tạo hàng đầu về bột kim loại vonfram kỹ thuật cao và vonfram cacbua (giai đoạn giữa của chuỗi giá trị). HCS có các tổ hợp sản xuất tại Châu Âu, Bắc Mỹ và Trung Quốc, phục vụ khách hàng trên toàn cầu. HCS và các công ty con hoạt động chủ yếu về phát triển, sản xuất và cung cấp các loại bột chất lượng cao sản xuất dựa trên công nghệ vonfram kim loại và vonfram hợp chất, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có 2.028 nhân viên (1/1/2020: 1.403 nhân viên).

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”), trừ khi được trình bày khác.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan

trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Nếu việc kế toán ban đầu đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh chưa hoàn thành trước thời điểm cuối kỳ kế toán mà giao dịch hợp nhất kinh doanh diễn ra do giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng của bên bị mua hoặc giá phí hợp nhất kinh doanh chỉ được xác định tạm thời, Tập đoàn sẽ kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh theo các giá trị tạm thời đó. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua (giai đoạn sử dụng giá trị tạm thời), Tập đoàn sẽ điều chỉnh hồi tố các giá trị tạm thời đã ghi nhận tại ngày mua.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

(ii) Công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với các đơn vị này.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”), được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền bỏ phiếu. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được

hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các khoản mục tiền tệ nội bộ của đơn vị trong nội bộ Tập đoàn, cả ngắn hạn và dài hạn, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua.

Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và bán chuyển khoản đối với nợ phải trả, của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND như sau:

- Các tài sản và nợ phải trả, bao gồm các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh tại ngày mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với tài sản) và bán chuyển khoản (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ Lỗ lũy kế và các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được tính toán từ lợi nhuận sau thuế thuần/các biến động đã được quy đổi.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do quy đổi báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu. Khi chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến một hoạt động ở nước ngoài được hợp nhất nhưng không thuộc sở hữu toàn bộ, chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế phát sinh do quy đổi thuộc về lợi ích cổ đông không kiểm soát được phân bổ và ghi nhận là một phần của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Bao thanh toán

Theo tình hình của thị trường và yêu cầu về thanh khoản, Tập đoàn ký kết các thỏa thuận bao thanh toán để chuyển giao khoản phải thu khách hàng. Đối với các giao dịch bao thanh toán, Tập đoàn đánh giá có ghi giảm toàn bộ khoản phải thu hay không dựa trên mức độ chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu.

Nếu Tập đoàn:

- chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu, Tập đoàn sẽ ghi giảm khoản phải thu và ghi nhận riêng rẽ tài sản hoặc nợ phải trả đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ việc chuyển giao khoản phải thu;
- còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu, Tập đoàn sẽ tiếp tục ghi nhận khoản phải thu;
- không chuyển giao cũng như không nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu thì Tập đoàn xác định xem liệu có nắm giữ quyền kiểm soát đối với tài sản không. Nếu Tập đoàn không nắm giữ quyền kiểm soát thì Tập đoàn sẽ ghi giảm khoản phải thu và ghi nhận riêng rẽ tài sản hoặc nợ phải trả đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ việc chuyển giao khoản phải thu. Nếu Tập đoàn nắm giữ quyền kiểm soát thì Tập đoàn sẽ tiếp tục ghi nhận khoản phải thu đến giá trị còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao.

Mức độ còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao là mức độ Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về giá trị của tài sản chuyển giao và được xác định bằng giá trị thấp hơn giữa giá trị ghi sổ của khoản phải thu và số tiền cao nhất mà Tập đoàn phải trả (“số tiền bảo lãnh”).

Khi Tập đoàn tiếp tục ghi nhận tài sản chuyển giao đến giá trị còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao, Tập đoàn đồng thời ghi nhận nghĩa vụ liên quan. Nghĩa vụ liên quan ban đầu được ghi nhận bằng số tiền bảo lãnh cộng với giá trị hợp lý của bảo lãnh. Sau đó, giá trị hợp lý của bảo lãnh được phân bổ dần theo thời gian vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ; và giá trị hợp lý của trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

(ii) Khấu hao

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản

Máy móc, thiết bị và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao dựa trên trữ lượng khoáng sản ước tính của mỏ theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Trữ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

Máy móc và thiết bị của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất

Máy móc và thiết bị của một công ty con liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo đơn vị sản phẩm là như sau:

Nhà máy ST	171.865 tấn vonfram
Nhà máy APT	166.990 tấn vonfram

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 40 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 20 năm
- dụng cụ văn phòng 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 3 – 25 năm
- các tài sản khai thác khoáng sản khác 19 năm

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Trường hợp tài sản cố định hữu hình tự xây dựng được hoàn thành và được đưa vào sử dụng nhưng chi phí chưa được quyết toán thì Công ty hạch toán nguyên giá của tài sản cố định hữu hình theo giá tạm tính và nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh sau khi chi phí quyết toán được phê duyệt.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Trong trường hợp xây dựng cơ bản được hoàn thành và đưa vào sử dụng trước khi chi phí xây dựng được quyết toán thì nguyên giá tài sản được xác định theo nguyên giá tạm tính. Khi chi phí xây dựng tài sản cố định được quyết toán và phê duyệt, Công ty điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị đã quyết toán và không điều chỉnh lại giá trị hao mòn lũy kế. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định bằng giá trị quyết toán đã được phê duyệt trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế được trích đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản chia (+) cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản cố định theo các quy định hiện hành.

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Đất

Đất gồm có đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Đất được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá gốc của phần mềm máy vi tính bao gồm:

- Phần mềm máy vi tính được mua mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được mua mới được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm;
- Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển phần mềm nếu thỏa mãn các tiêu chí sau:
 - » Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc hình thành phần mềm trong giai đoạn phát triển;
 - » Tập đoàn dự định hoàn thành phần mềm để sử dụng hoặc để bán có thể được kiểm chứng bằng các thiết kế chương trình, mô hình hoặc các sản phẩm tương tự;
 - » Tập đoàn có khả năng triển khai và sử dụng phần mềm sau giai đoạn phát triển;
 - » Có đầy đủ nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và con người để hoàn tất giai đoạn phát triển phần mềm;
 - » Tập đoàn có thể xác định được các chi phí phát sinh liên quan đến giai đoạn phát triển phần mềm một cách đáng tin cậy.

Phần mềm tự phát triển được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm kể từ khi mỗi cấu phần của phần mềm được hoàn thành.

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203/2013”) có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản của mỏ.

(iv) Chi phí triển khai

Chi phí cho các hoạt động triển khai mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Tập đoàn có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí triển khai được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí triển khai khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh. Chi phí triển khai đã vốn hóa được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 16 năm.

(v) Tên thương hiệu

Chi phí mua tên thương hiệu được ghi nhận là tài sản vô hình.

Giá trị hợp lý của tên thương hiệu có được qua hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách chiết khấu các khoản thanh toán phí bản quyền ước tính tránh được do sở hữu tên thương hiệu. Giá trị hợp lý của tên thương hiệu có được qua hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 20 đến 30 năm.

(vi) Quan hệ khách hàng

Quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua mua lại công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các mối quan hệ khách hàng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 năm.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của quan hệ khách hàng có được qua hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp thu nhập thặng dư nhiều kỳ, theo đó tài sản chủ thể được định giá sau khi trừ đi lợi tức hợp lý từ tất cả các tài sản khác góp phần tạo ra các dòng tiền liên quan.

(vi) Công nghệ

Các công nghệ mà Tập đoàn có được thông qua mua lại công ty con được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Giá trị của các công nghệ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng của các công nghệ này từ 16 đến 31 năm.

Giá trị hợp lý của các công nghệ có được qua hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp thu nhập thặng dư nhiều kỳ, theo đó các tài sản chủ thể được định giá sau khi trừ đi lợi tức hợp lý của tất cả các tài sản khác góp phần tạo ra các dòng tiền liên quan và/hoặc dựa trên các khoản thanh toán phí bản quyền chiết khấu ước tính tránh được do sở hữu các công nghệ này.

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, giá trị của, trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí phát triển mỏ liên quan. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này được vốn hóa sau khi cán trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 35 đến 50 năm.

(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước, chi phí bồi thường, tái định cư và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời của mỏ. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt giai đoạn khai thác trữ lượng của các thành phần khoáng sản liên quan đã được chứng minh chắc chắn.

(iv) Chi phí phát sinh để có được hợp đồng

Các chi phí phát sinh để có được hợp đồng là các chi phí để Tập đoàn có được hợp đồng với khách hàng mà chi phí này sẽ không phát sinh nếu Tập đoàn không có được hợp đồng đó. Tập đoàn sẽ vốn hóa các chi phí phát sinh để có được hợp đồng nếu các chi phí đó thỏa mãn các điều kiện sau:

- Chỉ các chi phí tăng thêm do có được hợp đồng mới được vốn hóa;
- Chi phí đó phải thu hồi được.

Tài sản đã ghi nhận được khấu hao theo phương pháp mang tính hệ thống và phù hợp với việc chuyển giao hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng mà tài sản đó có liên quan.

(v) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(k) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cụ thể là:

- Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 (“Nghị định 203”), Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 (“Nghị định 158/2016”) và Thông tư 38/2017/TT-BTNMT ngày 16 tháng 10 năm 2017 (“Thông tư 38”) đến ngày 15 tháng 9 năm 2019; và
- Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 (“Nghị định 67”) từ ngày 15 tháng 9 năm 2019.

Giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố. Phương pháp quy đổi được dựa vào các thông số khác nhau của hệ số quy đổi theo hướng dẫn tại Thông tư 38 và/hoặc Nghị định 67.

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (“MONRE”) và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản nếu nghĩa vụ về đóng cửa và phục hồi môi trường là không thể tránh khỏi đối với việc xây dựng tài sản. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được

hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

(iii) Trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí là các khoản phúc lợi cho nhân viên khi nghỉ hưu và được phân loại thành Quỹ đóng góp xác định hoặc Quỹ phúc lợi xác định.

Theo Quỹ đóng góp xác định, Tập đoàn sẽ phải đóng góp một khoản tiền cố định vào một quỹ riêng. Nhân viên sẽ nhận được khoản tiền trợ cấp hưu trí trong tương lai dựa trên số tiền đã đóng và thu nhập mang lại từ việc đầu tư của quỹ riêng này. Tập đoàn không có nghĩa vụ pháp lý hay nghĩa vụ liên đới phải chi trả thêm khoản đóng góp nào nếu quỹ đó không có đủ tài sản để chi trả cho tất cả nhân viên khoản trợ cấp liên quan đến thời gian làm việc của nhân viên trong kỳ hiện tại và các kỳ trước đó. Các khoản đóng góp của Tập đoàn cho Quỹ đóng góp xác định sẽ được ghi nhận là chi phí trong kỳ được chi trả.

Theo Quỹ phúc lợi xác định, nhân viên sẽ nhận được một khoản trợ cấp hưu trí xác định khi nghỉ hưu, khoản trợ cấp này thường phụ thuộc vào một hoặc nhiều yếu tố như tuổi tác, số năm làm việc và lương thường tại thời điểm nghỉ hưu. Dự phòng phải trả cho Quỹ phúc lợi xác định được xác định bằng giá trị hiện tại của nghĩa vụ phúc lợi xác định tại ngày bảng cân đối kế toán. Nghĩa vụ phúc lợi xác định được tính toán hàng năm bởi các chuyên gia độc lập. Giá trị hiện tại của nghĩa vụ phúc lợi xác định được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền phải trả ước tính trong tương lai sử dụng lãi suất của trái phiếu doanh nghiệp chất lượng cao AA với thời hạn tương tự thời hạn phải trả các khoản trợ cấp này, thể hiện bằng đơn vị tiền tệ mà khoản trợ cấp sẽ được thanh toán. Tập đoàn xác định chi phí lãi thuần tính trên nghĩa vụ nợ (tài sản) phúc lợi xác định thuần trong năm bằng cách áp dụng tỷ lệ chiết khấu được sử dụng để xác định giá trị của nghĩa vụ phúc lợi xác định tại thời điểm đầu kỳ kế toán năm nhân với giá trị nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần tại thời điểm báo cáo, có tính

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

đến các thay đổi về nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần trong kỳ do các khoản mới đóng góp vào quỹ. Chi phí lãi thuần và các chi phí khác liên quan đến Quỹ phúc lợi xác định được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Việc tái xác định (remeasurement) nghĩa vụ phúc lợi xác định được thực hiện do thay đổi các ước tính dòng tiền tương lai, tỷ lệ nghỉ việc của nhân viên, tỷ lệ tử vong và tỷ lệ tăng lương trong tương lai.

Giá trị tái xác định của nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần, bao gồm các khoản lãi và lỗ thống kê (actuarial gain and losses) và thuế thu nhập hoãn lại liên quan, được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu ở tài khoản “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” theo hướng dẫn tại một văn bản riêng của Bộ Tài chính.

(m) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(n) Vốn chủ sở hữu

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu ưu đãi

Cổ phiếu ưu đãi bắt buộc phải chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu này hưởng cổ tức cố định, đồng thời vẫn có quyền nhận cổ tức công bố cho các cổ phiếu phổ thông và quyền bình đẳng đối với các tài sản còn lại của Công ty. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu ưu đãi được ghi nhận như một khoản giảm thặng dư vốn.

(iii) Vốn khác của chủ sở hữu

Các biến động vốn chủ sở hữu do việc mua hoặc thanh lý cổ phần cho cổ đông không kiểm soát và các giao dịch liên quan đến công cụ vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào “Vốn khác của chủ sở hữu” trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, ngày áp dụng phi hồi tố của Thông tư 202 (Thuyết minh 3(a)(iii)).

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ phạm vi liên quan đến khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 đến 180 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

(ii) Doanh thu từ dịch vụ gia công thu phí

Dịch vụ gia công thu phí được Tập đoàn cung cấp cho các khách hàng trong ngành bột kim loại. Với dịch vụ này, khách hàng giao vật liệu đã qua sử dụng hoặc phế liệu kim loại cho Tập đoàn để tái chế thành thành phẩm – bột kim loại. Doanh thu từ dịch vụ gia công thu phí được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu từ dịch vụ gia công thu phí được xác định dựa trên khoản thanh toán mà Tập đoàn dự kiến được hưởng trong hợp đồng, bao gồm phí gia công và giá trị hợp lý của các nguyên vật liệu mà Tập đoàn có được quyền kiểm soát. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(q) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tập đoàn.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm, nếu có, trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được xác định bằng kết quả kinh doanh trong năm phân bổ cho số lượng cổ phiếu phổ thông và các công cụ chứng khoán vốn. Phương thức phân bổ này dựa trên quyền được phân chia lợi nhuận của các loại cổ phiếu khác nếu toàn bộ lợi nhuận hoặc lỗ được phân chia.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và vùng địa lý theo thứ tự tương ứng.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh như sau:

	Đồng	Fluorit	Vonfram	Các bộ phận khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Từ ngày 1/1/2020 đến ngày 31/12/2020					
Doanh thu bộ phận	749.991.344	1.505.652.969	4.985.152.820	50.383.525	7.291.180.658
Lợi nhuận/(lỗ) gộp của bộ phận	(258.933.157)	946.641.059	(429.133.271)	(80.615.979)	177.958.652
Chi phí không phân bổ					(508.373.134)
Thu nhập từ hoạt động tài chính					646.482.348
Chi phí tài chính					(1.652.967.999)
Phần lỗ trong công ty liên kết					(29.488.203)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					(1.366.388.336)
Thu nhập khác					1.328.986.068
Chi phí khác					(58.808.571)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					148.001.797
Lợi nhuận thuần sau thuế					51.790.958
Từ ngày 1/1/2019 đến ngày 31/12/2019					
Doanh thu bộ phận	34,116,482	1,696,168,333	2,898,070,934	77,774,109	4,706,129,858
Lợi nhuận/(lỗ) gộp của bộ phận	6,914,560	1,076,441,562	(240,417,870)	(107,953,692)	734,984,560
Chi phí không phân bổ					(246,789,513)
Thu nhập từ hoạt động tài chính					931,680,260
Chi phí tài chính					(1,290,661,189)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					129,214,118
Thu nhập khác					1,230,029,410
Chi phí khác					(893,457,185)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(113,392,528)
Lợi nhuận thuần sau thuế					352,393,815

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Đồng	Fluorit	Vonfram	Các bộ phận khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Tài sản của bộ phận	153.242.533	757.149.316	9.407.654.444	963.525.139	11.281.571.432
Tài sản không phân bổ					28.827.276.382
Tổng tài sản					40.108.847.814
Tổng nợ phải trả					26.029.306.779
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020					
Tài sản của bộ phận	167.025.898	826.106.905	1.874.331.657	1.051.224.444	3.918.688.904
Tài sản không phân bổ					25.856.030.977
Tổng tài sản					29.774.719.881
Tổng nợ phải trả					17.304.897.615
Từ ngày 1/1/2020 đến ngày 31/12/2020					
Chi tiêu vốn của bộ phận	-	-	95,552,600	83,095,789	178,648,389
Chi tiêu vốn không phân bổ					1,295,588,865
Khấu hao tài sản cố định	13,783,364	68,957,589	468,824,448	87,699,306	639,264,707
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					917,974,537
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					231,291,861
Từ ngày 1/1/2019 đến ngày 31/12/2019					
Chi tiêu vốn của bộ phận	467,834	85,520	155,979,770	35,436,976	191,970,100
Chi tiêu vốn không phân bổ					696,253,537
Khấu hao tài sản cố định	14,048,610	71,389,313	114,556,457	92,700,766	292,695,146
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					913,688,415
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					190,694,275

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động vùng địa lý như sau:

	Việt Nam	Bi	Đức	Nhật Bản	Mỹ	Singapore	Các nước khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Từ ngày 1/1/2020 đến ngày 31/12/2020								
Doanh thu bán ra ngoài	100.310.278	2.168.030.828	721.401.110	592.321.521	614.301.694	-	3.094.815.227	7.291.180.658
Tài sản của bộ phận	31.553.724.237	102.805.243	5.706.084.571	215.265.268	318.909.291	-	2.212.059.204	40.108.847.814
Chi tiêu vốn	1.474.237.254	-	-	-	-	-	-	1.474.237.254
Từ ngày 1/1/2019 đến ngày 31/12/2019								
Doanh thu bán ra ngoài	65.355.666	1.616.222.115	225.482.636	945.394.214	616.156.308	104.764.762	1.132.754.157	4.706.129.858
Tài sản của bộ phận	29.522.101.450	97.267.774	1.013.850	45.487.936	12.308.133	-	96.540.738	29.774.719.881
Chi tiêu vốn	888.223.637	-	-	-	-	-	-	888.223.637

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Hợp nhất kinh doanh

Ngày 9 tháng 6 năm 2020, Tập đoàn mua lại 100% cổ phần của H.C. Starck Holding (Germany) GmbH (“HCS”). HCS là nhà sản xuất hàng đầu về bột kim loại vonfram kỹ thuật cao và vonfram cacbua (sản phẩm sơ cấp của vonfram) với 11 công ty con hoạt động tại Đức, Mỹ, Canada, Trung Quốc và Nhật Bản.

Việc mua lại này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua Nghìn VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý Nghìn VND	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua Nghìn VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	940.189.999	-	940.189.999
Hàng tồn kho – thuần	1.672.825.666	(27.102.920)	1.645.722.746
Tài sản ngắn hạn khác	1.023.150.088	-	1.023.150.088
Tài sản cố định hữu hình – thuần	1.644.135.046	2.426.234.824	4.070.369.870
Tài sản cố định vô hình – thuần	68.441.660	3.372.981.832	3.441.423.492
Tài sản dài hạn khác	509.842.300	199.528.207	709.370.507
Nợ phải trả ngắn hạn	(1.346.965.449)	-	(1.346.965.449)
Nợ dài hạn	(5.497.091.306)	(1.671.344.182)	(7.168.435.488)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	50.670.274	(99.962.179)	(49.291.905)
Tổng tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	(934.801.722)	4.200.335.582	3.265.533.860
Lợi thế thương mại âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 29)			(1.298.081.205)
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh (i)			1.967.452.655

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tiền thuần chi cho hợp nhất kinh doanh

Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh (bao gồm chi phí giao dịch) (i)	1.967.452.655
Phải thu về giảm giá mua (Thuyết minh số 10)	26.476.816
Khoản thanh toán cho việc mua lại	1.993.929.471
Tăng tiền từ hợp nhất kinh doanh	(940.189.999)
Khoản tiền thanh toán thuần	1.053.739.472

Từ ngày mua đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, hoạt động kinh doanh được mua đã đóng góp 3.252.671 triệu VND doanh thu và 393.467 triệu VND lỗ thuần vào kết quả kinh doanh của Tập đoàn, không bao gồm khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ nêu trên.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền mặt	229.529	90.493
Tiền gửi ngân hàng	696.047.057	941.356.463
Tiền đang chuyển	9.653.700	-
Các khoản tương đương tiền	56.000.000	781.757.650
	761.930.286	1.723.204.606

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền gửi ngắn hạn	-	5.900.000
Tiền gửi dài hạn	7.400.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.400.000	5.900.000

(b) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 thể hiện khoản đầu tư vào Jiangwu H.C. Starck Tungsten Products Co. Ltd. – một công ty được thành lập tại Trung Quốc do kết quả của việc Tập đoàn mua lại HCS được trình bày tại Thuyết minh 5. Tập đoàn có 30% lợi ích và quyền biểu quyết tại đơn vị này.

	2020
	Nghìn VND
Số dư đầu năm	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	213.921.246
Phần lỗ trong công ty liên kết	(29.488.203)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	10.794.825
Số dư cuối năm	195.227.868

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
<i>Bên thứ ba</i>		
Khách hàng mua vonfram	966.871.809	185.752.001
Khách hàng mua fluorspar	102.016.555	64.831.341
Khách hàng mua đồng	74.769.087	27.744.460
Khách hàng mua bismuth	23.036.447	1.941.870
Các khách hàng khác	-	144.151
	1.166.693.898	280.413.823

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Phải thu về cho vay ngắn hạn thể hiện các khoản cho vay Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan – công ty mẹ cấp cao nhất. Khoản cho vay này không được đảm bảo, phải thu trong vòng 12 tháng kể từ các ngày giải ngân và hưởng lãi theo các mức lãi suất được thỏa thuận trong các hợp đồng tại ngày giao dịch.

10. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn		
Phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (a)	239.835.807	239.835.807
Lãi tiền gửi	19.197.889	1.833.157
Phải thu từ giảm giá mua theo SPA (c)	26.476.816	-
Phải thu ngắn hạn khác	35.579.024	8.887.410
	321.089.536	250.556.374

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu dài hạn		
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND Tỉnh Thái Nguyên (b)	1.234.392.503	1.249.999.696
Nộp tiền ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ Môi trường (d)	61.310.120	53.306.374
Phải thu dài hạn khác	2.607.828	562.828
	1.298.310.451	1.303.868.898

(a) Phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thể hiện tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung của Công ty TNHH Khai thác Chế biến khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) – một công ty con cho năm 2018 và 2019 và phí hành chính liên quan mà NPM đã trả cho cơ quan có thẩm quyền dựa trên tính toán tạm thời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (“TCĐCKSVN”) theo Công văn số 3724/ĐCKS-KTĐCKS ngày 28 tháng 12 năm 2018 (“Công văn 3724”)

NPM không đồng ý với khoản tiền bổ sung này và cơ sở của Công văn 3724 vì Ban Giám đốc cho rằng công văn này là không hợp lý và không theo đúng quy định hiện hành. Ví dụ:

- Căn cứ theo quy định hiện hành, yêu cầu về nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho năm 2018 phải được thông báo cho NPM trước ngày 31 tháng 12 năm 2017 (NPM đã nhận được thông báo vào ngày 28/12/2018); và
- Giá được sử dụng để tính phí cấp quyền khai thác khoáng sản (hay tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) được dựa trên giá tính thuế tài nguyên. Theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 2 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về thuế tài nguyên, nếu doanh nghiệp khai thác tài nguyên không bán ra mà phải qua chế biến, sản xuất, giá tài nguyên sẽ không bao gồm chi phí chế biến với điều kiện là giá đó phải nằm trong bảng giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh quy định. Sản phẩm của NPM là sản phẩm công nghiệp mà giá để tính thuế tài nguyên được xác định theo giá cao hơn giữa giá bán trừ (-) chi phí chế biến và giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh quy định. TCĐCKSVN đã không sử dụng giá tính thuế được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà sử dụng giá tính thuế áp dụng cho quặng vonfram (hàm lượng: 0,1% < WO3 < 0,3%).

Ban Giám đốc tin rằng NPM đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải trả về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản dựa trên diễn giải của NPM về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và quy định về thuế tài nguyên. NPM đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Quyết định 500/QĐ-BTNMT do Bộ tài Nguyên và Môi trường (“BTNMT”) ban hành ngày 4 tháng 3 năm 2015. Do đó, khoản tiền nộp theo Công văn 3724 được coi là khoản phải thu tiền trả trước. NPM đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp. Kết quả cuối cùng có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của một số cơ quan quản lý liên quan.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (b) Khoản phải thu thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm trong các năm sau này.
- (c) Đây là khoản phải thu từ H.C. Starck Group GmbH – chủ sở hữu cũ của H.C. Starck Holding (Germany) GmbH theo thỏa thuận thanh toán về quá trình đồng soát xét và bồi hoàn thuế của bên bán theo hợp đồng mua bán để mua lại HCS (“SPA”) (Thuyết minh 5). Sau khi đồng soát xét vào tháng 12 năm 2020, hai bên đồng ý điều chỉnh tổng giá mua theo SPA.
- (d) NPM phải ký quỹ cho nghĩa vụ đóng cửa mỏ và nghĩa vụ phục hồi môi trường cho Quỹ Bảo vệ Môi trường. Theo Quyết định 1536/QĐ-BTMMT do BTNMT ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2019, kế hoạch phục hồi mỏ đòi hỏi phải tăng khoản ký quỹ lên 123.460 triệu VND. Cũng tại ngày này, khoản ký quỹ còn lại với số tiền là 87.692 triệu VND đã được phê duyệt cho trả góp hàng năm trong suốt thời gian 10 năm kể từ năm 2019. Đối với các lần ký quỹ trong tương lai, tiền ký quỹ trả góp sẽ bao gồm yếu tố trượt giá căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng hàng năm theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015.

11. Hàng tồn kho

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Hàng mua đang đi trên đường	71.956.654	-	54.194.593	-
Nguyên vật liệu	956.039.022	-	237.723.007	-
Công cụ và dụng cụ	686.047.326	(30.721.208)	572.289.604	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	669.042.621	(25.338.147)	139.145.869	-
Thành phẩm	2.508.689.741	(32.953.813)	1.259.545.121	-
Hàng hóa	23.320.446	-	739.273.589	-
Hàng gửi đi bán	54.045.838	-	136.852.970	-
	4.969.141.648	(89.013.168)	3.139.024.753	-

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 30.721 triệu VND công cụ, 291.208 triệu VND chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và 1.469.146 triệu VND hàng thành phẩm (1/1/2020: Không) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Dụng cụ văn phòng	Phương tiện vận chuyển	Tài sản khai thác khoáng sản khác	Tổng cộng
	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	4.930.775.651	11.821.423.653	42.227.092	16.186.948	5.095.926.136	21.906.539.480
Tăng do hợp nhất kinh doanh	2.636.129.079	4.840.579.656	-	-	-	7.476.708.735
Tăng trong năm	380	31.603.119	-	-	-	31.603.499
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	200.001.653	647.211.246	706.082	1.104.000	-	849.022.981
Thanh lý	(19.720.858)	(115.095.369)	-	(807.551)	-	(135.623.778)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	127.761.931	222.370.577	-	-	-	350.132.508
Số dư cuối năm	7.874.947.836	17.448.092.882	42.933.174	16.483.397	5.095.926.136	30.478.383.425
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.073.164.994	3.552.372.866	38.295.409	11.603.407	1.127.330.359	5.802.767.035
Tăng do hợp nhất kinh doanh	586.645.146	2.819.693.719	-	-	-	3.406.338.865
Khấu hao trong năm	346.595.078	846.030.300	1.574.793	2.170.330	212.669.058	1.409.039.559
Thanh lý	(7.226.526)	(114.095.248)	-	(807.551)	-	(122.129.325)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	26.263.136	129.271.087	-	-	-	155.534.223
Số dư cuối năm	2.025.441.828	7.233.272.724	39.870.202	12.966.186	1.339.999.417	10.651.550.357
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.857.610.657	8.269.050.787	3.931.683	4.583.541	3.968.595.777	16.103.772.445
Số dư cuối năm	5.849.506.008	10.214.820.158	3.062.972	3.517.211	3.755.926.719	19.826.833.068

Trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 73.443 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 49.896 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 10.832 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM và Công ty (1/1/2020: 10.977 tỷ VND) (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Đất	Phần mềm máy vi tính	Quyền khai thác khoáng sản	Chi phí triển khai	Tên thương hiệu	Quan hệ với khách hàng	Công nghệ	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	-	108.309.899	588.370.818	-	-	-	-	-	696.680.717
Tăng do hợp nhất kinh doanh	68.425.536	286.893.361	-	649.265.674	1.062.970.311	218.306.487	1.466.260.807	25.257.122	3.777.379.298
Tăng trong năm	-	10.836.616	-	-	-	-	-	-	10.836.616
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	3.693.341	-	1.404.438	-	-	-	-	5.097.779
Thanh lý	-	(746.069)	-	-	-	-	-	-	(746.069)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	3.548.013	15.830.568	-	35.162.425	57.508.550	11.810.762	79.327.269	1.228.238	204.415.825
Số dư cuối năm	71.973.549	424.817.716	588.370.818	685.832.537	1.120.478.861	230.117.249	1.545.588.076	26.485.360	4.693.664.166
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	-	73.423.648	158.120.358	-	-	-	-	-	231.544.006
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	280.310.256	-	53.616.472	-	-	-	2.029.078	335.955.806
Khấu hao trong năm	-	15.692.012	30.550.328	32.445.109	21.758.309	3.696.804	42.975.821	1.081.302	148.199.685
Thanh lý	-	(746.069)	-	-	-	-	-	-	(746.069)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	15.185.479	-	3.732.808	557.987	94.804	1.102.105	118.156	20.791.339
Số dư cuối năm	-	383.865.326	188.670.686	89.794.389	22.316.296	3.791.608	44.077.926	3.228.536	735.744.767
Giá trị còn lại									
Số dư đầu năm	-	34.886.251	430.250.460	-	-	-	-	-	465.136.711
Số dư cuối năm	71.973.549	40.952.390	399.700.132	596.038.148	1.098.162.565	226.325.641	1.501.510.150	23.256.824	3.957.919.399

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 15.291 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 15.291 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 422 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM và Công ty (1/1/2020: 465 tỷ VND) (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2020	2019
	Nghìn VND	Nghìn VND
Số dư đầu năm	1.694.487.259	1.429.178.901
Tăng trong năm	554.779.318	734.397.495
Tăng do hợp nhất kinh doanh	112.549.289	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	(849.022.981)	(458.284.054)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	(5.097.779)	(8.402.685)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	(8.934.805)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(37.931.144)	(2.402.398)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	6.651.072	-
Số dư cuối năm	1.467.480.229	1.694.487.259

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang trị giá 34 tỷ VND (2019: 55 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của NPM chủ yếu phản ánh chi phí đền bù đất, chi phí phát triển mỏ và nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến các đập chứa đuôi quặng, được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của NPM (Thuyết minh 20(b)).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Đền bù đất	774.195.509	709.194.565
Giải phóng mặt bằng, di dời cơ sở hạ tầng và các chi phí khác	209.074.215	196.250.365
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	151.254.220	608.943.655
Các đập chứa đuôi quặng	25.288	30.254.309
Các tài sản khác	332.930.997	149.844.365
	1.467.480.229	1.694.487.259

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước và Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	Chi phí khai thác khoáng sản khác	Chi phí phát sinh để có được hợp đồng (*)	Chi phí trả trước khác	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Số dư đầu năm	1.006.778.004	1.563.054.219	-	56.026.360	2.625.858.583
Số dư đầu năm	-	130.679.345	186.387.600	169.718.472	486.785.417
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	-	-	8.934.805	8.934.805
Chuyển từ phải thu dài hạn	15.607.194	-	-	-	15.607.194
Phân bổ trong năm	(74.060.263)	(112.477.373)	(4.413.765)	(40.340.460)	(231.291.861)
Số dư cuối năm	948.324.935	1.581.256.191	181.973.835	194.339.177	2.905.894.138

(*) Tháng 9 năm 2020, một công ty con phát sinh chi phí chấm dứt hợp đồng bao tiêu dài hạn với một khách hàng hiện hữu để có được một hợp đồng thuận lợi hơn với một khách hàng mới. Chi phí này là chi phí phát sinh để có được hợp đồng, do đó được vốn hóa và phân bổ theo phương pháp mang tính hệ thống và phù hợp với việc chuyển giao hàng hóa theo hợp đồng mới này.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Các bên thứ ba		
Khách hàng mua sản phẩm Fluorspar (*)	645.340.981	1.073.439.647
Khách hàng mua sản phẩm Bismuth (*)	103.650.397	278.534
Các khách hàng khác	206.743.844	31.885.165
	955.735.222	1.105.603.346

(*) Khoản trả tiền trước từ bán Fluorspar và Bismuth được trừ hàng tháng thông qua các lần giao hàng sau đó. Khoản trả tiền trước của khách hàng mua sản phẩm Fluorspar chịu phí trả trước dựa theo điều khoản thỏa thuận và được công ty mẹ cấp trung và công ty mẹ cấp cao nhất bảo lãnh.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2020	Tăng do hợp nhất kinh doanh	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/bù trừ trong năm	Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	31/12/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Thuế phải nộp Nhà nước Việt Nam						
Thuế giá trị gia tăng	-	-	333.350.890	(333.350.890)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	666.641.059	(666.641.059)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	134.400.473	-	(3.805.730)	(130.139.941)	-	454.802
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	28.888.859	(28.888.859)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	63.044.211	-	139.858.517	(194.121.425)	-	8.781.303
Thuế tài nguyên	-	-	316.951.961	(316.951.961)	-	-
Các loại thuế khác	2.276.799	-	24.946.981	(23.360.462)	-	3.863.318
	199.721.483	-	1.506.832.537	(1.693.454.597)	-	13.099.423
Thuế phải nộp cho cơ quan thuế nước ngoài						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	92.822.622	24.460.388	(24.452.265)	8.514.328	101.345.073
Các loại thuế khác	-	89.618.155	-	(46.698.761)	5.312.891	48.232.285
	-	182.440.777	24.460.388	(71.151.026)	13.827.219	149.577.358
	199.721.483	182.440.777	1.531.292.925	(1.764.605.623)	13.827.219	162.676.781

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí hoạt động	563.082.117	314.119.079
Tiền lãi vay phải trả	228.436.211	239.049.922
Trích trước chi phí tài chính khác	14.691.057	4.181.514
Phí phát hành cổ phiếu	42.624.809	-
Phí tư vấn	42.620.276	983.850
Thuế và phí tài nguyên	25.766.750	71.039.152
Tiền thưởng	15.469.188	59.959.470
Chi phí xây dựng phải trả	10.576.562	14.187.389
Chi phí phải trả khác	1.380.829	1.380.830
	944.647.799	704.901.206

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	31/12/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
Ngắn hạn:		
Phải trả cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất		
Chi phí tài chính – ngắn hạn (a)	244.123.839	1.124.123.839
Phải trả cho Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (“MH”) – công ty mẹ trực tiếp		
Phi thương mại – ngắn hạn (b)	2.511.785	2.511.785
Phải trả khác cho các bên khác		
Phải trả do chấm dứt hợp đồng bao tiêu với khách hàng	47.056.004	-
Phải trả khác – ngắn hạn	12.991.835	339.972
	306.683.463	1.126.975.596
Dài hạn:		
Phải trả các bên khác		
Phải trả khác – dài hạn	500.170	-

(a) Theo thỏa thuận với MSN – công ty mẹ cấp cao nhất, các khoản này không được đảm bảo, không chịu lãi.

(b) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay và trái phiếu phát hành

(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn

	1/1/2020		Biến động trong năm		31/12/2020	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Tăng	Thanh toán	Phân loại lại từ vay dài hạn	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND
Short-term borrowings	3.188.857.080	8.050.093.685	(8.070.548.253)	-	(3.758.494)	3.164.644.018
Current portion of long-term borrowings (Note20(b))	4.568.426.661	27.312.927	(4.595.739.588)	998.222.222	-	998.222.222
	7.757.283.741	8.077.406.612	(12.666.287.841)	998.222.222	(3.758.494)	4.162.866.240

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	USD	1,135,396,849	864,314,359
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	VND	-	150,308,000
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	VND	895,817,351	1,082,810,380
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	USD	-	15,908,877
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iii)	USD	333,766,713	164,877,248
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iii)	VND	286,954,000	504,905,811
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iv)	VND	190,352,000	150,245,000
Khoản vay ngân hàng không được đảm bảo (v)	VND	100,589,728	57,915,778
Khoản vay ngân hàng không được đảm bảo (v)	USD	96,054,387	155,757,627
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (vi)	USD	125,712,990	41,814,000
		3,164,644,018	3,188,857,080

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Khoản vay bằng USD và VND từ một bên liên quan chịu lãi suất lần lượt là từ 3,45% đến 4,93% một năm và từ 8,70% đến 9,52% một năm. (1/1/2020: 3,88% - 4,93% và 8,95% - 9,47%). Khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của NPM và 7,19% cổ phiếu đã phát hành của Công ty do Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (“MH”) nắm giữ.
- (ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của NPM. Khoản vay bằng USD và VND chịu lãi suất lần lượt trong khoảng từ 4,5% đến 5,5% một năm và từ 7,0% đến 7,5% một năm (1/1/2020: 4,5% - 5,5% và 6,8% - 9,5%).
- (iii) Các khoản vay cụ thể bằng USD và VND bởi MTC – một công ty con, chịu lãi suất tương ứng trong khoảng từ 5.1% đến 6,1% một năm và từ 7,7% đến 9,3% một năm (1/1/2020: 5% - 6,3% và 8,3% - 9,6%).
- (iv) Các khoản vay cụ thể bằng VND bởi NPM - công ty con, chịu lãi suất trong khoảng từ 8,4% đến 9,6% một năm (1/1/2020: 6,8%). Các khoản vay trên trong mục a(iii) và a(iv) từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng 10,01% cổ phiếu đã phát hành của Công ty do MH nắm giữ.
- (v) Khoản vay từ hai chi nhánh của một ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam không được đảm bảo. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD và VND chịu lãi suất tương ứng trong khoảng từ 3,08% đến 4,57% một năm và từ 4,7% đến 6,8% một năm (1/1/2020: 4,5% - 4,6% và 6,8%).
- (vi) Khoản vay bằng USD từ một ngân hàng nước ngoài được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn và toàn bộ tài khoản ngân hàng của MTC mở tại ngân hàng này. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD chịu lãi suất trong khoảng từ 2,22% đến 4,3% một năm (1/1/2020: 3,3% - 3,9%).

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Trái phiếu dài hạn

	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn	10,218,664,742	9,538,080,318
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 20(a))	(998,222,222)	(4,568,426,661)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	9,220,442,520	4,969,653,657

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Năm đáo hạn	31/12/2020	1/1/2020
		Nghìn VND	Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	2020	-	3.570.177.119
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	2020	-	998.249.542
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (a)	2023	497.829.434	496.989.214
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (b)	2021	998.222.222	995.555.556
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (c)	2023	1.493.200.000	1.490.800.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (d)	2024	497.186.709	496.533.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (e)	2022	298.874.684	298.133.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (f)	2022	199.202.900	198.711.110
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (g)	2024	497.333.333	496.533.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (h)	2022	99.488.774	99.288.889
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (i)	2022	189.028.670	188.648.889
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (j)	2022	209.000.349	208.460.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (k)	2023	1.577.600.000	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (l)	2023	986.000.000	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (m)	2023	689.638.629	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (n)	2023	993.333.333	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (o)	2023	992.725.705	-
		10.218.664.742	9.538.080.318

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị phát hành trái phiếu có đảm bảo này được thể hiện theo giá trị thuần sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

- (a) Số trái phiếu bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 4,70% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH.
- (b) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 9,8% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của NPM (Thuyết minh 12, Thuyết minh 13 và Thuyết minh 14).
- (c) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 14,09% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH và một số tài sản dài hạn của NPM (Thuyết minh 12, Thuyết minh 13 và Thuyết minh 14).
- (d) Số trái phiếu bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10,2% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,06% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH.
- (e) Số trái phiếu bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 2,84% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH.
- (f) Số trái phiếu bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 1,89% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH.
- (g) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn năm (5) năm và chịu lãi suất 10,2% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 5,06% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH và một số tài sản dài hạn của NPM (Thuyết minh 12, Thuyết minh 13 và Thuyết minh 14).
- (h) Số trái phiếu bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 1,22% số cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Số trái phiếu bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 2,31% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH và được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của NPM (Thuyết minh 12, Thuyết minh 13 và Thuyết minh 14).
- (j) Số trái phiếu bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 2,48% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH.
- (k) Số trái phiếu bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan – công ty mẹ cấp cao nhất, và được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của NPM (Thuyết minh 12, Thuyết minh 13 và Thuyết minh 14).
- (l) Số trái phiếu bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan – công ty mẹ cấp cao nhất và được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của NPM (Thuyết minh 12, Thuyết minh 13 và Thuyết minh 14).
- (m) Số trái phiếu bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan – công ty mẹ cấp cao nhất và được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của NPM. (Thuyết minh 12, Thuyết minh 13 và Thuyết minh 14).
- (n) Số trái phiếu bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 12,38% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH.
- (o) Số trái phiếu bằng VND do NPM phát hành có kỳ hạn ba (3) năm và chịu lãi suất 10% một năm trong 12 tháng đầu. Sau 12 tháng đầu tiên, lãi suất năm được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 12,38% cổ phiếu đã phát hành của Công ty nắm giữ bởi MH.

Giá trị phát hành trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

Đại diện của các trái chủ trong các thuyết minh nêu trên là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương – công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại, thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

Thuế suất	31/12/2020 Nghìn VND	1/1/2020 Nghìn VND	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tái xác định dự phòng trợ cấp hưu trí phải trả thuần	30%	1.281.357.440	-
Điều chỉnh giá trị hợp lý của tài sản khác từ hợp nhất kinh doanh (*)	15% - 30%	(520.258.159)	-
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	30%	187.383.399	-
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng (*)	30%	(275.044.687)	-
Quan hệ có từ trước – Lợi ích của hợp đồng với NPM	30%	20.045.683	-
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		693.483.676	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất	15%	552.077.034	583.078.428
Lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	10% - 15%	45.054.074	3.900.260
Tài sản vô hình mới được xác định từ hợp nhất kinh doanh	30%	1.010.890.563	-
Điều chỉnh giá trị hợp lý của tài sản khác từ hợp nhất kinh doanh	15% - 30%	162.647.075	-
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	30%	16.752.855	-
Các khoản khác	30%	55.411.934	-
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1.842.833.535	586.978.688

(*) Các khoản tài sản và nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại này chủ yếu phát sinh từ HCS và các công ty con. Các khoản mục này được trình bày trên cơ sở thuần do các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành với nợ thuế thu nhập hiện hành phải trả, và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản thuế thu nhập được áp bởi cùng một cơ quan quản lý thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm

	1/1/2020 Nghìn VND	Increases from business combination (Note 5) Nghìn VND	Recognised in consolidated statement of income Nghìn VND	Recognised in equity Nghìn VND	31/12/2020 Nghìn VND
Trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất	(583.078.428)	-	31.001.394	-	(552.077.034)
Lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	(3.900.260)	-	(41.153.814)	-	(45.054.074)
Tài sản quan hệ có từ trước	-	22.384.346	(2.338.663)	-	20.045.683
Tài sản quan hệ có từ trước	-	1.163.407.482	-	117.949.958	1.281.357.440
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	-	38.391.743	143.767.487	5.224.169	187.383.399
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	-	(267.482.770)	2.590.356	(26.905.128)	(291.797.542)
Tài sản vô hình mới được xác định từ hợp nhất kinh doanh	-	(951.280.572)	26.022.880	(85.632.871)	(1.010.890.563)
Điều chỉnh giá trị hợp lý của tài sản khác từ hợp nhất kinh doanh	-	(667.132.172)	25.276.373	(41.049.435)	(682.905.234)
Các khoản khác	-	(42.865.105)	(16.509.558)	3.962.729	(55.411.934)
	(586.978.688)	(704.577.048)	168.656.455	(26.450.578)	(1.149.349.859)

(**) Thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trong vốn chủ sở hữu bao gồm khoản thuế thu nhập hoãn lại liên quan của giá trị tái xác định nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần – dự phòng trợ cấp hưu trí. Như trình bày tại Thuyết minh 3(l), các khoản này được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu dưới tài khoản “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Khôi phục hiện trường	Quyền khai thác khoáng sản	Quỹ hưu trí và phụ cấp khác	Tổng cộng
	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND
Số dư đầu năm	99.121.941	429.781.166	-	528.903.107
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	5.946.290.580	5.946.290.580
Dự phòng lập trong năm	4.678.557	33.613.058	71.885.161	110.176.776
Tái xác định dự phòng trợ cấp hưu trí (*)	-	-	514.337.973	514.337.973
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(73.145.651)	(142.227.470)	(215.373.121)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	573.041.087	573.041.087
Số dư cuối năm	103.800.498	390.248.573	6.963.327.331	7.457.376.402

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND	Ngìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	8.993.091.220	145.709.384	(295.683.347)	-	-	3.282.836.988	12.125.954.245	-	12.125.954.245
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	352.393.815	352.393.815	-	352.393.815
Phát hành cổ phiếu thường	899.307.560	-	-	-	-	(899.307.560)	-	-	-
Mua lại quyền sở hữu cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(8.525.794)	(8.525.794)	-	(8.525.794)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	9.892.398.780	145.709.384	(295.683.347)	-	-	2.727.397.449	12.469.822.266	-	12.469.822.266
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	39.195.963	39.195.963	12.594.995	51.790.958
Tăng do hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	-	-	-	-	-	-	-	49.291.905	49.291.905
Phát hành cổ phiếu mới	1.099.155.420	995.175.317	-	-	-	-	2.094.330.737	-	2.094.330.737
Phí giao dịch phát hành cổ phiếu mới	-	(42.624.809)	-	-	-	-	(42.624.809)	-	(42.624.809)
Tái xác định dự phòng trợ cấp hưu trí	-	-	-	-	(358.967.342)	-	(358.967.342)	-	(358.967.342)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(189.058.584)	-	-	(189.058.584)	4.955.904	(184.102.680)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	10.991.554.200	1.098.259.892	(295.683.347)	(189.058.584)	(358.967.342)	2.766.593.412	14.012.698.231	66.842.804	14.079.541.035

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	Nghìn VND	Số cổ phiếu	Nghìn VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.099.155.420	10.991.554.200	989.239.878	9.892.398.780
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.099.155.420	10.991.554.200	989.239.878	9.892.398.780
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.099.155.420	10.991.554.200	989.239.878	9.892.398.780
Thặng dư vốn cổ phần	-	1.098.259.892	-	145.709.384

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2020		2019	
	Số cổ phiếu	Nghìn VND	Số cổ phiếu	Nghìn VND
Số dư đầu năm	989.239.878	9.892.398.780	899.309.122	8.993.091.220
Phát hành cổ phiếu thường trong năm	-	-	89.930.756	899.307.560
Phát hành cổ phiếu phổ thông trong năm (*)	109.915.542	1.099.155.420	-	-
Số dư cuối năm	1.099.155.420	10.991.554.200	989.239.878	9.892.398.780

(*) Ngày 26 tháng 10 năm 2020, Công ty ký hợp đồng quyền chọn bán với Mitsubishi Material Corporation (Nhà đầu tư) để phát hành 109.915.542 cổ phiếu phổ thông cho tổng khoản thanh toán là 2.094.330.737.268 VND. Liên quan đến giao dịch này, Công ty đã cấp quyền chọn bán cho Nhà Đầu Tư mà quyền chọn bán này chỉ được thực hiện trong trường hợp khi (i) Công ty và Nhà Đầu Tư (hoặc các bên liên kết của Nhà Đầu Tư) không thể thiết lập được nền tảng vận hành chung cho mảng kinh doanh vonfram chế biến cận sâu trong vòng 18 tháng kể từ ngày hoàn tất của giao dịch này hoặc (ii) khi có sự thay đổi quyền kiểm soát đối với Công ty. Giá mua của quyền chọn bán bằng với giá đặt mua cổ phần bằng VND trừ đi tổng số tiền thu được bởi Nhà Đầu Tư từ việc bán cổ phần của Công ty và tổng số cổ tức và khoản bồi hoàn mà Nhà Đầu Tư nhận được, có thể được điều chỉnh cho những sự kiện suy giảm quyền sở hữu trong tương lai. Hạn chót để hoàn tất giao dịch quyền chọn bán là trong vòng 18 tháng kể từ ngày Công ty nhận được thông báo thực hiện quyền chọn bán từ Nhà Đầu Tư. Việc thực hiện quyền chọn bán phải có sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị, các cổ đông và các cơ quan quản lý của Việt Nam.

Việc phát hành cổ phiếu kết thúc vào ngày 24 tháng 11 năm 2020 và tất cả các cổ phiếu dự kiến đều đã được phân phối và tất cả các khoản thanh toán đã thu được. Sau khi hoàn thành giao dịch này, Nhà đầu tư nắm giữ 10% lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty. Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu mới được sử dụng để nâng cao năng lực tài chính, quy mô hoạt động và khả năng cạnh tranh, tạo cơ sở cho việc phát triển bền vững, an toàn, hiệu quả của Công ty và/hoặc các công ty con thông qua việc góp vốn công ty con.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Trong vòng một năm	16.497.931	2.145.000
Trong vòng hai đến năm năm	16.599.443	-
	33.097.374	2.145.000

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	12.139.880.37	279.035.150	30.746.796	710.558.466
EUR	10.166.623.19	285.438.113	-	-
JPY	149.538.241.00	33.004.585	-	-
CNY	10.586.982.83	36.747.417	-	-
CAD	763.488.94	13.650.419	-	-

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	21.507.965	21.507.965

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2020	1/1/2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	176.985.972	1.040.288
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	85.765.512	14.594.996
	262.751.484	15.635.284

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Điều chỉnh giá bán chính thức

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(p), Tập đoàn có các cam kết theo các hợp đồng mua bán nhằm điều chỉnh giá bán sản phẩm dựa trên giá thị trường niêm yết trong tương lai tại London Metal Bulletin (“LMB”) tại ngày có giá chính thức đã thỏa thuận. Doanh thu tạm tính được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu tại ngày giao dịch. Doanh thu sẽ được điều chỉnh tại ngày có giá chính thức sau ngày kết thúc kế toán năm.

Không có khoản doanh thu nào được ghi nhận trên cơ sở giá tạm tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 301 tỷ VND).

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế xuất khẩu.

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020	2019
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phí quyền chọn mua	406.473.000	-
Thanh toán chi phí lãi vay trước đây từ thỏa thuận dàn xếp vụ kiện tại trọng tài quốc tế	-	809.725.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	187.623.389	78.308.024
Lãi tiền gửi và cho vay	52.304.346	39.037.312
Doanh thu hoạt động tài chính khác	81.613	4.609.924
	646.482.348	931.680.260

28. Chi phí tài chính

	2020	2019
	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí lãi vay	1.199.925.907	1.079.224.166
Chi phí đi vay	78.922.551	82.295.440
Lỗ chênh lệch tỷ giá	230.948.527	54.140.686
Chi phí tài chính khác	143.171.014	75.000.897
	1.652.967.999	1.290.661.189

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thu nhập khác

	2020	2019
	Nghìn VND	Nghìn VND
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh 5)	1.298.081.205	-
Đền bù khác theo thỏa thuận dàn xếp vụ kiện tại trọng tài quốc tế	-	1.212.834.666
Lãi do thanh lý tài sản cố định	12.478.204	9.741.897
Lãi do bán phế liệu	1.462.130	977.273
Các khoản khác	16.964.529	6.475.574
	1.328.986.068	1.230.029.410

30. Chi phí khác

	2020	2019
	Nghìn VND	Nghìn VND
Các khoản phạt thuế	9,370,848	32,904,728
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	8,776,981	-
Chi phí khác do thỏa thuận dàn xếp vụ kiện tại trọng tài quốc tế	-	522,246,200
Hủy bỏ thỏa thuận bán các khoản phải thu tiền bồi thường trước đây	-	256,200,000
Đền bù cho việc hủy bỏ thỏa thuận bán các khoản phải thu tiền bồi thường	40,660,742	7,369,380
Các khoản khác	58,808,571	893,457,185

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2020	2019
	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	24.879.988	128.366.030
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(4.225.330)	10.196.118
	20,654,658	138,562,148
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	(168,656,455)	(25,169,620)
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(148,001,797)	113,392,528

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2020	2019
	Nghìn VND	Nghìn VND
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(96,210,839)	465,786,343
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(19,242,167)	93,157,269
Chi phí không được khấu trừ thuế	7,151,662	21,340,103
Ưu đãi thuế	-	(32,286,329)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	7,635,516	1,762,922
Thu nhập không bị tính thuế	(259,616,241)	-
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(4,225,330)	10,196,118
Biến động chênh lệch tạm thời	120,294,763	19,222,445
	(148,001,797)	113,392,528

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo quy định hiện hành. Các công ty con của Công ty được hưởng các ưu đãi thuế khác nhau, theo đó các công ty con này được hưởng thêm các miễn giảm thuế như sau:

- MTC – một công ty con được hưởng các ưu đãi thuế áp dụng cho dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.
- NPM – một công ty con được hưởng các ưu đãi thuế áp dụng cho hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đối với các sản phẩm khoáng sản không phải vàng tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Tất cả các ưu đãi về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp nêu trên sẽ không áp dụng với thu nhập khác, thu nhập khác sẽ chịu mức thuế suất 20%.

HCS và các công ty con của HSC hoạt động chủ yếu tại Đức, Canada, Trung Quốc.

- Các công ty có trụ sở tại Đức có hình thức pháp lý là công ty cổ phần phải chịu mức thuế thu nhập doanh nghiệp 15% cộng với khoản phụ thu thuế với mức 5,5% (phụ thu thuế đoàn kết cộng đồng – solidarity surcharge). Do đó, tổng thuế suất phải nộp là 15,825%. Các công ty này cũng phải nộp thuế Thương mại (Trade tax), bằng thuế suất cơ bản (uniform tax rate) 3,5 % (mức thuế cơ sở) nhân với mức thuế suất địa phương tùy thuộc vào vị trí của trụ sở công ty. Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế suất và thuế Thương mại, trung bình xấp xỉ 30%;

- H.C. Starck Jiangwu Tungsten Specialities (Ganzhou), Co., Ltd chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất có vốn đầu tư nước ngoài và thành lập tại Cám Châu, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc;

- H.C. Starck Canada Inc. chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp Canada, xấp xỉ 25%.

(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại một số quốc gia mà Công ty và các công ty con hoạt động phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể làm phát sinh rủi ro về thuế cho Công ty và các công ty con. Ban Giám đốc tin rằng, Công ty và các công ty con đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế Việt Nam, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông là 39.196 triệu VND (2019: 352.394 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 1.000.651.874 cổ phiếu (2019: 989.239.878 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông

	2020	2019
	Nghìn VND	Nghìn VND
Lợi nhuận thuần trong năm	51.790.958	352.393.815
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(12.594.995)	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	39.195.963	352.393.815

(b) Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền

	2020	2019
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	989.239.878	899.309.122
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng ngày 18 tháng 11 năm 2019	-	89.930.756
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu ngày 24 tháng 11 năm 2020	11.411.996	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	1.000.651.874	989.239.878

(c) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có số dư và các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan.

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tập đoàn có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất và công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ số lượng trái phiếu đã phát hành của Tập đoàn tương ứng với 161.807 triệu VND (1/1/2020: 319.180 triệu VND) và Không (1/1/2020: 1.250.000 triệu VND).

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2020 Nghìn VND	2019 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”)	Lãi trái phiếu	-	120.429.756
	Khoản vay nhận được	2.181.000.000	-
	Khoản vay đã trả	(2.181.000.000)	-
	Chi phí lãi vay	13.773.529	-
	Cho vay	1.923.753.425	1.000.000.000
	Thu hồi khoản cho vay	(1.780.273.973)	-
	Thu nhập lãi cho vay	46.098.803	-
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và công ty con			
	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	91.904.512	73.109.464
	Khoản vay nhận được	38.823.600	1.367.341.337
	Khoản vay đã trả	1.777.789.296	1.498.587.983
	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (i)	5.300.138.629	2.000.000.000
	Tiền mua lại trái phiếu	1.900.979.224	-
	Phí liên quan đến trái phiếu đã trả	-	18.550.000

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2020 Nghìn VND	2019 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Mua hàng hóa	1.370.253	1.352.168
	Mua dịch vụ	1.273.609	2.509.043
Công ty TNHH Tầm nhìn Masan	NPM thanh toán hộ phí	-	2.050.559
	Hủy bỏ thỏa thuận bán các khoản phải thu tiền bồi thường	-	256.200.000
	Đền bù việc hủy bỏ thỏa thuận các khoản phải thu tiền bồi thường	-	74.936.877
Cán bộ quản lý chủ chốt	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (ii)	25.157.139	31.123.186
Hội đồng Quản trị (“HĐQT”)			
Thành viên HĐQT	Bán hàng hóa cho một công ty liên quan của một thành viên HĐQT (iii)	-	725.041.695

(i) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo các thỏa thuận thu xếp giao dịch.

(ii) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Trong thù lao cho Cán bộ quản lý chủ chốt, thù lao thực tế của Hội đồng Quản trị, lương và thưởng cho từng thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Tên	Chức vụ	Nghìn VND
Hội đồng quản trị		
Ông Danny Le	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	-
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Chủ tịch thứ nhất	-
Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên Hội đồng Quản trị	-
Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên Hội đồng Quản trị	-
Ban Giám đốc		
Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc (*)	25.157.139

(*) Lương và thưởng cho Tổng Giám đốc của Công ty trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019 được chi trả bởi một công ty con của Công ty.

(iii) Trong năm 2018, NPM – một công ty con của Tập đoàn bán hàng hóa cho một công ty liên quan của một thành viên của HĐQT của NPM và cũng là một thành viên của HĐQT của Công ty, và sau đó, trong năm 2019, NPM mua những hàng hóa này từ công ty liên quan đó. Giao dịch mua lại đã được Hội đồng Thành viên của NPM phê duyệt vào ngày 25 tháng 3 năm 2019.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
(trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

<p>Người lập:</p>  <p>Nguyễn Thị Thanh Mai Kế toán trưởng</p>	<p>Ngày 5 tháng 3 năm 2021</p> <p>Người kiểm tra:</p>  <p>Stuart James Wells Giám đốc Tài chính</p>	<p>Người duyệt:</p>   <p>Craig Richard Bradshaw Tổng Giám đốc</p>
--	--	---

KHUYẾN CÁO ĐỐI VỚI CÁC NHẬN ĐỊNH VỀ TƯƠNG LAI

Báo cáo này chứa đựng những thông tin có thể bao hàm những “nhận định về tương lai”. Nói chung, các từ ngữ “tin tưởng”, “kỳ vọng”, “dự định”, “nhắm đến”, “ước tính”, “dự kiến”, “dự phóng”, “sẽ” và những từ ngữ tương tự xác định các nhận định về tương lai, mà nhìn chung không phải là các sự kiện đã xảy ra thực tế. Tuy nhiên, việc một nhận định không có các từ ngữ này hoặc các từ ngữ tương tự không có nghĩa là nhận định đó không phải là nhận định về tương lai. Toàn bộ các nhận định về kết quả hoạt động, các sự kiện hoặc sự phát triển mà chúng tôi kỳ vọng hoặc dự kiến sẽ xảy ra trong tương lai – bao gồm các nhận định về mức độ tăng trưởng, thị phần bán hàng và lợi nhuận trên mức độ tăng trưởng thị phần, và các nhận định về quan điểm chung đối với kết quả hoạt động trong tương lai – là những nhận định về tương lai.

Ban điều hành tin rằng những nhận định về tương lai là hợp lý tại thời điểm được đưa ra. Tuy nhiên các nhà đầu tư cần lưu ý không phụ thuộc quá nhiều vào bất kỳ nhận định về tương lai nào trong báo cáo này bởi vì các nhận định về tương lai này được đề cập vào ngày lập báo cáo. Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan không có bất kỳ nghĩa vụ nào phải cập nhật hoặc sửa đổi công khai đối với bất kỳ nhận định nào, cho dù có xuất hiện những thông tin mới, những sự kiện tương lai hoặc bất kỳ diễn biến nào khác, ngoại trừ trường hợp theo yêu cầu của pháp luật. Ngoài ra, những nhận định về tương lai còn tùy thuộc vào nhiều rủi ro và những bất trắc có thể khiến kết quả được kiểm toán hoàn toàn khác biệt so với những kết quả trước đây của Công ty và những kỳ vọng hoặc mong đợi hiện tại của chúng tôi. Những rủi ro này bao gồm các rủi ro về định giá sản phẩm và giá bán của Công ty đối với vonfram, đồng, florit và bismut được xác định bởi, hoặc có liên quan đến giá cả trên thị trường thế giới, mà đã từng xảy ra biến động lớn. Sự biến động về giá sản phẩm có thể xảy ra do các thay đổi về giá từ các yếu tố kinh tế và địa chính trị toàn cầu, nhu cầu của ngành công nghiệp, nguồn cung tăng do sự phát triển của các nguồn tài nguyên hữu ích mới, thay đổi công nghệ, sản phẩm thay thế và các khoản thuế của nhà nước. Sự biến động về tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu tiềm ẩn tác động bất lợi đến nhu cầu và giá cả hàng hóa trong tương lai. Điều này cũng tiềm ẩn tác động tiêu cực đến lợi nhuận và dòng tiền trong tương lai. Những rủi ro và bất trắc này bao gồm, nhưng không giới hạn bởi, những nội dung được đề cập tại các phần khác của báo cáo này và những nội dung được đề cập tại từng thời điểm trong các báo cáo tương lai của chúng tôi được nộp cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Báo cáo này không được phát hành tại Hoa Kỳ. Báo cáo này và các thông tin chứa đựng trong báo cáo này không phải là một bản chào bán chứng khoán tại Hoa Kỳ. Chứng khoán có thể không được phép chào bán tại Hoa Kỳ nếu không đăng ký theo Luật Chứng khoán năm 1933 của Hoa Kỳ, như được sửa đổi, hoặc không được miễn đăng ký. Bất kỳ việc chào bán công khai nào đối với chứng khoán tại Hoa Kỳ sẽ phải được thực hiện bằng bản cáo bạch mà có thể được cung cấp bởi tổ chức phát hành chứng khoán hoặc người nắm giữ các chứng khoán được chào bán và sẽ có các thông tin chi tiết về Công ty và Ban Điều hành Công ty cũng như báo cáo tài chính.

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

ACCA	Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh	Luật Doanh nghiệp	Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2014
AGM	Hội nghị Thường niên	M&A	Mua bán và sáp nhập
ANCO	Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế	Masan Group	MSN và các công ty con
APEC	Diễn đàn Hợp tác Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương	MSN	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
APT	Muối Amoni Vonframat	MH	Công ty TNHH Tầm nhìn Masan
BAH	Người bị ảnh hưởng bởi Dự án	MML	Công ty Cổ phần Masan MEATLife
BKS	Ban Kiểm soát của Công ty	MRTN	Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên
Bộ TNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường	MCH	Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
BTO	Oxit Vonfram xanh	MTC	Công ty TNHH Vonfram Masan
CHESS	Ủy ban An toàn, Sức khỏe, Môi trường, Cộng đồng và Phát triển Bền vững	mtu	1mtu = 10kg
CSI	Bộ chỉ số doanh nghiệp bền vững	NPMC	Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
CSR	Trách nhiệm xã hội	RMI	Sáng kiến về nguồn khoáng sản có trách nhiệm
dmt	Đơn vị tấn khô	SDGs	Các mục tiêu Phát triển Bền vững toàn cầu
DP2	Điểm xả thải số 2	ST	Muối Natri Vonframat
DP3	Điểm xả thải số 3	STC	Đập chứa đuôi quặng sulphua
Dự án Núi Pháo	Dự án Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 17121000026 do UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 21/07/2010 (điều chỉnh bổ sung theo từng thời điểm)	TNTI	Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông	TRIFR	Tỷ lệ tổng tai nạn được ghi nhận
EBITDA	Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao	TSF	Đập chứa đuôi quặng
EC	Hiệu ứng điện sắc	UB	Ủy ban
EIA	Đánh giá tác động môi trường	UPCOM	Thị trường giao dịch cổ phiếu của Công ty đại chúng chưa niêm yết
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội	USD or US\$ or \$	Đơn vị tiền tệ của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ
H.C.Starck hoặc HCS	Công ty H.C.Starck GmbH	VAS	Tiêu chuẩn Kế toán Việt Nam
HĐQT	Hội đồng Quản trị	VAT	Thuế Giá trị gia tăng
HĐTV	Hội đồng Thành viên	VBCSD	Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam
HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	VND	Đơn vị tiền tệ của Nước CHXHCN Việt Nam
IC	Vì mạch	VNR	Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam
IT	Công nghệ thông tin	VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
ITIA	Muối kết tinh Amoni Vonframat	YTO	Oxit Vonfram Vàng
iTSCI	Sáng kiến chuỗi cung ứng nguồn khoáng sản có trách nhiệm		
LCD	Màn hình tinh thể lỏng		
LTIFR	Tần suất tai nạn gây mất ngày công		

Đổi mới Sáng tạo . Phát Triển Bền Vững

VƯƠN RA TOÀN CẦU

Tập trung kiến tạo giải pháp cho khách hàng

